

NAM CAO Đôi mắt

tập truyện ngắn



Mục lục

Mò Sâm Banh

Dì Hảo

Đôi Mắt

Trẻ Con Không Được Ăn Thịt Chó

Xem Bói

Nhật Ký Ở Rừng

Ma Đưa

Giăng Săng

Đời Thừa

Chí Phèo

Con Mèo

Tư Cách Mỗ

Một Bữa No

Đội Chờ

Trần Cừ

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Mò Sâm Banh

Chủ bếp Tư rất thận trọng về vấn đề giữ vệ sinh. Ông thường nói rằng: Khí hậu ở đây chẳng được lành; những người chưa quen với thủy thổ miền nhiệt đới, đến đây mà chẳng biết giữ thân, khó khỏi chết vì những bệnh thương hàn hay kiết lỵ. Những bệnh nguy hiểm ấy truyền nhiễm phần nhiều do nước bẩn. Bởi vậy nước ăn của ông phải coi giữ thế nào cho thật sạch. Cái bể nước của ông, ông coi quý gần bằng vợ ông. Mà có lẽ còn quý hơn vợ ông nữa. Bởi vì vợ ông, ông có thể để người khác bắt tay, chứ bể nước mà đứa nào dám nhúng tay bẩn hay cái "xô" bẩn vào thì cứ liệu cái thần hồn với ông.

Ở nhà chủ, bếp Tư thích nhất cái bể nước ăn này. Nó to bằng cả một gian nhà rộng, nước mưa ở trên các mái nhà theo hai cái ống máng mà trút xuống. Mặt bể bưng kín mít, trừ một máng vuông, mỗi bể chừng một thước, có nắp khít như nắp cống. Những ngày nghỉ, vợ chồng ông chủ về Hà Nội, thằng Tề con bác bếp vẫn đẩy nắp bể cho thật kín rồi trèo lên mặt bể, co một chân lên bắt chước Lã Bố đi bài tẩu mã hoặc nhảy huỳnh huych để bắt chước Võ Tòng sát tẩu. Cái mặt bể toàn xi măng cốt sắt, bốn mươi thằng Tề nhảy cũng không việc gì.

Tề là con một bác Tư. Mẹ nó chết mới xong tang. Bố nó tính hiền lành nên rất yêu con. Chẳng như những bồi bếp khác, nay vợ này, mai vợ khác, hoặc nhân tình nhân ngãi với bọn cô đầu, nhà thổ. Vợ chết quá ba năm rồi mà nghĩ đến lúc nào bác ta vẫn còn thương. Có khi đang ngồi bác tự nhiên khóc hu hu. Hỏi bác thì bác bảo: Cũng ngày này năm nọ, bác xin được phép chủ về quê đón vợ con ra ở luôn đây với bác, thế mà bây giờ vợ bác đã nở bỏ bác mà đi cho đành! Chẳng ngày rằm, mừng một nào bác không thắp hương cúng vợ.

Cúng xong, bác rơm rớm nước mắt, thở dài thở ngắn. Tề thấy thế thương cha vô cùng.

Chỉ thương suông không thể gọi là thương. Cái lỗi thương để bụng vô ích lắm. Phải tìm cách tỏ lòng thương ra ngoài mới được. Nghĩa là phải kính mến, nghe lời, giúp đỡ. Thầy giáo Tề bảo thế. Cũng vừa mới bảo lúc nãy thôi, khi giảng nghĩa bài luân lý. Bởi vậy, cặp sách về đến nhà trông thấy bố, Tề nhớ lại. Và Tề có ý nhìn xem bố làm gì. Làm gì? Bác Tư đang vắt cái bụng lên thành bể, hai chân đeo lưng lẳng ở bên ngoài, phần trên người buông thông xuống ở bên trong. Không có lý bác gọi đầu bằng cách ấy. Tề im im đứng đợi... Bỗng hai cái chân tụt xuống, bác bếp Tư rút đầu ra. Và bác giật mình đánh thót. Ấy là bác thoáng trông thấy có người đứng cạnh mà không biết người ấy là Tề. Tề mỉm cười, khẽ hỏi:

- Bác làm gì vậy?

Bác Tư ấp úng một lát rồi mới nói ra lời được:

- À! Mày... mày đấy à!

Bác nhe những cái răng đen lờ lờ ra cười khì khì. Bởi thật thà thì trống ngực bác ta còn đập. Bác mới hơi định thần.

Tề hối hận vì đã làm cha hoảng sợ. Nó nhìn cha, ái ngại. Cha nó bảo:

- Mẹ nó! Tao đánh rơi chai "sâm banh" vào trong này rồi!

- Thì thầy thử thò tay vào mà quờ xem.

- Có được chó người ta đấy! Đầu ngón tay mới chỉ hơi nhúng nước.

- Thế làm sao được?

- Vậy mới rầy rà chứ! Lát nữa không có rượu uống thì bỏ cha!

Tề nghĩ ngời rồi nói nhỏ:

- Hay để con lội vào?

Bác Tư lại nhe răng ra, khì khì:

- Có được chớ!

- Được.

- Nhưng ghét mày nó ra, bắn nước thì có mà vất đi.

- Không! Thế này chứ ly!... Con lấy xà phòng tắm rồi rửa chân thật sạch, rồi mới vào trong bể.

Thằng oắt này ranh thật. Nó có tài biến báo. Bác Tư nhìn con, ra dáng phục. Nhưng bác vẫn chưa nhất định. Rằng bác vẫn nhe ra để cười một cái cười do dự. Đây là một kẻ nhút nhát đang bị người ta xui làm liều. Nhưng Tề thì đã quyết. Nó chạy tọt vào nhà để cất sách vở và cởi quần, cởi áo. Một lát sau, nó trần truồng chạy ra.

- Con tắm nhé!

- Nhưng mà thôi, con ạ. Nhớ bà ấy biết.

Bà ấy là bà chủ. Tề nhìn lên gác, hỏi:

- Bà ấy thức hay ngủ?

- Ngủ, nhưng ngộ bà ấy dậy?...

- Không sợ! Thầy lên đóng cái cửa ở đầu cầu thang lại. Đóng lẩn ngoài, như vậy bà ấy có dậy cũng không xuống được. Hễ bà ấy gọi thì con ra, chạy

vào nhà, ta đóng cửa lại rồi thầy hãy lên mở cửa cho bà ấy.

Sau mấy phút do dự nữa, bác Tư đành nghe con vậy. Cái mẹo của nó được đem ra thi hành.

Tề tắm rửa xong rồi, bác Tư cẩn thận gội cho con thật sạch. Rồi bác nhắc nó lên, từ từ thả vào trong bể. Thằng bé thấy cái trò ngộ nghĩnh, cười hí hí. Nó nghĩ trước đến cuộc bơi lội trong cái hồ kín như hang này.

- Khéo nhé! Sâu lắm đấy!

- Được, con bơi giỏi lắm. Thầy cứ buông.

Tề rơi đánh thồm. Thì bỗng cửa nhà ngoài lịch kịch rồi có tiếng giày tây cồm cộp đi vào.

- Chết rồi ông ấy về!

Bác Tư kêu lên, hoảng hồn. Bởi vì bác sơ ý, mới nghĩ đến việc ngăn bà chủ mà quên ông chủ. Giờ này tan sở. Bác chưa kịp cài then cửa ngoài. Bác giục Tề:

- Ra đi! Ra đi!

Nhưng sao kịp? Ông ấy đã tiến vào đến sân. Bác Tư đứng thẳng người lên. Bác hóa ra tượng đá. Ông chủ nhận thấy, sinh ngờ vực. Ông nhìn vào mắt bác. Bác thấy chân tay bủn rủn, hơi thở gần bị tắc. Gấp luôn đến tiếng bà chủ ở trên gác gọi:

- Tư! Tư!

- Bà đầm!

- La porte! La porte (Cái cửa! Cái cửa!)

Và tay bà đập vào cái cửa kêu thành thịch. Bà vừa đập vừa nói một tràng những tiếng gì choe choé. Bác Tư không nghe kịp nhưng cũng hiểu thế là bà gắt. Bác cuống quýt. Nhất là mắt ông chủ vẫn trừng trừng nhìn bác, nghiêm khắc và chế nhạo. Ông hất hàm.

Bác Tư cúi đầu bối rối. Ông đoán ngay là bác đang làm một việc gì vụng trộm. Ăn cắp đồ chẳng hạn. Ông nhìn chung quanh bác. Không có đồ gì cả. Ông nhìn cái cửa buồng của bác. Cánh cửa buồng hé mở. Ông mỉm cười. Bởi vì ông tưởng đã đoán được cái việc giấu giếm của người bếp hiền lành ấy. Muốn cuộc gì ông cũng cuộc. Thế chết nào cũng có, một con gái trong cái buồng nhỏ kia. Một con gái đang luống cuống với những áo quần vắt trên thành giường. Cái này không phải là một tội. Khi vợ người ta chết đã ba năm và mấy tháng!... Nhưng thấy bác bếp tỏ ra sợ hãi, ông muốn đùa một chút. Ông nói to lên, bảo vợ:

- Đợi một tý! Tôi mở cho.

Bà vợ rú lên:

- Ồ! Vậy ra mình đây ư?

- Ủ, tôi đây! Tôi lên giờ.

Và ông cố chấp nói mấy tiếng thật rõ rệt, cho người bếp hiểu:

- Moi oublier lunettes bureau. Lunette' (ông vừa nhắc lại tiếng ấy vừa lấy ngón tay trở khoanh chung quanh mắt để vẽ hình cái kính) biếc?

- Uầy xừ!

- Va chercher (đi tìm).

- Uầy xừ.

Tuy mồm "uầy" mà bác Tư vẫn không nhúc nhích. Ông chủ tưởng người bếp của ông không hiểu. Ông lại nói, lại ra hiệu lại. Rồi lại nói:

- Biếc?

Thì có gì mà chả biết? Tiếng Tây, bác Tư đã thạo. Ông nói thế là muốn bảo: Ông để quên cái kính ở sở và sai bác đi lấy về. Hiểu lắm, nhưng còn thằng Tề trong cái bếp?... Ông chủ giục:

- A lê! Maoo!

Mồm nói, tay ông nắm vai bác mà đẩy ra phía cửa.

- Uầy xừ!

Bác đập vội cái nắp bể lại để ông khỏi thấy, rồi chạy đi. Ông nhìn theo, mỉm cười. Ông định cho bác chạy một tua bờ hơi tai để ông có thì giờ chạy vào buồng bác. Ông sẽ nắm cổ người con gái kéo ra. Ông sẽ đeo cái kính của ông vào mắt y, rồi bắt y lên giường ngồi chồm chồm như một pho tượng khỏa thân bằng đá trắng. Để người bếp của ông lúc giờ về trông thấy y mà cười. Mà chịu rằng ông chủ của bác là ma lạnh.

Nhưng ông cụt hứng ngay. Bởi vì buồng bác Tư trống rỗng. Không con gái. Không dấu vết một cuộc ái ân vụng trộm. Ông văng tục một tiếng rồi chạy lên với vợ.

*

Một lúc lâu sau, bác bếp về, nét mặt băn khoăn: bởi vì bác không tìm thấy kính. Đó không phải là lỗi bác. Nhưng rất có thể rằng ông chủ gắt. Tính ông nóng lắm. Chắc hẳn rằng ông sẽ quát ầm nhà lên... Bác rón rén lần cầu thang lên gác. Ông chủ đang ngồi thụt hẳn người vào trong một cái ghế bành to, đọc báo. Mắt ông có kính. Bác bếp ngạc nhiên rồi lại thêm lo sợ. Bây giờ thì

bác sợ bác đã hiểu nhầm lời ông chủ. Có lẽ luynét không phải là cái kính. Có lẽ ông sai bác đi tìm cái khác. Thế mới bỏ đời bác chứ! Ai bảo bác hấp ta hấp tấp? Không chịu hỏi cho biết rõ rồi hãy đi!

Bác rụt rè một lúc rồi mới đánh liều lên tiếng:

- Me xừ.

Ông ngẩng đầu lên, hất hàm. Bác đọc như cái máy:

- Loong toong điếc danabaluy nét.

Loong toong bảo không có luynét! Ấy là một khoe ranh của bác. Bác cũng nhanh trí khôn lắm đấy. Loong toong bảo không có luynét! Vậy thì luynét là cái gì cũng được. Ông muốn gắt thì gắt với thằng loong toong! Nhưng luynét chính là cái kính. Bởi vì ông chủ trở tay lên mắt hỏi:

- Xa? (Ca)

Và ông nhún vai, mỉm cười. Thoát nạn! Bác bếp Tư nhẹ nhàng cả người. Một tảng đá lớn tưởng đè trên người bác vừa trút đi. Bác chạy xuống cầu thang, bước hai bậc một. Y như một hòn đá lăn trên sườn núi. Bác chạy thẳng lại cái bể. Nhìn trước nhìn sau một thoáng rồi bác mở nắp ra, cúi đầu xuống. Tối om om. Một mảng nước loang loáng như nước mực. Bác gọi con:

- Tề! Tề ơi!

Im lặng. Một nỗi nghi vụt đến. Tim bác nhảy lên một cái. Tiếng khàn khàn, bác gọi:

- Tề ơi! Ra đây thầy kéo lên.

Chẳng có gì đáp lại. Những đốm sáng lặn dần nhẩy nhót trong bóng tối. Ấy là bác bếp Tư hoa mắt. Bởi vì đầu bác đã nặng trĩu, quay quay, choáng

váng. Người thì bủn rủn. Bác nhoai lưng vào trong bể, vừa mếu máo vừa rên rỉ:

- Con ơi! Tề con ơi!...

Đầu ngón tay bác đung phải một cái gì trơn nuồn nuột mà không còn động đậy. Bác toan gào thật to. Nhưng có tiếng giày tây cồm cộp trên thang gác. Ông chủ xuống! Bác Tư sức tỉnh. Bác rút vôi đầu ra khỏi bể. Bác đập luôn nắp lại. Vừa kịp ông chủ không trông thấy. Bác cố thản nhiên đi vào bếp, lau bát đĩa để sắp sửa lên bày bàn. Nhưng nghĩ đến bàn ăn, bác lại sinh lo lắng...

- Còn chai sâm banh!... Đào đâu ra một chai sâm banh bây giờ?

*

Đêm hôm ấy, đợi vợ chồng ông chủ tắt đèn đi ngủ một lúc lâu, bác Tư mới rón rén ra sân. Bác mở cái nắp bể thật êm. Bác quờ tay vào bể, loay hoay tìm cách vớt con ra.

Sáng hôm sau, bác vừa báo cho chủ biết con bác phải cảm chết đêm rồi.

Ông chủ giật mình:

- Vì dịch tả phải không?

- Bẩm ông không.

- Thế vì bệnh gì?

- Bẩm... bẩm...

Bác Tư ấp úng. Ông chủ lại càng sợ hãi:

- Đem chôn nó ngay đi! Bỏ vôi vào! Rồi lấy cơrêdin rưới khắp nhà, hiểu

không?

- Bấm hiểu.

- Được rồi. Đi đi!

Ông xua bác Tư ra, như xua đuổi một thằng hủi. Mũi ông chun lại. Ra khỏi cửa, bác Tư nhẹ hẫng người. Bác lấy làm may. Nếu ông chủ xuống xem! Nếu ông chủ biết rằng thằng bé đã ngâm mấy giờ trong bể nước!...

Tiên Phong (12-1945)

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Dì Hảo

Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của dì chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vận, một người đàn bà bán bánh đúc xay, ngon có tiếng khắp làng Vũ Đại. Tôi biết bà là vì hồi còn bé tôi rất ưa ăn bánh đúc. Có lẽ lúc sinh tôi ra, ông trời đã định sẵn cho tôi một cái kiếp chẳng giàu sang, nên phú sẵn cho tôi cái tính thích những món ăn rẻ tiền của những người nghèo túng. Lúc có tôi thì nhà tôi chẳng còn nghèo. Thế mà tôi cứ thấy ăn cơm gạo đỏ, thối khô khô, với rau muống luộc chấm tương ngon hơn cơm tám với thịt đông; mà cái bánh đúc xay nấu khéo còn đậm vị gấp nghìn lần cái bún tuy trắng, tuy mềm nhưng nhạt bép. Mỗi sáng, tôi cầm hai xu mẹ phát cho, theo con ở đi ra hàng: - hàng là một cái chợ nhỏ của làng tôi, họp ở ngay mặt đường, mỗi sáng chỉ họp độ một giờ là tan - từ đằng xa, tôi đã thấy những người đàn bà váy bạc phếch xúm xít quanh mẹt bánh đúc của bà xã Vận. Bà thái không kịp bán. Tuy vậy mới trông thấy tôi bà đã ngừng dao, nhặt bốn tấm bánh gói gọn ghề vào lá chuối, tươi cười đưa cho. Không phải bà thấy tôi ngộ nghĩnh đáng yêu. Vì bà không thể quên rằng bà còn nợ bà tôi mấy chục bạc. Cháu ngoại của một người chủ nợ kể cũng đáng cho người ta quý trọng. Tôi đưa hai xu, ôm bốn tấm bánh về. Bà bán đúng một trinh một tấm, mua nhiều hay ít thì cũng thế. Tấm bánh chẳng lấy gì làm to, so với bánh người khác có phần hơi dẹt. Nhưng mà ngon hơn. Cái bột xay rất nhuyễn, vôi bỏ vừa, mịn chắc đấy, nhưng không nồng một tí nào, bẻ ra ăn với cá bống kho ráo nước cho đến cong lên, dầm vào một tí tương cua thì thật tuyệt! Về sau, ngọn gió đời đưa đẩy tôi trải qua rất nhiều cảnh huống: vất vả nhiều, nhưng cũng có lúc phong lưu, có lúc tôi có thể thừa cách mà hưởng tất cả các cao lương mỹ vị, nhưng chưa bao giờ tôi gặp một món ăn không thể làm tôi quên được cái vị thanh

đậm mà vẫn đậm đà của bánh đúc ăn với cá bống dầm tương, nghĩ đến bây giờ mà tôi cũng còn muốn nuốt nước bọt.

Mà cứ nghĩ đến bánh đúc là phải nghĩ đến bà xã Vận. Chồng bà chết đi để lại cho bà một trai một gái, con chị hơn thằng em ba, bốn tuổi. Như thế chị có thể dắt em đi chơi để mẹ kiếm gạo. Nhưng một hôm bà xã bỗng nhận thấy rằng thằng cu đã có thể đi chơi một mình; hơn nữa nó có thể tha thân ngoài sân với con chó để coi nhà được. Con chị hóa ra thừa. Cũng phải cho nó đi ăn, đi ở với người ta để kiếm manh quần tấm áo. Chả gì cũng bớt miệng ăn. Phần cơm của nó, để em nó ăn thêm; như thế em nó được no thêm một tí nữa. Bà đã để ý nghe ngóng xem nhà nào có cần nuôi đứa ở bế em chẳng. Chưa có ai buồn hỏi đến, thì một hôm bà lại nghĩ về người chồng đã chết. Khốn nạn! Khi ông đã nằm xuống đấy thì bà chẳng còn một đồng nào. Bà chạy ngược chạy xuôi van lạy hết người nọ đến người kia, mới vay được non chục bạc. Non chục bạc thì chỉ nộp lệ làng, may cho con mỗi đứa một cái áo tang và cho bà một cái mấn, rồi biện miếng trầu, bát nước cho làng xóm cũng đã không đủ rồi. Thành thử bà chỉ dám mua cho ông cỗ áo quan có non ba đồng. Rõ nghĩ mà thương! Nó vừa mỏng, vừa mọt, mọng treo trà treo trượt, giá chỉ bóp mạnh cũng răng rắc được. Cửa ấy được mấy nổi mà nát? Bấm đốt ngón tay đã được sáu năm trời rồi. Cũng phải cố biện bát cơm, bát canh để thay cho ông ấy cái áo mới, chứ để thế thì tội nghiệp. Nhưng làm sao bây giờ?

Bà dẫn Hảo đến cho bà ngoại tôi. Bà ngoại tôi, ngoan đạo như những người vừa biết Chúa, thích nuôi trẻ ngoại đạo, rửa tội rồi nuôi làm con nuôi. Đó cũng là một cách để con cái Đức Chúa lời ngày một thêm đông. Bà xã bằng lòng cho con gái bà đi đạo.

Bà tôi còn nhân đức, giả dằn dặt để trừ nợ dăm sáu đồng. Thành ra bà xã chỉ còn được lấy có bảy đồng bạc thôi. Nhưng hơn chục đồng còn nợ lại, từ đấy bà cứ lần khần mãi, có gặp bà tôi, cũng chỉ van lạy khất, chứ không chịu trả. Bà tôi có bức mình cũng chỉ mắng té tát mấy câu, chứ không chửi bới tàn

tệ hay bắt bớ. Ấy cũng bởi bà tôi là một người đi vay.

Những khi vui chuyện, người thường kể lại với chúng tôi rằng: ngày xưa, khi ông thua bạc bỏ nhà đi, người còn phải trả hơn trăm đồng bạc nợ. Người làm lưng vất vả, chiều hôm ban mai, một nắng hai sương, quanh năm chẳng có phút nghỉ ngơi, mà không bao giờ đủ tiền nộp lãi. Vì thế, hơi bước ra khỏi nhà là lủi trốn, giá có cái áo hơi lành hay năm gạo ăn cũng sợ người ta bắt mất. Có lần người đong được một hào gạo dúi vào vạt áo và mua cho mẹ tôi - hồi ấy mới lên ba, một năm xôi, đã cố lẩn lút, mà thế nào cũng bị một chủ nợ tinh mắt trông thấy, con mẹ ấy có tiếng là khe khắt. Bà tôi sụp ngay xuống lạy và khóc lóc xin khất nó. Nó chẳng rằng, chẳng nói, giăng lấy dúi gạo, năm xôi đổ vào trong nón rồi ngoắt đi. Cũng may, người phu quét chợ trông thấy thế, nghĩ tức lây, bảo nó rằng:

- Bà có bắt thì bắt của người ta năm gạo đã là cùng lắm. Còn xu xôi người ta mua cho con người ta thì phải để cho con người ta chứ? Con người ta chịu đói, khóc có bong bóng mũi ra, từ sáng đến giờ, mà bà bắt của người ta thì nó chết. Bà cũng có con mà bà nỡ đang tâm thế à?

Con mẹ kia ngoa ngoắt, tốn môi lên:

- Ai khiến nhà bác chỗ mồm vào đấy thế? Rõ khéo con tiêu! Bác thương nó thì mua cho nó.

Người phu quét chợ bực mình quăng ngay cho bà tôi hai hào:

- Đây này! Tôi cho nhà chị vay bao giờ kiếm được thì trả tôi; chúng nó giàu mà coi đồng xu bằng cái mẹt!

Vì thế người ta đồn rằng người phu quét chợ phải lòng bà tôi. Nhưng bà tôi quả quyết với chúng tôi rằng: từ hôm cho bà tôi vay tiền, có gặp bà tôi ông ta chỉ lảng đi như không trông thấy nhưng chỉ mấy hôm bà tôi cũng cố tìm

tiền đem trả cho ông phân minh tử tế; hai người chẳng bao giờ nói với nhau những lời có thể gọi là trai lơ. Về sau, khi bà tôi sạch nợ, và có chút tiền, mà ông tôi vẫn biệt tăm, có nhiều đám muốn hỏi bà tôi làm vợ, toàn những đám danh giá cả nhưng bà tôi từ chối hết. Bà tôi bảo: "Nếu tôi không nhất định thờ chồng, làm lụng nuôi con, thì tôi lấy người phu quét chợ ngày xưa rồi".

Một người đã khổ sở vì tiền, tất phải quý đồng tiền. Nhưng không phải vì thế mà bà tôi nỡ bắt những con nợ của người phải chịu những nỗi khổ nạn mà trước kia người đã phải chịu. Đối với bà xã Vận, người tỏ ra dễ dàng. Nhưng sự dễ dàng ấy, một phần nữa, cũng vì cô Hảo, được người nhận làm con nuôi.

Mới đầu, dì Hảo khóc lóc đến mười hôm: dù có được ăn no, mặc lành đi nữa, người ta cũng không thể phút chốc mà quên cái lều hôi hám là nơi mình đã đói rách, khổ sở với em và mẹ. Nhưng rồi dì cũng khuây dần. Dì theo mẹ tôi đi nhà thờ học kinh và "các lễ" cầu cho được rỗi linh hồn. Dì thấy đi đạo cũng vui. Dần dần người ta dạy cho dì biết có một Đức Chúa lời dựng lên trời đất, muôn vật và loài người ta, Đức Chúa lời có ba ngôi và ngôi thứ hai ra đời lấy tên là Giêsu; Đức Chúa Giêsu chịu đóng đinh trên cây thánh giá để chuộc tội cho thiên hạ... Ai tin những điều ấy thì được rỗi linh hồn, bằng ai chẳng tin, thì phải xuống địa ngục đầy lửa sinh, lửa diêm, có tiếng khóc lóc và nghiến răng. Tiếng khóc lóc và nghiến răng ken két, thì dì không sợ lắm. Hồi còn ở nhà, em dì khóc nhè nhè suốt ngày; những hôm nó nóng đầu, thì đêm ngủ nó nghiến răng ken két; quen đi thì cũng không sợ gì, nhưng dì sợ lửa sinh, lửa diêm nó thiêu đốt người ta đời đời kiếp kiếp. Có là thánh cũng không chịu nổi! Nghe nói đến địa ngục là dì lè lưỡi ra. Và dì tin. Dì trở nên rất ngoan đạo nữa. Dì và tôi đọc kinh và hát vãn với nhau suốt ngày.

Dì bắt đầu muốn xa lánh hẳn cái lều tối tăm đầy những ma cùng quỷ; thực tình, dì rất ít khi muốn về thăm mẹ ở nhà, và mỗi lần có phải về thăm mẹ, dì thấy hơi rờn rợn khi đến gần cái bàn thờ lúc nào cũng âm u như che đậy bao

nhieu là bí mật. Và đây mới thật là cái buồn nào nuốt: dì thấy ghê ghê ngay mẹ dì. Bà xã Vận bỗng thành người đồng bóng; những ngày rằm, mồng một, bà thường khăn châu, áo ngự, đến điện nhà cô đồng ốc để hầu. Dì dùng những lời rất khinh bỉ để nhạo báng bà, bà nhạo lại dì, mẹ con dần dần chẳng muốn nhìn mặt nhau làm gì cho thêm bực.

Chao ôi! Nào có cứ gì phải là những người tư tưởng! Ngay ở những người không tư tưởng cũng đã có sự chia rẽ tư tưởng rồi!

Bây giờ, dì Hảo chỉ biết có mẹ nuôi; dì rất mến mẹ tôi, và yêu tôi hơn tất cả những người dì yêu cháu. Dì chỉ có một việc suốt ngày theo gót chân tôi. Kể ra, tôi đã đủ lớn để không cần ai giữ nữa. Nhưng bà tôi chỉ được có mẹ tôi, mẹ tôi lại mới được mình tôi; trong một nhà có cửa mà lại hiếm người như thế, lẽ tất nhiên tôi cũng có quyền bé bỏng lâu hơn những con nhà khác. Dì Hảo cũng tưởng tôi còn bé lắm. Dì tìm đủ mọi cách để nuông tôi, có lần dì không ngại trèo sang vườn hàng xóm ăn cắp ổi để cho tôi vừa ý. Những lúc đi đâu khí xa xa, vừa thấy tôi loạng choạng bước chân, dì đã đòi công tôi, "kéo chân cháu dì gieo mất". Thật là buồn cười và thảm hại. Ngồi trên lưng dì, hai chân tôi thò xuống có dễ dài hơn chân dì. Dì ngoẹo đầu đi, mặt đỏ bừng, nước mũi chảy ra, lệch xệch vác tôi đi. Thế mà tôi có đòi đứng xuống dì cũng nhất định không chịu đấy!

Sự tận tâm của dì cảm động lòng tôi. Mãi đến lúc tôi đã đi học, dì đã ngồi trên khung cửi, chúng tôi còn quẩn luyến nhau. Tôi học bài bên cạnh khung cửi dì. Dì thúc giục tôi. Nghe những bài học lủng củng như "ếch kêu, chó cắn", - tôi đã học sang văn trắc - dì khen tôi giỏi quá, khó như thế mà nhớ được! Rồi tưởng những tiếng âm vô nghĩa ấy là những câu thần chú gọi cái khôn của loài người, dì cố nhắm theo, và lâu dần thuộc lòng tất cả các bài tôi học; có lúc tôi ấp úng dì nhắc cho tôi đọc nữa; lại đến lượt tôi phục dì! Khi bài tôi đã thuộc, tấm vải của dì được ra rồi dì giữ váy mấy cái cho lông vải bay hết, rồi lại ôm tôi vào lòng mà vuốt hai cái trái đào của tôi. Những lúc ấy,

tôi thấy êm ái chẳng khác gì nằm trong lòng mẹ.

*

Dì Hảo ơi! Tôi hãy còn nhớ cái ngày dì bỏ tôi đi lấy chồng. Đó là một buổi chiều có sương bay. Người ta đã đến đón dì vào lúc tờ mờ tối. Cũng chẳng lấy gì làm đông lắm, bên nhà trai đâu có lẻ tẻ mười người. Về đằng nhà gái, bà tôi chỉ có dăm ba người chị em đi đưa dì, chính tôi cũng chẳng được đi. Mẹ tôi bảo: "Không có cỗ đâu: nhà người ta có trở, chỉ biện cơm trầu, bát nước". Nhưng nào tôi có đòi đi để được ăn cỗ! Tôi chỉ theo dì Hảo của tôi: từ trước đến nay, có bao giờ dì đi đâu mà để tôi ở nhà? Người ta giữ tôi lại. Tôi tức, khóc òa lên, tôi tức bà tôi, tôi tức thầy mẹ tôi, tôi tức cả dì Hảo nữa! Tôi tự hỏi sao dì cứ phải đi lấy chồng? Và ngay bây giờ nữa, dì Hảo ơi! Có lúc tôi vẫn ân hận vì dì đã đi lấy chồng. Nếu dì cứ ở nhà, nếu dì cứ là một người dì của tôi mãi mãi, thì có lẽ khổ khổ, ít ra, dì cũng đỡ khổ hơn bây giờ.

Nhưng mà sự ấy đã không thể dừng được. Dì Hảo đã đi lấy chồng, mang theo cho người ấy tất cả lòng yêu vẫn để cho tôi. Và người ấy đã nhận tấm lòng yêu ấy, nhận lấy mà chẳng làm gì cho đáng nhận.

Người ấy không yêu dì. Thật mà! Người ấy chẳng yêu dì Hảo đâu. Mà lại còn khinh dì là khác nữa. Hẳn khinh dì là đứa con nuôi, còn hẳn là con dòng cháu giống, tuy rằng nghèo xác. Và tuy rằng nghèo xác, hẳn nhất định không làm gì. Hẳn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy: dì làm mà nuôi hẳn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được hai hào, dì ăn có năm xu. Còn một hào thì hẳn dùng mà uống rượu. Và dì Hảo sung sướng lắm. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con. Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hẳn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng

thế. Đến lúc ấy thì hăn không nhịn được nữa. Hăn chửi bâng quơ. Hăn chửi những nhà giàu. Hăn chửi số kiếp hăn. Và sau cùng thì chửi vợ.Ồ! Hăn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đói rượu, rồi tình cờ có một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hăn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ dì bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hăn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hăn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hăn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm ngơ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc mới hăm hai. Cái cơ nghiệp của người gây dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo ốm đau mỗi ngày một xu quạ, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở.

*

Nhưng rồi bệnh dì cũng qua đi. Nó qua như một thằng quái ác chán không muốn hành hạ một kẻ kiên nhẫn quá. Dì Hảo lại đi làm, lại có tiền, lại muốn có chồng để mỗi ngày ăn năm xu và hăn dùng một hào còn lại đi uống rượu. Thì quả nhiên hăn về. Hăn về với một cái quần đen, một cái áo tây vàng, túi xóc xách tiền và một người vợ theo trơ tráo. Thoạt đầu thì người vợ chính ngạc nhiên. Rồi thì tức tối. Sau cùng thì dì nhẫn nại; phải, nhẫn nại là hơn; nếu hăn không về thì cũng thế.

Nhưng mà hăn đã về, hăn lại làm chủ cái lều và ba sào vườn ông cha để lại. Và làm chủ cái lều và ba sào vườn của ông cha để lại, hăn tưởng có quyền chẳng làm gì mà chỉ uống rượu ăn cơm. Và uống, ăn rồi, nó cười sặc sụa.

Cái con vợ bé ấy trơ tráo lạ! Nó chẳng biết làm gì cả. Nó hát những câu tục tằn. Nó uống rượu tựa đàn ông, hút thuốc tựa đàn ông, búi tóc ngược, mặc quần áo trắng tựa đàn ông. Nó sẽ lôi chồng dì vào đáy sâu địa ngục thôi! Cheo leo thay cho cái linh hồn của chồng dì!

Thế mà chồng dì say mê nó lắm. Chồng dì gọi nó là "mợ mình", và mua cho những hộp sữa bò sáu hào bảy khi nó ốm hay làm ra vẻ ốm.

Còn dì, dì biết phận dì. Dì cố nhắm mắt để khỏi trông thấy chúng. Dì chẳng hé răng nói nửa lời, nhưng dì khóc ngấm ngấm khi chúng cười vui, dì nhin quắt ruột khi chúng ăn phung phí. Dì héo hắt đi, dì còm cõi, đúng như một con mèo đói. Nhưng nếu dì còn được như thế mãi!

Một buổi sáng, chừng như chúng nó đã cạn tiền và cạn cả lòng yêu. Dì đoán thế vì luôn hai, ba hôm, dì không thấy chúng uống rượu và cười sặc sụa. Con vợ bé vừa nhổ bọt vừa nói cằn nhằn. Anh đàn ông hôm má vào và lỗ mũi ra. Hắn vừa khoằm khoằm mắt vừa văng tục. Con kia mặt sưng lên, cứ nói một câu lại choai người lên một cái và vỗ đùi đồm độp. Chúng nó nhẩy xổ vào nhau. Rồi đấm đá, cắn cấu lẫn với những tiếng gào thét ầm ĩ quá. Chẳng biết làm thế sao, để mặc chúng, dì bỏ đi làm. Cũng như dì đã mặc những phút mặn nồng của chúng.

Chiều hôm ấy, nhà có vẻ đám ma. Dì không thấy con vợ bé đâu. Cả chồng dì cũng thế. Nhà cửa, đồ đạc thì bừa bộn. Mấy cái nồi đất và đôi lọ xách nước tan ra từng mảnh. Lấy tiền đâu mà sắm sửa lại bây giờ. Trời ơi! Nhưng kìa hắn đã về. Hắn về có một mình, một chai rượu trong tay và những tia giận bừng bừng trong mắt. Hắn uống, rồi lại uống, uống lẳng lẳng như chưa bao giờ hắn uống. Hắn uống cả chai. Rồi hắn đập chai ra, và chửi. Hắn chửi băng quơ. Hắn chửi số kiếp hắn. Hắn chửi đàn bà. Hắn chửi con vợ bé. Dì Hảo cắn chặt răng để cho khỏi khóc. Nhưng cứ khóc. Hôm sau hắn ra đi không biết đi đâu. Dì Hảo ngạc nhiên. Rồi tức tối. Sau cùng thì dì nhẩn nại. Phải, nhẩn nại

là hơn: nếu hẳn cứ ở nhà thì cũng thế.

Tháng 9-1941

In trong tập Nửa đêm

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Đôi Mắt

Anh thanh niên làng chỉ một cái cổng gạch nhỏ, quay lại bảo tôi:

- Ngõ này đây, ông Hoàng ở đây.

- Cám ơn anh nhé. Lát nữa tôi sẽ sang nhà anh chơi.

Tôi vỗ vai anh bảo vậy. Tôi toan vào. Anh vội ngẩng tôi lại:

- Khoan đã. Anh để em gọi cho anh trong nhà xích con chó lại. Con chó to và dữ lắm.

Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị. Tôi nhớ đến những lần đến chơi nhà anh Hoàng ở Hà Nội. Bấm chuông xong, bao giờ tôi cũng phải chờ anh Hoàng thân hành ra nắm chặt cái vòng da ở cổ một con chó tây to bằng con bê, cúi đầu nó vào gầm cái cầu thang rồi tôi mới có đủ can đảm bước vội qua đằng sau cái đuôi nó để vào phòng khách.

Tôi rất sợ con chó giống Đức hung hăng ấy. Sợ đến nỗi một lần đến chơi, không thấy anh Hoàng ra đứng tấn để giữ nó mà lại buồn rầu báo cho tôi biết nó chết rồi, thì mặc dầu có làm ra mặt tiếc với anh, thật tình tôi thấy nhẹ cả người.

Con chó chết vào giữa cái hồi đói khủng khiếp mà có lẽ đến năm 2000, con cháu chúng ta vẫn còn kể lại cho nhau nghe để rùng mình. Không phải chết vì chủ nó không tìm nổi mỗi ngày vài lạng thịt bò để nó ăn. Anh Hoàng là một nhà văn, nhưng đồng thời cũng là một tay chợ đen rất tài tình. Khi

chúng tôi đến nỗi chỉ còn một dúm xương và rất nhiều bản thảo chẳng biết bán cho ai, anh Hoàng vẫn phong lưu. Con chó của anh chưa phải nhịn bữa nào. Những xác người chết đói ngập đường phố. Nó chết có lẽ vì chén phải thịt người ươn hay là vì hút phải nhiều xú khí. Thảm hại thay cho nó!

Thế mà bây giờ đến thăm anh Hoàng ở chỗ gia đình anh tản cư về, cách Hà Nội hàng trăm cây số, tôi lại được nghe đến một con chó dữ. Thật là thú vị!...

Tôi cười nho nhỏ. Chẳng biết tôi cười gì, anh thanh niên cũng nhe những chiếc răng vầu ra cười. Đáp lại tiếng anh gọi, tiếng những chiếc guốc mỏng mảnh quét trên sân gạch nổi lên, lẹc khếch và mau mắn. Một thằng bé mũ nồi đen, áo len xám chạy ra. Một đôi mắt đen lay láy nhìn tôi...

- Bác Độ, ba ơi! Bác Độ!...

Thằng Ngừ, con anh Hoàng. Nó chẳng kịp chào tôi, ngoắt chạy trở vào, reo rối rít.

- Cái gì? Cái gì? Hừm!

Tiếng trầm trầm nhưng lại có vẻ nạt nộ của anh Hoàng hỏi nó (Bao giờ nói với con, anh Hoàng cũng có cái giọng dậm dọa buồn cười ấy). Thằng bé lú lú những gì tôi nghe không rõ. Rồi thấy tiếng thanh thanh của chị Hoàng giục con:

- Ngừ xích con chó lại. Xích con chó lại cái cột títđăng kia.

Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kệnh kệnh ra hai bên, những khối thịt ở bên dưới nách kệnh ra và trông tũn ngùn như ngẩn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ. Bây giờ nó lộ ra khá rõ ràng, trong bộ áo ngủ màu xanh

nhặt, phủ một cái áo len trắng nó nịt người anh đến nỗi không còn thở được.

Anh đứng lại bên trong cổng, một bàn tay múp míp hơi chìa về phía tôi, đầu hơi ngửa về đằng sau, miệng hé mở, bộ điệu một người ngạc nhiên hay mừng rỡ quá. Tôi có thì giờ nhận rõ một sự thay đổi trên bộ mặt đầy đặn của anh: trên mép một cái vành móng ngựa ria, như một cái bàn chải nhỏ.

Sững người ra một lúc rồi anh mới lâm li kêu lên những tiếng ở trong cổ họng:

- Ối giời ơi! Anh! Quý hóa quá!

Anh quay lại:

- Mình ơi! Anh Độ thật. Xa thế mà anh ấy cũng chịu khó đến thăm chúng mình.

Chị Hoàng lúc bấy giờ đã chạy ra, tay còn đang cài nốt khuy chiếc áo dài màu gạch vừa mới mặc vội vào để ra đón khách. Người đàn bà vồn vã:

- Mong bác mãi. Lúc thằng cháu mới chạy vào, nhà tôi cứ tưởng nó trông nhảm. Cứ tưởng bác ở cách hàng mười lăm hai mươi cây số...

Bắt tay tôi xong, anh Hoàng dịu dàng đẩy tôi đi trước. Chị vợ đã nhanh nhẹn chạy trước vào nhà, dọn bàn dọn ghế. Sao lại có một sự sẵn đón cảm động như thế được? Tôi đâm ngờ những ý nghĩ không tốt của tôi về anh, từ hồi Tổng khởi nghĩa trở đi.

Sau Tổng khởi nghĩa, anh Hoàng đối với tôi đột nhiên nhạt hẵn đi. Mấy lần tôi đến chơi với anh, định để xem anh thay đổi thế nào trong cuộc thay đổi lớn của dân tộc chúng ta, nhưng đều không được gặp anh. Cửa nhà anh đóng luôn luôn: thằng nhỏ nhà anh đứng bên trong cửa nhìn qua một lỗ con, bao giờ cũng hỏi cận kề tên tôi, để một lúc sau ra báo tôi rằng ông nó không

có nhà. Mấy lần đều như vậy cả nên tôi đã sinh nghi. Lần cuối cùng trước khi bấm chuông tôi còn nghe thấy tiếng vợ chồng anh. Nhưng thằng nhỏ vẫn quả quyết rằng ông bà nó về trại những từ tối hôm trước kia rồi. Đã đích xác là anh không muốn tiếp tôi. Chẳng hiểu vì sao. Nhưng từ đấy tôi không đến nữa. Mỗi lần gặp nhau ở ngoài đường chúng tôi chỉ bắt tay nhau một cách rất lạnh lùng, hỏi thăm nhau một câu chiếu lệ rồi ai đi đường nấy. Tôi đã biết Hoàng vẫn có tính tự nhiên "đá" bạn một cách đột ngột, vì những cố mà chỉ mình anh biết. Có khi chỉ là vì một tác phẩm của người bạn ấy được cảm tình của một nhà phê bình đã chê một vài tác phẩm của anh. Có khi cũng chẳng cần đến thế. Anh có thể là một người bạn rất thân của anh Hoàng khi anh chỉ là một nhà văn ở một tỉnh xa chỉ góp mặt với Hà Nội bằng những bài gửi về đăng báo, nhưng nếu anh lại về sống hẳn ở thủ đô, giao thiệp với ít nhiều nhà văn khác, anh sẽ không phải là bạn anh Hoàng nữa. Có lẽ anh Hoàng biết cái giới văn nghệ sĩ Hà Nội chửi anh nhiều quá.

Riêng tôi, trước đây, tôi vẫn không hiểu sao người ta có thể khinh ghét anh nhiều thế. Tận đến lúc bị anh đá tôi mới hiểu. Tôi còn được hiểu rõ ràng hơn. Vào cái hồi quân đội Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở nước ta, một số gái kiếm tiền trút bộ áo đầm ra để mặc bộ áo Tàu. Còn anh bạn của tôi, chẳng biết bám được ông má chín nào, ra một tờ báo hàng ngày để chửi vung lên. Chửi hết cả mọi người rồi anh mới lôi đến một số bạn cũ của anh ra. Toàn là những người hiền lành, xưa nay chưa hề chạm đến một sợi tóc của anh. Nhưng tên họ trên những tờ báo của phong trào giải phóng quốc gia được hoan nghênh là ngứa mắt anh. Anh hẳn học gọi mỉa họ là những nhà văn vô sản và cho họ là một bọn khổ rách áo ôm đã đến ngày mả phát, ăn mặc và tầm bổ hết cả phần thiên hạ. Tôi cười nhạt. Không phải tôi khó chịu vì những lời vu cáo của anh. Tôi khó chịu chính vì thấy đến tận lúc ấy mà vẫn còn một số nhà văn Việt Nam dùng ngòi bút mình để làm những việc đê tiện thế. Anh Hoàng vẫn là con người cũ. Anh không chịu đổi. Anh đã tưởng anh với tôi chẳng bao giờ còn thân mật với nhau trở lại... Nhưng sao gặp tôi lần này anh hân hoan đến thế? Anh đã đủ thì giờ để lột xác rồi chăng? Hay cuộc

kháng chiến mãnh liệt của dân ta đã quét sạch khỏi đầu anh những cái gì cũ còn sót lại? Thật tình, tôi rất cảm động khi nghe thấy anh kể lễ:

- Chẳng ngày nào chúng tôi không nhắc đến anh. Nguyên một hôm xem tờ báo của ông hàng xóm, thấy có bài của anh, tôi đoán anh làm tuyên truyền ở tỉnh này. Tiện gặp một cán bộ về làng, tôi nhờ gửi cho anh một bức thư. Cũng là gửi cầu may. Thật không dám chắc thư đến tay anh. Mà có đến, có lẽ anh nhiều việc, cũng khó lòng về chơi với chúng tôi. Thế mà lại được gặp anh. Trông anh không lấy gì làm khỏe mà sao anh đi bộ tài thế? Mà sao anh lại tìm vào được đúng làng này? Hồi mới đến đây, tôi ra khỏi nhà độ mười thước là đã lạc. Nhiều ngõ quá mà ngõ nào cũng giống ngõ nào. Có khi ra đồng về cũng nhầm ngõ...

*

Cái nhà anh Hoàng ở nhờ có thể gọi là rộng rãi. Ba gian nhà gạch sạch sẽ. Hàng hiên rộng ở ngoài. Sân gạch, tường hoa. Một mảnh vườn giồng rau tươi rười rượi. Xinh xắn lắm.

Thích nhất là gia đình anh được ở cả nhà. Chủ nhân cũng là người buôn bán trên Hà Nội. Ông thường nhờ vốn liếng và mối hàng của vợ chồng anh. Còn gì hơn là lúc này trả nghĩa lại nhau. Ông đã dọn sang nhà ông bố ở liền bên, nhường lại nhà cho anh hoàn toàn sử dụng. Anh cho tôi biết thế và bảo tiếp:

- Giá chúng tôi chưa tìm được nhà ông thì chưa biết ra sao. Tôi thấy nhiều người tản cư khổ lắm. Anh tính có đời nào anh ruột tản cư về nhà em mà đến lúc vợ đẻ, em bắt ra một cái lều ngoài vườn mà đẻ!

Tôi cho anh biết người nhà quê mình có tục kiêng...

- Thì đã đành là vậy. - Anh nói giọng tức tối và bất bình - thì đã đành là

vậy, nhưng lúc này thì còn kiêng kị gì? Mà có những thế thôi đâu! Thấy anh bây giờ khổ sở, em đã chẳng thương lại còn xia xói, nhắc đến những lúc hoang phí trước mà xỉ vả. Nào "lúc có tiền thì chẳng biết ăn nhịn để dè, chỉ biết nay gà mai chó!", nào "lúc buôn bán phát tài, bảo gửi tiền về quê tậu ruộng vườn thì bảo không cần vườn ruộng, để tậu nhà ở tỉnh kia, bây giờ không bám lấy nhà ở tỉnh đi?...". Tệ lắm! Anh tính mấy đời mới có một phen loạn lạc thế này? Có tiền, chẳng nào chẳng ăn chơi? Có mấy người cứ còm còm làm như trâu, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, ở thì chui rúc thế nào xong thôi, để tiền mà tậu vườn tậu ruộng như họ?

Chị Hoàng tiếp lời chồng:

- Họ làm chính chúng tôi cũng đâm lo. Có thể nói rằng trong một trăm người thì chín mươi chín người cho rằng Tây không đời nào dám đánh mình. Mãi đến lúc có lệnh tản cư tôi vẫn cho là mình tản cư để dọa nó thôi. Thế rồi dùng một cái, đánh nhau. Chúng tôi chạy được người chủ của thì chạy làm sao kịp? May mà còn vớt vát được ít tiền. Một ít hàng để ở cái trại của chúng tôi, ở ngoại thành. Khéo lắm thì ăn được độ một năm. Đến lúc hết tất nhiên là phải khổ rồi. Chỉ sợ đến lúc ấy, họ lại mĩa lại. Thành thử bây giờ lý ra thì có muốn ăn một con gà chưa đến nỗi không mua nổi mà ăn, nhưng ăn lại sợ người ta biết, sau này người ta nói cho thì nhục. Họ tàn nhẫn lắm cơ bác ạ!

Anh Hoàng cười:

- Mà sao họ đã bận rộn nhiều đến thế mà vẫn còn thì giờ chú ý đến những người chung quanh nhiều đến thế? Anh chỉ giết một con gà, ngày mai cả làng này đã biết. Này, anh mới đến chơi thế mà lúc này tôi đã thấy có người nấp nom rồi. Ngày mai thế nào chuyện anh đến chơi tôi cũng đã chạy khắp làng. Họ sẽ kể rất rạch ròi tên anh, tuổi anh, anh gầy béo thế nào, có bao nhiêu nốt ruồi ở mặt, có mấy lỗ rách ở ống quần bên trái.

Tôi mỉm cười, cắt nghĩa cho anh hiểu: lúc này họ cần để ý đến những

người lạ mặt tới làng. Tôi chắc mấy người nấp nom tôi là mấy người có trách nhiệm trong ủy ban hay mấy anh tự vệ.

- Lại còn các ông ủy ban với các bố tự vệ nữa mới chết người ta chứ! Họ vừa ngổ vừa nhặng xị. Đàn bà chữa mà đến nỗi cho là có lựu đạn giắt trong quần! Họ đánh vằn xong một cái giấy ít nhất phải mất mười lăm phút, thế mà động thấy ai đi qua là hỏi giấy. Anh đi, hỏi. Anh về, hỏi nữa. Anh vừa ra khỏi làng, sức nhớ quên cái mũ, trở lại lấy, cũng hỏi rồi mới cho vào. Lát nữa anh ra, lại hỏi. Hình như họ cho cái việc hỏi giấy là thú lắm.

Anh cười gằn một tiếng, nhìn bao trùm cả người tôi, hỏi:

- Anh sống ở nhà quê nhiều, anh có hiểu tâm lý của họ không? Anh thử cắt nghĩa hộ tôi tại làm sao họ lại nhiều khê đến thế? Từ trước đến nay, tôi chỉ toàn ở Hà Nội, thành thử chỉ mới biết những người nhà quê qua những truyện ngắn của anh. Bây giờ gần họ, tôi quả là thấy không chịu được. Không chịu được!

Nỗi khinh bỉ của anh phì cả ra ngoài, theo cái bĩu môi dài thườn thượt. Mũi anh nhăn lại như người thấy mùi xác thối. Vợ chồng anh thì nhau kể tội người nhà quê đủ thứ. Toàn là những người ngu độn, lỗ mãng, ích kỷ, tham lam, bần tiện cả. Cha con, anh em ruột cũng chẳng tốt với nhau. Các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bây giờ lại càng nhố nhăng. Viết chữ quốc ngữ sai vằn mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rồi rít cả lên. Mở miệng ra là thấy đề nghị, yêu cầu, phê bình, cảnh cáo, thực dân, phát xít, phản động, xã hội chủ nghĩa, dân chủ với cả tân dân chủ nữa mới khổ thiên hạ chứ! Họ mà tóm được ai thì có mà chạy lên giới! Thế nào họ cũng tuyên truyền cho hàng giờ. Có lẽ họ cho những con người ở Hà Nội về như vợ chồng anh đều lạc hậu, chưa giác ngộ nên họ không bỏ lỡ một dịp nào để tuyên truyền vợ chồng anh. Mà tuyên truyền như thế nào!...

Anh trợn mắt bảo tôi:

- Tôi kể cho anh nghe chuyện này thế nào anh cũng cho là bịa. Nhưng tôi có bịa một tí nào, tôi chết. Một hôm, tôi đi chợ Huyện chơi. Ở nhà đã hỏi đường cẩn thận rồi, nhưng đến một cái ngã ba, lại quên bém mất, không biết phải rẽ lối nào. Đành đứng lại, chờ có người đi qua thì hỏi. Chờ mãi mới thấy một ông thanh niên ngheù ngheù vác một bó tre đi tới. Tôi chào rồi hỏi: "Đi chợ Huyện lối nào, ông làm ơn chỉ giúp tôi". Anh ta trở mắt nhìn tôi chẳng nói chẳng rằng, như nhìn một giống người lạ mới ở Hỏa tinh rơi xuống. Tôi biết hiệu, rút giấy đưa cho anh xem rồi lại hỏi. Bấy giờ anh ta mới bảo: "Ông cứ đi lối này, đến chỗ có một cây đa to thì rẽ về bên tay phải, đi một quãng lại rẽ về tay trái, qua một cánh đồng, vào đường gạch làng Ngò, vòng ra đằng sau đình, rẽ về tay phải, đi một quãng nữa thì đến chợ". Đại khái thế, chứ không phải hoàn toàn đúng thế. Chỉ biết là nó lồi thối rắc rối, nhiều bên phải bên trái quá, đến nỗi tôi không tài nào nhận được. Anh ta bày cho tôi một cách: đứng đợi đấy, gặp ai gánh hàng đi chợ thì đi theo. Tôi cho là phải. Anh ta cười bảo: "Thôi thế chào ông. Cháu vô phép ông đi trước. Cháu vội lắm. Cháu phải vác ngay bó tre này lên Thượng để làm công tác phá hoại, cản cơ giới hóa tối tân của địch. Cuộc trường kỳ kháng chiến của ta phải chia làm ba giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự, giai đoạn tổng phản công. Giai đoạn phòng ngự nghĩa là...". Anh ta cứ thế, đọc thuộc lòng cho tôi nghe cả một bài dài đến năm trang giấy.

Chị Hoàng cười rú lên. Tôi cũng cười, nhưng có lẽ cái cười chẳng được tươi cho lắm. Anh thấy cần phải thề lần nữa.

- Tôi có bịa thì tôi chết. Mà tôi lại thề với anh rằng lúc ấy tôi ngạc nhiên quá, không còn cười được. Vả lại cũng không dám cười. Cười, nhờ anh ta đánh cho thì tai hại. Nhưng từ hôm ấy ngày nào tôi cũng bắt nhà tôi đóng cổng suốt ngày không dám đi đâu nữa.

Tôi cười gượng. Điều muốn nói với anh, tôi đành giữ kín trong lòng không nói nữa. Tôi biết chẳng đời nào anh nhận làm một anh tuyên truyền

nhãi nhép như tôi. Vả lại đâu có rủ được anh làm như tôi, khoác cái ba lô lên vai, đi hết làng nọ đến làng kia để nhận xét nông thôn một cách kỹ càng hơn cũng chẳng ích gì. Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi. Anh trông thấy anh thanh niên đọc thuộc lòng bài "ba giai đoạn" nhưng anh không trông thấy bó tre anh thanh niên vui vẻ vác đi để ngăn quân thù. Mà ngay trong cái việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài báo như một con vẹt biết nói kia, anh cũng chỉ nhìn thấy cái ngổ bề ngoài của nó, mà không nhìn thấy cái nguyên cơ thật đẹp đẽ bên trong. Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát nhiều, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản...

Tôi biết lắm. Trước mặt người đàn anh trong văn giới ấy, tôi chỉ là một kẻ non dại, mới tập tọng học nghề. Bởi vậy tôi không dám nói hết những ý nghĩ của tôi ra. Tôi chỉ rụt rè và đưa ra vài điểm nhận xét:

- Có nhiều cái kỳ lạ lắm. Người nhà quê dẫu sao thì cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta. Tôi gần gũi họ rất nhiều. Tôi đã gần như thất vọng vì thấy họ phần đông dốt nát, nheo nhếch, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương. Nghe các ông nói đến "sức mạnh quần chúng", tôi rất nghi ngờ. Tôi vẫn cho rằng đa số nước mình là nông dân, mà nông dân nước mình thì vạn kiếp nữa cũng chưa làm cách mạng. Cái thời Lê Lợi, Quang Trung, có lẽ đã chết hẳn rồi, chẳng bao giờ còn trở lại. Nhưng đến hồi Tổng khởi nghĩa thì tôi đã ngã ngựa người. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng mà làm cách mạng hăng hái lắm. Tôi đã theo họ đi đánh phủ. Tôi đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung Bộ. Vô số anh răng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là "nụ lựu", hát Tiến quân ca như người buồn ngủ cầu kinh mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm. Mà không hề bận tâm đến vợ con nhà cửa như họ vẫn thường thế nữa. Gặp họ, anh không thể tưởng được rằng chính những người ấy, chỉ trước đây dăm tháng, giá có bị anh lính lệ ghẹo vợ ngay trước mặt cũng chỉ đành im thin thít mà đi, đi một quãng thật xa rồi mới dám lẩm bẩm chửi thầm vài tiếng, còn bao nhiêu ghen tức đành là đem về nhà trút vào má vợ.

Hoàng nhếch một khóe môi lên, gay gắt:

- Nhưng anh vẫn không thể chối được rằng họ có nhiều cái ngổ không chịu được. Tôi thấy có nhiều ông tự vệ hay cả vệ quốc quân nữa táy máy nghịch súng hay lựu đạn làm chết người như bỡn. Nhiều ông cầm đến một khẩu súng kiểu lạ, không biết bắn thế nào. Như vậy thì hăng hái cũng vất đi. Nhưng mà thôi! Nước mình như vậy, suốt đời không được mớ đến khẩu súng thì làm gì biết bắn, họ đánh mãi rồi cũng biết. Thì cứ để cho họ đánh Tây đi! Nhưng tai hại là người ta lại cứ muốn cho họ làm ủy ban nọ, ủy ban kia nữa, thế mới chết người ta chứ! Nói ví dụ ngay như cái thằng chủ tịch ủy ban khu phố ở Hà Nội lúc chưa đánh nhau. Nó là một anh hàng cháo lòng. Bán cháo lòng thì nó biết đánh tiết canh, chứ biết làm ủy ban thế nào mà bắt nó làm ủy ban? Ông chủ tịch làng này, xem giấy của nhà tôi, thấy đề Nguyễn Thực Hiền, cứ nhất định bảo là giấy mượn của đàn ông. Theo ông ấy, thì đàn bà ai cũng phải là thị này, thị nọ.

Chị Hoàng cười nhiều quá, phát ho, chảy cả nước mắt ra. Rút khăn tay lau nước mắt xong, chị chép miệng lắc đầu bảo tôi:

- Giá bác ở đây thì nhiều lúc bác cũng cười đến chết. Thế mà ông chủ tịch ấy cứ nằn nì mãi hai ba lượt yêu cầu nhà tôi dạy Bình dân học vụ hay làm tuyên truyền giúp.

Anh chồng tiếp:

- Tôi chẳng có việc gì làm, lắm lúc cũng buồn. Nhưng công tác với những người như vậy thì anh bảo công tác làm sao được? Đành để các ông ấy gọi là phản động.

Muốn lắng chuyện, tôi hỏi:

- Lúc này nhiều thì giờ thế, chắc anh viết được. Anh đã viết được cái gì

thú chưa?

- Chưa, bởi vì ngay đến một cái bàn viết ra hồn cũng không có nữa. Nhưng thế nào chúng mình cũng phải viết một cái gì để ghi lại cái thời này. Nếu khéo làm còn có thể hay bằng mấy cái "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng, Phụng nó còn sống đến lúc này phải biết!

Cơm chiều xong vào lúc bốn giờ, Hoàng mời tôi cùng đi với vợ chồng anh đến chơi nhà mấy người ở phố cũng tản cư về. Có đâu một ông tuần phủ về hưu, một ông đốc học bị thải hồi vì một vụ hiếp học trò, một cụ phán già trước đây chuyên môn sống về nghề lo kiện, hay chạy cừu phẩm cho thiên hạ. Anh chẳng ưa gì họ bởi vì họ chẳng biết gì đến văn chương nghệ thuật, chỉ tổ tôm là giỏi. Nói chuyện với họ chán phè. Nhưng nếu chẳng giao thiệp với họ thì cũng chẳng biết đến chơi nhà ai được nữa... Anh vừa đi vừa tâm sự nhỏ với tôi như vậy, và thì thầm kể sát tai những cái thói nát, ngu ngốc, gàn dở, rởm đời của từng người một, trong khi chúng tôi bước chầm chậm để đợi chị Hoàng ra sau chúng tôi một chút.

Chị Hoàng rào bước để theo kịp chúng tôi. Hai má đỏ ửng vì lửa bếp, chị cắt nghĩa sự chậm trễ của chị:

- Tôi xem lại nồi khoai lang vui, để lát nữa về ăn. Ở đây cao lương mỹ vị chẳng có gì, nhưng được cái thức ăn vật thì sẵn. Bác ở chơi đây mai tôi xem nhà ai có mía to mua mấy cây về ướp hoa bưởi ăn thơm lắm.

Đến một cái cổng gạch lớn có dây leo, anh Hoàng giật dây chuông. Một thằng bé chạy ra, lễ phép chào:

- Lạy ông!

- Không dám. Cụ Phạm có nhà không cậu?

- Bẩm ông, cụ sang bên ông đốc.

- Sao thấy nói ông đốc ở chơi đây từ sáng?

- Bẩm không ạ! Sáng nay không thấy ông đốc sang chơi bên này.

Chúng tôi quay trở lại. Qua mấy cái ngõ ngoằn ngoèo khác, đến một cái cổng gạch có dây leo khác. Một chị vú ẵm em đứng cổng:

- Lạy ông! Lạy bà!

- Không dám. Ông đốc có nhà hay đi chơi vắng?

- Bẩm ông, ông đốc con sang cụ tuần.

- Sao bên cụ tuần bảo sang đây?

- Bẩm ông, không ạ!

Anh Hoàng quay ra. Đi được mấy bước, anh quay lại khề bảo vợ:

- Các bố lại tổ tôm. Mụ Yên Ký cũng không có nhà, phải không? Con mụ ấy cũng là đệ tử tổ tôm hạng nặng. Chắc họ tụ tập ở đây hay ở bên nhà cụ Phạm, sai người nhà gác cổng.

Chị Hoàng không có ý kiến gì. Anh Hoàng vỗ vai bảo tôi:

- Anh nghĩ có buồn không? Trí thức thì thế đấy. Còn dân thì... như anh đã biết.

Tôi thầm rửa sự tình cờ sao lại xô đẩy anh về đây cùng với bằng ấy thứ cặn bã của giới thượng lưu trí thức. Sao anh không đi theo bộ đội, đi diễn kịch tuyên truyền, nhập bọn với các đoàn văn hóa kháng chiến để được thấy những sinh viên, công chức sung vào vệ quốc quân, những bác sĩ sốt sắng làm việc trong các viện khảo cứu hay các viện quân y, những bạn văn nghệ sĩ của anh đang mê mải đi sâu vào quần chúng để học và dạy họ, đồng thời tìm

những cảm hứng mới cho văn nghệ?

Tôi cười nhạt:

- Nghe anh nói, tôi nản quá. Như vậy cuộc kháng chiến của ta có lẽ đến hỏng à?

Anh chớp lấy câu nói của tôi, nhanh như một con mèo vồ con chuột:

- Ấy đấy, tôi bi lăm. Cứ quan sát kỹ thì rất nản. Nhưng tôi chưa nản có lẽ chỉ vì tôi tin vào Ông Cụ. Tôi cho rằng cuộc cách mạng tháng Tám cũng như cuộc kháng chiến hiện nay chỉ ăn vì người lãnh đạo cừ. Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thế nào kia, mới xứng tài. Phải cứu một nước như nước mình kể cũng khổ cho Ông Cụ lắm. Anh tính tượng trưng cho phong trào giải phóng cả một cái đế tư cường quốc là Đại Pháp, mà cũng chỉ có đến thằng Đờ Gôn.

Tôi nhắc đến tên mấy nhân vật kháng chiến cũ của Pháp, còn đáng tiêu biểu bằng mấy Đờ Gôn. Anh lắc đầu:

- Bằng thế nào được Hồ Chí Minh!

Và anh tiếp:

- Ông Cụ làm những việc nó cừ quá, đến nỗi tôi cứ cho rằng dù dân mình có tòi đi nữa, Ông Cụ xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường. Những cú như cú Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3 thì đến chính thằng Mỹ cũng phải lắc đầu: nó cho rằng không thể nào bịp Ông già nổi. Thằng Pháp thì nghĩa lý gì? Bệt lăm rồi. Không có thằng Mỹ xui thì làm gì Pháp dám trở mặt phản Hiệp định mồng 6 tháng 3? Mình cho nó như vậy đã là phúc đời nhà nó rồi. Đáng lẽ nó phải bám chằng chằng lấy chứ?

Buổi tối ăn khoai vui xong, uống mấy tuần trà rồi đi nằm sớm. Anh sợ tôi

đã đi hàng mười cây số, lại ngồi nói chuyện suốt từ lúc đến, chắc không thể ngồi được nữa. Và lại, tuy chưa buồn ngủ nhưng nằm đắp chăn cho ấm và buông màn cho khỏi muỗi đốt thì vẫn tốt.

Hai cái giường nhỏ kê song song; cách nhau có một lối đi nhỏ.

Màn tuyền trắng toát. Chỉ trông cũng đã thấy thơm tho và thoải mái.

Hoàng với tôi đi nằm trước. Một gói thuốc lá thơm và một bao diêm đặt ở bên cạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá ở đầu giường. Tôi để nguyên cả quần áo tây và chỉ ngay ngáy lo đêm nay một vài chú rận có thể rời sơ mi tôi để đi du lịch ra cái chốn bông hoang thoảng nước hoa. Mọi hôm tôi vẫn đắp chăn chung với anh em thợ nhà in, cái giống ký sinh trùng hay phản chủ ấy, ở người tôi, không dám cam đoan là tuyệt nhiên không có.

Chị Hoàng thu dọn đồ đạc, đóng cửa, rồi đem một cây đèn to lại chỗ chân giường chúng tôi, lấy ra một cái chai. Anh Hoàng trông thấy, hỏi:

- Minh thắp đèn to đấy à?

- Vâng, tôi đổ thêm dầu đã.

Anh Hoàng hỏi tôi:

- Anh có thích đọc Tam quốc không?

Tôi thú thật là chưa bao giờ được xem trọn bộ.

- Thế thì thật là đáng tiếc. Trong tất cả các tiểu thuyết Đông Tây, có hai quyển tôi mê nhất là Tam quốc và Đông chu liệt quốc. Về cái môn tiểu thuyết thì thẳng Tầu nhất. Nhưng cũng chỉ có hai bộ ấy thôi. Thủy hử cũng hay, nhưng kém Tam quốc và Đông chu liệt quốc. Những tiểu thuyết khác hay đến đâu, anh cũng chỉ đọc một lần. Đọc đến lần thứ hai là giảm thú rồi. Nhưng

Tam quốc với Đông chu thì đọc đi đọc lại mãi vẫn thấy thú như mới đọc.

- Anh có hai bộ ấy ở đây không?

- Bộ Đông chu mất ở Hà Nội, không đem đi được. Thế mới sầu đời chứ! Hận quá. May mà bộ Tam quốc lại để ở ngoại thành, đem đi được. Nếu không thì buồn đến chết.

Anh gạt tàn thuốc lá rồi bảo tiếp:

- Sở dĩ lúc này tôi hỏi anh có thích đọc Tam quốc không là vì mỗi tối trước khi đi ngủ, chúng tôi có cái thú đọc một vài hồi Tam quốc rồi mới đi ngủ. Nhưng hôm nay có anh không biết có nên bỏ cái lệ ấy đi không? Nếu anh thích nói chuyện thì nghỉ một tối để chúng mình nói chuyện cũng chẳng sao.

Cố nhiên là tôi mời vợ chồng anh cứ giữ lệ thường. Anh có vẻ mừng rỡ lắm:

- Vâng, nếu anh cho phép thì ta cứ đọc. Chúng mình cùng nghe rồi lúc nào buồn ngủ thì ta ngủ. Tôi trông anh hơi mệt có lẽ cần ngủ sớm. Không biết đèn sáng lại đọc thế có phiền anh không?

Tôi cho anh biết là tôi vẫn ngủ ngay trong nhà in, đèn sáng và máy chạy ầm ầm, ở đây chần ầm thế này thì dầu súng có nổ ngay ở liền bên tôi vẫn ngủ ngon lành lắm. Anh cười cùng cục trong cổ như một con gà sống:

- Vâng thế thì ta cứ đọc. Mình lấy ra đi.

Chị Hoàng chạy lại buýp phê lấy một quyển sách bìa dày gáy da đem lại:

- Mình đọc hay tôi đọc?

- Mình đọc đi.

Chị để cây đèn lên trên cái đôn thấp ở đầu giường, cởi áo dài lên giường nằm cạnh thằng con đã chui vào chăn trước:

- Hôm qua đọc đến đâu rồi nhỉ. Hình như...

- Không cần, mình đọc lại cái đoạn thằng Tào Tháo nó tán Quan Công ấy. Thế nào? Theo ý anh thì Tào Tháo có giỏi không?

Tôi trả lời qua loa cho xong chuyện:

- Tôi thấy nói là nó giỏi.

- Giỏi lắm anh ạ! Giỏi nhất Tam quốc. Sao nó tài đến thế.

Chị Hoàng đã tìm thấy, bắt đầu cất tiếng thanh thanh đọc. Anh Hoàng vừa hút thuốc lá vừa nghe. Mỗi khi đến đoạn hay, anh lại vỗ đùi kêu:

- Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng! Tiên sư anh Tào Tháo...

1948

Rút từ Văn nghệ, số 2 năm 1948 NXB.

Hội Nhà văn, Hà Nội - 199

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Trẻ Con Không Được Ăn Thịt Chó

Hắn hút đến điệu này là điệu thứ ba. Ba điệu thông luôn. Cái thuốc Lào, hút vào một buổi sáng lành lạnh như buổi sáng hôm nay, sao mà ngon thế! Khói đậm đà như vị mật, thấm qua lưỡi để pha vào với máu, lan đi từng thớ thịt, làm da thịt mê mê. Đôi mắt hắn gà gà; hơi thở phì phò như ống bễ lò rèn, những ngón tay lơ lơ trên không khí mơn man một dáng hình tưởng tượng. Như thế trong vài ba phút. Rồi cơn say lại nhạt. Cái thú vị chính là ở đó. Những cơn say, nếu kéo dài ra tất thành nôn nao. Người ta đâm chúi đầu vào bức vách hoặc xều dãi ra như một con chó trước khi hóa dại! Còn cái gì thô tục bằng? Đẳng này những cơn say rất chóng qua. Người hút, vừa hút xong, đã bị muốn hút luôn điệu nữa. Hút bằng nào cũng không biết chán. Hút đi, hút lại mà vẫn còn thấy ngon.

Cái điệu là một vật vô tri mà dường như cũng biết nịnh đời. Vốn dĩ xưa nay nó là một cái điệu rất tồi. Hút không kêu. Nó chỉ xìn xịt như tiếng một vật gì bị ẩm. Nghe chán lắm. Thế mà hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, nó lại kêu. Những tiếng nổ tanh tách nẩy lên trên không khí khô nỏ và trong veo của mùa thu như một chuỗi cười giòn. À, thì ra cái điệu hình như cũng có hồn. Vào một buổi sáng mát mẻ như buổi sáng hôm nay, tự nhiên nó hết ươn ao, và thấy cần phải ẩm ỉ thì mới khoái. Người cũng vậy. Hắn thấy lúc này mà phải bó gối ngồi nhà thì cái đời thật khổ. Ấy thế là hắn cầu nhà chủ tục. Hắn chửi những quân hàng bước không chịu đến mua cây bước đào nhà hắn để hắn có dăm đồng bạc tiêu. Năm đồng bạc!... Mắt hắn sáng hẳn lên một chút. Chúng có vẻ vừa trông thấy con chó thui béo căng và vàng óng treo lủng lẳng bên trên cái chõng hàng nhà mụ Tam. Nước dãi tứa ra đầy miệng

hắn, một hơi rượu rất mong manh thoáng qua mũi hắn rồi vụt biến. Chà! Hôm nay mát trời lắm nhỉ? Rượu với thịt chó mà lại gặp khí trời mát thì ngon biết chừng nào là ngon! Hắn nuốt dài hai, ba lượt. Rồi hắn lại rịt thuốc vào nõ điếu, châm đóm hút thêm điếu nữa. Cái điếu vẫn kêu tanh tách. Nhưng khói thuốc bây giờ sao nhạt thế! Khi đang hút thì nó nhạt như nước lã, mà hút xong thì lại hơi đắng miệng. Hắn nhổ bọt vào chân cột rồi vừa chếp chếp môi vừa hếch mắt nhìn lên nóc nhà. Rượu... thịt chó... rượu... thịt chó... Óc hắn cứ lẩn quẩn nghĩ đến hai thứ ấy. Sắc vàng bóng của một cái mâm chó thui nhầy nhầy mỡ với sắc xanh nhạt của một chai Văn Điển đầy ăm ắp cứ lần lượt hiện ra. Ờ! Ờ! Mát trời thế này mà được uống rượu thì tuyệt quá! Nhưng đào đâu ra tiền? Ấy thế là hắn lại chửi những quân hàng bước. Rồi nhân tiện, hắn chửi luôn vợ hắn, cái "con mèo mù" đã dẫn mãi, buổi chín đã gần muốn rụng mà vẫn chưa chịu rước người vào mua. Chửi chán, hắn tặc lưỡi một cái để bảo hắn rằng: không chửi nữa. Hắn quăng mạnh hai chân xuống đất để đứng lên và ra đi. Hắn đi cúi mặt, bước những bước mãi một và cả quyết. Người ta cứ tưởng hắn như đã định sẵn một nơi nào để đến. Nhưng không phải. Đến đầu ngõ, hắn tần ngần dừng lại. Bởi đến đầu ngõ, hắn gặp một con đường hai ngã. Biết đi ngã dưới hay là ngã trên? Đi ngã dưới tức là đến nhà con mẹ Vụ để gạ bán non cho nó mười gốc chuối. Nhưng con mẹ Vụ sẽ nhớ ra rằng: đã có lần hắn bán cho thị mười gốc chuối lấy hai đồng bạc đi xóc đĩa rồi lại bán lại lần nữa cho người khác lấy ngót hai đồng bạc. Giá mỗi cây chuối cổ sinh ra lấy hai buồng thì hắn không đến nỗi là người lật lọng đâu. Nhưng cái giống chuối, từ cổ chí kim, mỗi cây chỉ sinh được một buồng. Vậy thì hắn đích thực là một con người hay lật lọng.

Chậc! Ừ thì hắn là người lật lọng, như vậy thì đã sao? Không sao cả. Bởi ai đã chửi hắn luôn ba hôm mới biết rằng chửi hắn vô ích thật. Chửi hắn thì mỗi miệng. Nhưng nên buộc chỉ cổ tay để nhớ cho thật kỹ: từ giờ đừng bao giờ dại dột tham lợi mà mua chuối non cho hắn một lần thứ hai. Con mẹ Vụ sẽ không mua chuối non cho hắn một lần thứ hai. Không những thế, rất có thể, nó sẽ xia xói vào mặt hắn mà mắng cho đến nhục. Vậy thì cái ngã dưới

rành rành là bất lợi. Hắn quay mặt về ngả trên. Thế nghĩa là cứ đến thẳng hàng thịt chó nhà mụ Tam. Nhưng mụ Tam vốn không ưa bán chịu. Mà hắn thì lại đã chịu của mụ luôn ba bữa, chưa đào đâu ra tiền trả. Cái mặt mụ chắc chắn là sẽ không được tươi tỉnh lắm. Mụ sẽ vác nó lên. Mụ sẽ nhìn cái tổ chim vô hình trên lưng chừng một cây tre ở trước cửa hàng nhà mụ chứ không thèm nhìn hắn. Nếu hắn có lải nhải lắm, thì mụ sẽ hướng đôi môi lên hướng trời xanh mà bảo hắn: trả nợ cũ đi đã rồi hãy ăn. Như vậy thì cũng nhục. Hắn dùng dằng không nỡ bước. Trong khi ấy thì nước dãi từ từ dâng lên miệng hắn. Rượu... thịt chó!... Rượu... thịt chó!... Trước mắt hắn lại lập lòe hai sắc: vàng bóng và xanh nhợt. Hắn nuốt dãi kêu ừng ực. Rồi hắn tặc lưỡi một cái để ra hiệu cho hắn dừng do dự nữa. Việc gì mà do dự nữa? Thịt chó của mụ Tam để bán chứ không phải để cho ôi thối. Còn hắn muốn ăn thì phải mua. Không có tiền thì mua chịu. Trời sinh ra thế. Dầu rằng mụ Tam không ưa bán chịu thì hắn cũng đã chịu luôn được ba bữa. Thêm một bữa nữa thì đã sao? Ấy thế là hắn bước. Hắn bước nhanh nhẹn và vui vẻ. Y như một ông phó mới đi đến một đám mời ăn khao.

Nhưng gần đến hàng mụ Tam, hắn nghe tiếng mụ Tam the thé. Đích là mụ vừa xoắn được một kẻ ăn hàng chịu mất mặt mũi, bây giờ mới thấy. Đen đui thực. Hắn tần ngần đứng lại. Để nghe ngóng xem sao đã! Chà cái con mụ la sát này thật là chua ngoa. Nó bảo người kia: ăn mà không muốn trả thì ăn này, ăn nợ cho nó. Miếng ăn là miếng nhục. Thế này thì khó lòng mà nuốt cho trôi được. Hắn thở dài một tiếng, quay trở về... Bây giờ thì những bước đi thần thờ hơn. Hắn thấy người mỗi mệt, chân tay rời rã. Đúng là một anh nghiện đến bữa chưa được hút, thỉnh thoảng hắn lại đưa tay che miệng ngáp thật to, như một con trâu ghé ngo, nước mắt ứa ra òng ọc. Khởi một rặng tre cao, đến cánh đồng. Nắng bừng lên. Nắng mùa thu dịu dịu. Trời thì đẹp. Cánh đồng lúa mơn mớn, run gợn gợn như một làn da quen ủ kín, đột nhiên phơi ra gió lạnh. Phong cảnh quyến rũ như một nhan sắc hoàn toàn nảy nở. Chao ôi! Giá hắn không bận nghĩ đến rượu và thịt chó! Giá hắn không khổ sở vì một cái dạ dày ưa đòi hỏi thì hắn đã sung sướng lắm, nhưng hắn lại thèm

rượu và thịt chó mà không được uống rượu, ăn thịt chó. Bởi vậy hẳn cho là đời thật đáng buồn. Kiếp người nản lắm. Trời thì cay nghiệt như một bà già thiếu ăn ngay từ lúc còn thơ. Mà cái nắng hanh của mùa thu vô cùng khó chịu. Đầu hẳn ngoẹo xuống vai. Đôi mắt hẳn lim dim. Hẳn có vẻ vừa đi vừa ngủ. Hẳn đã gần ngủ thật thì một việc bỗng làm hẳn đột nhiên tỉnh người.

Ấy là lúc hẳn lò dò về đến sân. Hẳn đang đi bỗng giật mình. Một con chó đang thiu thiu trong một bụi dong ở đầu sân nhảy căng lên một cái. Và hẳn sức nhớ ra rằng: nhà hẳn có một con chó vận, con chó vận ấy hay trông gà hóa cuốc, hẳn lắm khi chực đớp cả chân người nhà. Đó là một cái tật không thể tha thứ được. Bởi không ai nuôi chó để nó cắn què chân bao giờ. Ờ, mà lại còn điều này nữa; nuôi mèo hay nuôi chó thì cũng phải tùy gia cảnh: nhà giàu nuôi là phải, bởi nhà giàu sợ trộm và lại nhiều cơm hớt; còn nghèo rớt mồng tơi như nhà hẳn, nuôi làm gì? Giá thử nhà còn trẻ nhỏ, thì nuôi chó cũng còn được việc. Nhưng nhà không còn trẻ nhỏ. Thằng cu con đã lên ba. Nó đã có thể ra vườn được. Hạt gạo năm nay khó chuốc như hạt ngọc. Đến bữa ăn, phải tính đầu để chia cơm. Cứ tình hình ấy, thì phải dờ hơi lắm lắm mới nuôi một con chó để chẳng có việc gì cho nó làm... Thế là đủ lắm. Hẳn sung sướng vì đã nghĩ ra điều ấy. Hẳn gật đầu luôn mấy cái. Rồi hẳn đưa mắt nhìn trộm con chó vận. Con chó vận đã lại nằm thiu thiu bên một gốc chuối. Quả thật, nó đã đến ngày tận số. Hẳn đi tìm cái thúng. Hẳn rón rén đi vòng lại phía sau đuôi con chó. Ấp! Con chó giật mình đến thót. Nỗi nguy chụp xuống. Nó bị thu gọn trong cái thúng, không còn chỗ mà giãy giụa. Trong khi ấy, thằng người kêu rồi rít:

- Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Tao úp được con chó rồi.

Lũ trẻ con đang nghịch đất, quăng cả những cái bẹ mèo chuối đi, xô đẩy nhau ngã kêu chí chóe, vừa chạy về vùareo lên:

- Chúng mày ơi! Chúng mày ơi! Thầy úp được con chó rồi!... A ha.

Người cha bảo:

- Chúng mày xúm cả lại đây, đè chặt lấy. Đè thật chặt.

Con Gái, và cu Nhớn, cu Nhỡ, cu Con xúm lại; đưa tì tay, đưa tì chân, đưa ngòai cả lên trên thúng. Người bố đi tìm gậy để ngáng lên cổ chó mà nhận xuống. Lũ trẻ bắt đầu bàn tán:

- Thầy giết chó, nhỉ?

- Ừ, thầy giết con chó để làm thịt chén.

- Thích nhỉ, cu Con nhỉ?

- Thầy cho cả chúng ta ăn thịt chó nhỉ?

- Tao cũng ăn thịt chó.

- Ừ, thầy cho cả mày, cả tao.

- Cả chị Gái...

- Chúng mày có im cả không, chó ra bây giờ thì mất ăn.

Người đàn bà ở chợ về. Thị tủm tủm cười. Thị cười vì nghĩ đến đàn con. Hôm nay, chẳng biết cao hứng thế nào, thị đã mua cho chúng những bốn cây mía lách. Những ba trình kia đấy, như thế kể đã nhiều lắm. Cả đội hàng của thị đem đi buổi sáng, bán được vừa sáu xu. Vì đâu lại có sự hoang phí ấy? Có lẽ bởi hôm nay trời mát. Có lẽ bởi thị thương hại thằng cu Con. Mỗi lần mẹ về chợ, cứ nghe tiếng các anh réo là cu Con lại thét lên. Hình như nó sợ các anh chạy ra trước nó. Có khi nó khóc. Có khi mãi một quá, nó ngã lộn tùng phèo từ trên hè xuống sân. Ấy thế mà mười lần thì đến chín, mẹ nó chỉ chìa cho nó bàn tay không. Người đàn bà, nghĩ đến cái bộ mặt tiu ngịu của con lúc nào, rỏ nước mắt ra lúc ấy. Trông thương đứt ruột. Nhưng biết làm sao

được? Đã đành quà của nó, chỉ một đồng trinh là đủ. Nhưng không thể đóng một hào chín xu rưỡi gạo. Mà cái ngữ tiêu trong nhà thị, mỗi ngày không thể quá hai đồng hào. Vậy có thương con thì để bụng. Còn cái sự mua quà thật khó lòng thay! Nhưng thời tiết có ảnh hưởng đến người ta rất lạ lùng. Hôm nay, người mẹ đáng thương kia thấy dễ chịu trong người. Khí nóng nặng nề của mùa hạ đã tan rồi. Cái rét sắc như dao của mùa đông chưa tới. Trời xanh ngắt. Nắng êm êm. Gió phớt phớt trên da, cho người ta cái cảm giác nhẹ nhõm sau khi tắm. Táo vật hiền hòa lắm. Táo vật không đè nén và dọa nạt. Người ta tin tưởng vào đời hơn. Người mẹ nghĩ rằng: Mát mẻ thế này thì làm việc là một trò chơi. Rồi thị lại nghĩ rằng nếu mía lách đem đi chợ mà không có người mua thì chẳng ai đem đến chợ. Ấy thế là thị đánh liều bỏ ra xu rưỡi và chọn lấy bốn cây vừa ngon vừa dài. Chọn xong, thị cũng thấy tiếc tiền. Và trên đường về, thị còn lần quất nghĩ đến xu rưỡi mãi. Nhưng thị lại nghĩ đến thằng cu Con, đến lúc nó sẽ búi chặt lấy mấy cây mía lách mà cười nắc nẻ. Vậy thì thị chẳng nên tiếc nữa. Có mất đâu mà tiếc? Con thị nó sẽ ăn vào miệng.

Về đến nhà, thị cảm động quá, hơi run. Môi thị tự nhiên mỉm cười. Nhưng chẳng có đứa nào reo. Chẳng đứa nào trông thấy mẹ. Chúng đi đâu cả? Thị vừa gọi vừa hoảng hốt chạy ra ngoài bờ ao. À! Hú vía... chúng nó đây cả rồi. Nhưng làm gì mà dao thốt bừa bọn thế?

Thị hơi sửng sốt vì bố chúng nó đang thả một con chó thui xuống nước và cầm một búi rơm kỳ cọ. Sao lại có sự long trọng ấy? Thị đã toan hỏi nhưng lại nín, vì lại có cả mấy người anh em bạn chồng. À, thôi phải... có lẽ hôm nay là ngày giỗ ông nào, bà nào đây, thị ngây mặt ra, cố nhớ... Hăm năm tháng Chín... không, mà không phải... Giỗ chạp gì hôm nay? Lửa giận chột bốc lên ngàn ngút. Thị thâm tím mặt. Thị biết chẳng phải giỗ chạp gì cả. Và có giỗ cũng chẳng cần giết chó. Xưa nay có bao giờ phải giết chó mới làm giỗ được? Nhà nghèo, chỉ bát cơm, bát canh thượng số vài ba hào chỉ là đủ lắm! Cái số thị chẳng ra gì nên vợ phải một thằng chồng không biết lo, biết

ngiht, chỉ thích ăn, thích uống. Con chó to bằng ấy, lúc này bán đâu không nổi ba đồng bạc? Cả nhà ăn gạo hàng nửa tháng. Ấy thế mà cái môi nó vừa máy lên một cái, nó đã phải đề ra mà giết ngay. Ăn hoang, phá hại. Ăn uống thế, có khác gì ăn thịt con không, hờ trời? Thị ghen ngào cả cổ. Thị muốn gào thật lớn. Nhưng còn vướng mấy người bạn đấy. Thôi, cũng đành cắn răng. Nhưng thị không còn sức mà đứng nhìn nó nữa. Thị chạy về nhà bình bịch. Thị quăng thị xuống cái phản gỗ sung đến phịch. Chao ôi là chán nản, thị thấy một nỗi chán nản rời rã xâm lấn người...

Một lúc thật lâu, anh chồng về. Anh vừa lau tay vào vạt áo, vừa tươi cười hỏi:

- Nhà còn gạo không?
- Làm gì mà còn gạo!
- Thế thì làm sao được?
- Muốn làm sao thì làm.

Anh bẽ lảm. Giá phải lúc khác thì anh đã cho cái tát. Nhưng lúc này làm thế có khác gì đuổi bạn. Vả lại chị vợ đang tức tối. Đánh thị, chắc thị sẽ gào lên đến bảy làng nghe thấy. Còn ra quái gì! Anh cũng đành cười gượng mà nịnh nọt cho xong chuyện:

- Bu mày chịu khó đi đong chịu vậy?
- Tôi không rồi!

Hắn đã lộn tiết lên rồi, không còn nhịn được. Mắt hắn trợn lên. Hắn gầm gừ nhìn vợ một giây, rồi hục hặc:

- Cái giống nhà mày khó bảo!

Mắt người vợ đã rân rấn nước. Hăn biết là hăn thắng. Chỉ cần khéo hơn một chút. Hăn lại xoay ra đầu dụ:

- Cái thứ người đầu mà ngang như cua vậy? Phải biết: Tao muốn mất tiền làm gì chứ? Nhưng chết cái ăn của người ta mãi, chẳng lẽ không mời lại người ta một bữa thì cái mặt mình còn ra mặt gì? Nhân tiện con chó nó ăn phải bả hay sao chẳng biết, sáng hôm nay cứ rú lên rồi lăn ra giãy chết...

À, ra thế... Thị hơi nguôi lòng một chút. Thật ra thì thị biết không nguôi, không được. Nó cục như chó vậy. Ương với nó, nó thượng căng chân, hạ căng tay là thường. Thiệt thân, mà kết cục cũng vẫn phải đủ gạo cho nó thối. Thị đứng lên, vừa nguýt hăn, vừa lạo bạo:

- Đong mấy hào?

Thế là hăn lại đổi mặt ra tươi cười:

- Thì bu mày liệu đấy. Có ba người khách với tôi là bốn. Với lại mẹ con nhà mày nữa.

- Mẹ con chúng tôi thì nhịn. Đong chịu chỉ có thể đong đến năm hào là hết đất. Ai bán cho mình hơn?

- Ủ thì đong năm hào. Với bảo mẹ Xuyên bán chịu cho tao chai rượu nữa. Mà cầm cả chai nước mắm đi mua chịu cho tao một hào.

Bao nhiêu là thứ! Thị rên lên như một người mất cướp. Nhưng nó đã muốn thế thì mặc nó. Thị cứ mua cho nó. Rồi bán gì đi mà trả nợ thì cứ bán. Còn thì ăn, hết thì nhịn. Bỏ ăn lắm thì con chết đói. Cùng lắm thì bồng bế nhau đi ăn mày... Thị vừa thở dài vừa đi.

Bây giờ thì mọi thức đã xong rồi. Con chó hơi gầy. Nhưng gầy thì cũng tốt.

Hai bát tiết canh đông lạnh. Ấy là cái điềm lành báo rằng cuộc vui sẽ hoàn toàn. Những miếng thịt ngon thái tái trộn ngay vào hai cái bát chậu thật to cho khỏi lồi thối. Vẽ vời đơm vào đĩa hăn hoi thì biết bằng nào đĩa cho xuể? Nồi xáo bốc hơi thơm lừng, chẳng cần múc làm gì cho rếch bát. Sau khi đã hỏi qua ý khách, chủ nhà định bê cả nồi lên để lúc nào ăn cơm hãy múc ra. Múc ngay vào những bát bây giờ dùng đựng tái. Như vậy, tiện. Chỉ có hai cái bát mà đủ cả. Ăn hết rồi lại múc. Ăn thịt chứ có ăn bát đâu mà cần... Hăn lăm nhảm bênh vược cho cách dự định của hăn như thế mãi, tuy chẳng có ai có phản đối. Họ cũng thừa biết cả cửa nhà cơ nghiệp nhà hăn chỉ có hai cái bát chậu ấy thôi. Nhưng có gì. Miễn là được uống rượu sớm hơn một chút. Anh nào anh ấy đói ngấu. Mà cái mùi thịt chó bốc lên thơm vô cùng. Bao nhiêu là nước rằng?

Chủ nhân, sau một cái liếm môi rất nhện, hất hàm hỏi khách:

- Xong rồi chứ?

- Xong!

- Bưng mâm nhé?

- Ủ, làm thì làm!

- Nào, bưng mâm!...

Hăn giạng hai chân, khuỳnh hai cánh tay và thè lè cái lưỡi ra như một con chó về mùa nắng. Trông như hăn muốn vằn một cái cồi đá nhất chứ không phải để bưng một cái mâm bằng gỗ. Nhưng thật ra đó chỉ là một cử chỉ trịnh trọng và sung sướng. Binh Hựu giơ bàn tay trái lên làm trống khâu, dùng ngón trỏ tay kia làm dùi, ưỡn ngực ra, vừa gõ vừa kêu:

- Tung! Tung!...Tung!..

Ấy là cái hiệu trống để cho phu nhắc kiệu lên vai. Chủ nhân ý tứ nâng cái mâm thịt chó lên ngang mặt...

- Tung! Tung!

Thế nghĩa là: Đi! Đi! Và chúng đi. Lũ trẻ, thấy người lớn cũng làm trò như chúng, thích chí cười sằng sặc. Chúng à à tuồn vào nhà trước, như đàn ruồi. Cu Nhỡ trèo lên phản ngồi xếp bằng sẵn. Cu Con trèo không kịp khóc òa lên. Nhưng người bố trợn mắt thật to và quát:

- Những thằng này hỗn! Chỗ chúng mày ngồi đấy à?

Cu Nhỡ cười như mếu, vội vàng tụt xuống. Cu Nhớn thấy thế làm khoái lắm. Nó vừa lêu lêu em, vừa nhạo:

- Xấu! Không ngồi đấy đi!... Xấu! Không ngồi đấy đi...

Nhưng nó cũng cụt hứng ngay. Bố nó quay lại nó:

- Còn mày nữa! Không xách thằng cu Con đi à? Đưa nhau xuống bếp, rồi ăn cơm.

Khi cả ba đứa trẻ đã lết cụt chạy ra rồi, hẳn mới đặt mâm xuống phản, nháy mắt và xếch môi lên để làm cái điệu bộ cười, rồi toang toáng bảo như một kẻ cả vẫn đi ăn, đi họp:

- Láo toét! Chỗ này là chỗ quan viên uống rượu. Có phải không, các cụ?

Nhiều Cừ bẹp mồm ra:

- Bẩm cụ Bá dạy thế thật là chí lý.

- Ồ, có chẳng thì thế chứ!... Vậy mời quan viên nào! - Ba ông khách ngồi. Chủ nhân chắp hai tay trước ngực, rồi lại đưa tay phải lên đầu gối, lăm rằm

như khấn ông vải về ăn cỗ:

- Bấm các cụ, chả mấy khi các cụ có lòng chiều cố đến chơi nhà chúng cháu... Gọi là có chén rượu nhạt, xin rước các cụ cứ thật thà đi cho.

- Ờ!

Nghe tiếng "ờ" rất sang rung lên trong cái cổ họng của Binh Hựu bắt chước giọng ông Chánh Ngạc, cả bốn anh cùng cười. Chủ nhân rót rượu ra hai cái bát. Hai người uống chung một bát. Chúng bắt đầu ăn uống, tranh nhau nói và cười rung cả mái nhà.

Người mẹ rất còm cõi và bốn đứa con gầy ốm, quây quần với nhau trong xó bếp. Trong gia đình này, năm mẹ con thường giống như một bọn dân hèn yếu, cùng chung phận con sâu, cái kiến dưới cái ách một ông bạo chúa.

Thấy lũ con đứa nào cũng nhả nhả, nhó nhó, người mẹ thương đứt ruột. Thị biết rằng chúng đói. Khi người ta đã đói mà người thấy mùi thịt chó, thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố với ba ông khách cứ kéo dài ra mãi. Nghĩ mà bực quá! Cái thể không chết được, chứ giá chết được thì thị chỉ thắt cổ mà chết đi cho rồi... Thị dỗ con:

- Cố mà nhịn lúc nữa, các con ạ. Đợi trên nhà ăn xong, còn thừa thì ta ăn.

Rồi muốn cho chúng quên đi, thị sổ tóc ra cho chúng xúm vào bắt chấy. Úi chà! Nhiều chấy quá! Chỉ việc rẽ một đám tóc ra là đủ thấy bốn, năm con bò lổm ngổm. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỡ thi nhau bắt. Chúng cho cu Con mấy con chấy kèn làm trâu. Mới đầu cái trò chơi ấy cũng hay hay. Nhưng chỉ một lúc là chúng chán. Thằng cu Con ra hiệu đình công trước. Nó lăn vào lòng mẹ, oằn oại vừa hụ hị kêu:

- Đói! Bu ời! Đói...

Tức khắc những đứa kia cũng nhớ ra rằng chúng đói. Chúng không bắt chấy cho mẹ nữa. Chúng thờ dài. Chúng nuốt bọt nhem nhép. Chúng thừ mặt ra. Chúng nằm ẹp xuống đất và lật áo lên để khoe cái bụng. Bụng đứa nào cũng gần dính lưng.

Mắt thị rơm rớm nước. Cũng may, tiếng người bố trên nhà gọi:

- Cái Gái đâu! Đẹp mâm đi, mày!

Bốn đứa trẻ cùng nhóm dậy: mặt chúng đột nhiên tươi tỉnh lại. Gái "vâng" một tiếng thật to và chạy lên. Cu Nhớn, cu Nhỏ ngồi chồm chồm đợi... Một lát sau, Gái bê mâm xuống. Nó nâng nâng lên ngang má như cha lúc nãy. Các em nó đứng cả lên, chực đu lấy cái mâm. Nó càng nâng cao hơn, mồm thét:

- Khoan! Khoan! Kéo vỡ...

Cu Nhớn thét:

- Thì bỏ xuống!

Gái vênh mặt lên, trêu nó:

- Không bỏ. Không cho chúng mày ăn.

- Có sợ thành tật không?

- Không cho ăn thật đấy.

Cu Nhỏ sốt ruột, khoạm mặt lại, văng nhau với chị:

- Làm trò mãi! Có bỏ xuống đây không nào?

Gái hạ nhanh mâm xuống đất bảo:

- Này, ăn đi.

Nó ngẩng mặt nhìn các em, cười the thé. Người mẹ xịu ngay mặt xuống. Trong mâm, chỉ còn bát không. Thằng cu Con khóc òa lên. Nó lăn ra, chân đập như một người giấy chết, tay cào xé mẹ. Người mẹ đỏ mũi lên và mếu xệch đi, rưng rức khóc. Cái Gái và cu Nhớn, cu Nhỡ cùng khóc theo.

1942

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Xem Bói

Hắn tưởng hắn chỉ nhọc thôi. Nhưng đi qua một tiệm ăn, nghe tiếng mờ reo trong chảo và ngửi mùi xào nấu đưa ra, hắn mới biết rằng hắn lại đói nữa. Chính vì đói nên mới nhọc đến thế, mà đói cũng phải; tối hôm qua nhịn; sáng nay, chỉ ăn có mỗi một đánh khoai lang bằng ngón chân cái rồi đi ngay; chưa cơm nước gì... "Làm một bát phở chẳng?" bụng hắn nghĩ thế, nhưng chân hắn cứ đi. Đi quá tiệm ăn mấy bước, hắn nuốt nước dãi kêu đánh ực. Hắn cố xua hình ảnh một bát phở bốc khói ra khỏi trí. Bởi vì phở thì ngon thật. Nhưng mà đắt. Mà lại lỏng bông nhiều nước quá. Tiếng rằng một bát, nhưng nếu chỉ kể nguyên bánh và thịt, khó mà được năm miếng thỏa. Đúng hai hào một bát. Biết ăn mấy bát? Nhiều: không đào đâu ra tiền được, ít: dờ miệng, càng thêm khổ, mà lát nữa ra đến ngoài kia, tiểu tiện đánh tèo một cái, lại đâu vào đấy; bụng đói hoàn đói... Thà làm mấy hào cơm cho chắc dạ...

Hắn vừa đi vừa suy tính thế, mặt cúi gầm xuống đất, gần như chẳng nhìn thấy gì, bởi cái lối đi đã thuộc quá, có nhắm mắt mà đi cũng không sợ lạc. Đến hàng cơm mọi khi, hắn cứ thế rẽ vào, rồi mới ngẩng mặt lên. Vừa ngẩng mặt lên, hắn tức thì từng hừng. Đôi lông mày sâu róm của hắn nhấc cao đến lưng chừng trán. Đôi mắt hắn rần to. Mũi hắn hếch lên như mũi một con dê con nghe dê mẹ gọi. Hắn có vẻ vừa ngỡ, vừa cáu kỉnh. Bởi vì vừa rồi khi mới gần tới đây, hắn đã dọn mồm sẵn để ăn cơm. Thế mà người ta lại không còn bán cơm ở nơi này nữa. Hắn nhìn căn nhà hai tầng quét vôi vàng, bên phải. Hắn nhìn căn nhà hai tầng có cái gác như một cái chuồng chim, bên trái. Hắn nhìn cây bàng to trước cửa... Đúng là cái nhà này, không sai được. Nhưng cái chõng hàng cơm, với những chậu sành đựng đồ ăn, với đàn ruồi

nhặng mọi khi, thì không còn thấy. Cửa lùa ở hai bên thì thấy đóng, chỉ thấy để một lối ra vào giữa mà thôi. Trước cửa, treo một bức màn mỏng, như kiểu những nhà để ở, không buôn bán.

Cái hàng cơm đã dọn đi nơi khác hoặc không bán nữa, có thể thôi. Thật giản dị như một bài tính đồ trẻ con. Nhưng hăn bức mình nên cứ băn khoăn hỏi mãi: "Thế thì cái cóc gì? Thế là cái cóc gì?" Hăn lăm băm thành lời, rồi hăn lại toan xộc vào nhà, để hỏi người trong nhà nữa. Làm in như một người đi đòi nợ thấy con nợ của mình chuồn mất. Nhưng mới bước vào khỏi bức màn mỏng, hăn chợt trông thấy cái bảng treo ngang. Ấy là một cái biển nhỏ, màu đỏ thẫm, chữ đen, như cổ giấu mình đi. Hăn phải dụi mắt mấy lượt cho khỏi quáng mắt, mới đọc nổi ba dòng chữ viết khắc chìm xuống gỗ: "Thầy bói Cự, trước ở Hà Nội nay dọn về đây; tiền vận, hậu vận nói mười lời không sai một". A! Thầy bói. Cái giống bói này không làm cho no bụng. Hăn lui ra, nhưng cũng chưa đi vội. Có lẽ cũng chỉ vì hăn nhọc, mà trời thì nóng; hăn không biết có một hàng cơm nào gần đây cả. Hăn nhăn nhó, đứng tần ngần một lát. Đi đâu mà ăn bây giờ? Mấy dòng chữ trên cái biển của anh thầy bói lại lần lượt hiện trong óc hăn. Hăn tắc lưỡi, và tự bảo: "Mẹ nó! Hay là mình hỏi xem có rẻ, xem một quẻ". Tuy thế, hăn vẫn còn do dự. Bởi vì cái sự rẻ chắc là ít có. Tay này đã ở trên Hà Nội, tất phải khá lắm (đối với hăn, cái gì ở Hà Nội cũng là khá cả; không khá, sao nó góp mặt được với dân Hà Nội?). Vậy thì lão thầy bói Hà Nội này chắc phải xem giỏi lắm. Xem giỏi thì lấy đắt. Chắc lão phải lấy từ một đồng trở lên. Hăn làm gì có tiền mà xem?... Bởi nghĩ thế nên hăn đã chực vào rồi lại không vào nữa. Nhưng hăn cũng không đi dứt. Bởi từ lúc nghĩ rằng: hăn không đủ tiền để mà xem, tự nhiên hăn muốn xem bói quá. Giá độ năm hào mà cũng xem được thì thích thật. Hăn quyết nhin đôi để xem một quẻ. Để xem người ta nói thế nào? Tại sao mà hăn cứ long đong mãi thế? Bao giờ thì đứng số? Liệu đời hăn có còn bao giờ mở mày, mở mặt ra được nữa hay cứ thế này mãi mãi?... Lòng hăn tự nhiên sầm tối lại. Hăn nghĩ đến những nỗi khổ của hăn từ ngày ốm một trận, nghĩ lâu quá, mất việc để bây giờ thất nghiệp... Những đồ đạc bán đi... Những ngày ăn

cháo loãng cầm hơi... Những buổi tối vợ chồng cắn rứt nhau. Những lần vác đơn để khúm núm xin việc hết sở này sang sở khác... Ngay lúc này, hăn cũng vừa xin việc tại một hãng chế tạo đồ dùng nọ. Ông chủ hãng cầm lấy tờ đơn của hăn, xem qua một chút rồi lại trả ngay, lắc đầu, đuổi hăn ra. Hăn rơm rớm nước mắt, năn nỉ như một thằng ăn mày xin một đồng xu: "Bẩm ông, ông rủ lòng thương đến con! Ông thuê hàng trăm người nữa có vào đâu? Ông cho con mỗi tháng bao nhiêu cũng được. Con thất nghiệp quá một năm rồi. Nhà nghèo lắm. Ông không thương con thì con chết đói mất...". Chả biết ông chủ có để ý nghe những lời hăn nói hay không. Ông cúi mặt, trông xuống quyển sổ lớn tướng mở trên bàn. Bỗng ông ngẩng phắt mặt lên, trợn mắt nhìn hăn, và sừng sộ:

- Anh không ra còn đứng làm gì đấy?

- Lạy ông, ông không thương thì con chết đói. Con thất nghiệp...

Hăn toan đọc lại những lời vừa mới nói. Nhưng ông không muốn nghe gì hơn nữa. Ông đẩy hăn ra phía cửa:

- Ra đi! Con khi!... Ai rồi hơi đâu mà bạ thẳng thất nghiệp nào đến cũng nuôi? Đủ người rồi. Ra đi!

Ngay lúc ấy, hăn ghen ngào trong cổ. Nhưng chỉ một lúc sau hăn đã bật cười. Bởi nghĩ cho kỹ thì ông nói phải: ông bỏ ra bao nhiêu tiền lập cái hãng của ông, là có ý kiếm lợi chứ có phải mở một nhà tế bần đâu, mà bắt ông phải chứa tất cả những đồ chết đói? Bây giờ nhớ lại, hăn cũng còn nhếch mép cười một chút. Nhưng cười thì cười, hăn cũng không vì thế mà vui vẻ lại. Có điều ý nghĩ của hăn lại quay về lão thầy bói. Hăn tin chắc rằng: lão thầy bói này hay lắm. Lão sẽ rọi một tia sáng vào cõi tương lai mù mịt của hăn. Lão sẽ bảo cho hăn biết đời hăn mai sau như thế nào?...

"Thì mình cứ vào hỏi xem!..." Như sợ đổi ý, hăn chưa nghĩ hết câu đã

bước vào lập tức. Mặt hăn hơi tái đi một chút. Tim hăn đập.

Có hai người trong đó, đều năm cả. Ý chừng họ nghỉ trưa. Một người mặc áo thâm chùng, để nguyên cả cái khăn xếp tàng tàng ở trên đầu và đôi kính đen trên mắt: ông thầy đấy hăn. Người kia mặc quần áo cánh trắng. Giữa lúc vải khan, xà phòng đắt mà lạnh lặn, sạch sẽ được như y kể cũng là sự khó. Bởi vậy mà hăn không đoán được y là gì đối với ông thầy bói: học trò hay đầy tớ? Giá ông là thầy Tầu thì còn dễ hiểu; hăn sẽ bảo: y là thông ngôn. Ông thầy nằm theo bề dọc bộ ghế ngựa quang đầu. Bên trên ông là một cái bàn thờ làm như một cái đôn đóng vào tường. Một cái màn hoa che kín mít đi, nên hăn chẳng biết trên ấy có những chi chi cả. Bên ngoài ông, nghĩa là giữa sập, là một cái tráp với một cái đĩa để trên, một ống hương, và một cuộn hương vòng đang cháy dở, chấm than ngủ ròm bốc một dây khói thiu thiu. Anh chàng áo cánh trắng nằm theo chiều ngang bộ ngựa, châu đầu vào với ông thầy bói, làm thành một cái hình thước thợ. Y lim dim ngủ. Nghe tiếng chào của hăn, y nhòm phắt dậy như một con lật đật. Ông thầy chậm chạp và bình tĩnh hơn. Hăn lại gần anh chàng áo trắng và hỏi khẽ:

- Thưa ông, ở đây xem bao nhiêu tiền một quẻ?

- A, có ba hạng. Nếu ông xem một quẻ chỉ sự hỏi một việc thôi thì có hai hào rưỡi...

- Có hai hào rưỡi... Hăn mở đôi mắt hơi to hơn một chút. Bởi vì đó chính là một sự ngạc nhiên. Nhưng anh chàng kia vẫn nói tiếp. Y pha vào lời nói rất nhiều chữ nho, hăn không hiểu rõ nên không nhớ kịp. Nhưng hăn cũng hiểu lời mờ rằng: sau cái hạng hai hào rưỡi, còn một hạng năm hào để xem cả một đời người, (hăn biết vậy nhờ hai tiếng chung thân) và một hạng một đồng để hỏi han đến cả việc của anh em, bố mẹ... Ờ! Nếu vậy thì rẻ lắm. Hăn sẽ xem một quẻ vào hạng giữa. Hăn ghé ngòì vào cạnh ghế phía trong, có ý để mình khuất vào cánh cửa, để ở ngoài không trông thấy. Người áo trắng nhắc cái đĩa trên mặt tráp đặt ngay trước mặt hăn:

- Ông đặt quẻ.

Hắn móc túi, bỏ vào đấy năm hào. Y lại nhắc cái đĩa đặt về chỗ cũ cho ông thầy bói, rồi đứng lên, ra ngoài. Lão thầy bói mù rờ rẫm rút một nén hương, nhờ hắn thắp giùm. Lão mở tráp lấy miếng cau và một xếp độ ba, bốn lá giầu không để vào cái đĩa đựng cái giấy năm hào của hắn. Lão đặt nén hương mới thắp nằm ngang ở trên cùng. Rồi sau khi đã hỏi tên, tuổi, làng, tổng, huyện, tỉnh của khách hàng, lão nâng cao cái đĩa lên ngang mặt, và khấn to như một thầy cúng đọc sớ:

- A di đà phật! A di đà phật! A di đà phật!...

Hắn chỉ nghe được ba tiếng, nhắc đi nhắc lại ba lần, trên đầu bài khấn. Rồi đến một tràng chữ nho, trong đó có tên, tuổi và nơi ở của hắn, kể rõ ràng như trong một lá đơn. Lão thầy bói mù tịt, nên trong khi lão khấn, hắn có thể nhìn tròng trọc vào cái mặt da thiết bì và béo như phù của lão. Khấn xong, lão gieo tiền, vừa gieo vừa lầm bầm đọc những lời bí mật gì. Rồi lão ngồi ngẩn mặt ra một lúc như tính toán. Hắn nhìn đăm đăm vào đôi môi lão mập mạp và thâm như một miếng thịt trâu luộc chín. Đôi môi ấy chợt mở ra:

- Ông có nhớ giờ sinh không?

- Thưa cụ không biết rõ; chỉ biết vào buổi chiều khoảng chín, mười giờ gì đó.

- Thế thì giờ Tý.

Lão lại lầm bầm một lát, rồi mới cao giọng bảo:

- Cứ như cái tuổi của ông, nếu sinh vào giờ Tý, phụ mẫu không còn được song toàn, nghĩa là bố mất, mẹ còn, hoặc bố còn, mẹ mất.

- Không phải thế: bố mẹ cháu khuất cả rồi.

- Thế thì không phải ông sinh vào lúc mười giờ. Chắc là mười một giờ, sang giờ Ngọ.

Lão lại lẩm bẩm tính...

- Phải rồi! Giờ Ngọ... Giờ Ngọ thì cha mẹ đều mất sớm. Mà ông tuy không phải là con cả, nhưng lại là cả đấy.

- Thừa cụ, sao lại thế?

- Ấy, ông cứ nghĩ kỹ mà xem.

Hắn nghĩ... và bỗng gật mạnh đầu một cái. Ờ! Thách thật! Lão nói vậy mà đúng đấy, tuy hắn có một người anh, nhưng người anh ấy đi tha phương cầu thực, mấy năm nay chẳng có thư từ, tin tức gì. Chẳng biết phiêu bạt nơi đâu, còn sống hay đã chết. Việc cúng giỗ ở nhà, hắn phải thay anh mà cúng đáng tất cả, thế chẳng phải là tuy không cả mà cả ư...? Lão thầy bói hỏi:

- Có phải thế không ca?

Hắn chịu. Và hắn nói rõ điều ấy cho lão nghe. Lão toét miệng cười:

- Ấy đấy!...

Lão lại nghiêm mặt, tiếp:

- Cái số ông, từ bé đến giờ gian truân đã nhiều đây. Nhưng được cung thiếp tốt. Bà ấy chắc đảm đang. Nhưng phiền nỗi vợ chồng xung khắc, ngồi nói với nhau được ba câu là cãi nhau...

Trời ơi! Đúng quá!... Câu này thì rất đúng!... Hắn gần muốn kêu lên như vậy. Nhưng lão còn nói nữa:

- Nhưng hay giận lại hay lành. Cãi nhau xong chỉ một lúc lại đầu vào đây...

Thì đã hản! Ai mà giận được con mẹ ấy! Nó nói nghe tức thật: thật cứ ngang như cua, nhưng cái nết làm, cách ăn ở với chồng con hàng xóm láng giềng, thì thật không chê trách được. Không có nó hết lòng chạy chữa, hản chết tám đời rồi, đâu còn sống được đến bây giờ? Và tuy nhà túng lắm, một hào cũng khó, nhưng chẳng lần nào hản đi xin việc, nó không đưa cho đồng bạc. Ấy! Sáng ngày cũng thế: nó vừa đưa tiền vừa căn dặn hản dù xin được việc hay không, cũng đi ăn uống gì đi rồi hãy về, kéo đói bụng, cảm một cái là không bỏ... Nói lạy giời lạy đất! Hản được con vợ có thể gọi là khá thật!... Hản thích chí được người ta khen vợ, kể lẽ rất dài dòng với lão thầy như vậy. Hản khen lão thầy bắt sát, và tin ở tài lão lắm. Hản bắt đầu hỏi về hậu vận...

- Ông còn long đong năm nay, sang năm nữa. Đến năm băm một thì mới khá. Công việc tự nhiên mà gặp. Tài lộc dồi dào...

Lão nói rất nhiều. Đại khái tốt nhiều, xấu ít, và lão quả quyết đến năm bốn mươi một thì hản giàu bạc vạn...

Chà! Thích quá!... Giàu bạc vạn! Hản ra về hể hả. Bụng hản không đói nữa. Người hản không mệt nữa, ảo tưởng lóa mắt hản. Hy vọng nâng chân hản. Mặt hản sáng ngời, hí hửng. Hản lẳng cẳng, mỉm cười một mình, mắt long lanh nhìn tương lai rực rỡ, như một thí sinh vừa mới thấy tên mình trúng bảng. Hản đi thoăn thoắt... Bỗng hản giật nảy mình, há hốc mồm ra, rồi tối tăm mặt mũi. Hản thấy như mình vừa lặn từ trên một đỉnh núi xuống tung lên, vật xuống, lắc bên nọ, bên kia nhanh chóng quá, đến nỗi sự đau đớn không kịp hiện ở một chỗ nào rõ rệt. Chỉ biết mình sợ quá. Rồi hản rơi thụt xuống một cái hố sâu đen ngịt. Trên miệng hố, những tiếng xôn xao nhốn nháo. Hản văng vẳng như lúc nằm ngủ, bị bóng đè. Rồi hản lịm đi, chẳng còn biết gì nữa.

Ấy là một tai nạn xe hơi khủng khiếp. Nạn nhân gần tắt thở. Máu ra nhiều quá, khó còn phương cứu chữa. Nhưng người ta cũng mãi một đưa xác hẳn vào nhà thương.

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 479 (18-9-1943)

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Nhật Ký Ở Rừng

19-10-1947. - Thịnh thoảng cơ giới của địch chạy rầm rập ở ngoài đường lớn cách chỗ chúng tôi chỉ độ ba cây số. Dân chúng đã làm vườn không nhà trống, đi ở lán bí mật cả rồi. Không còn một tiếng gà, một bóng người. Suối vẫn chảy ào ào, tiếng vọng rõ hơn. Những tiếng ken két của cái cối nước vẫn điểm vào đây, hôm nay không còn nữa. Vẳng vè tiếng rất quen thuộc của những cái nhạc gõ lũng lảng ở cổ những con trâu thả rông, kêu lốc cốc. Mình tiếng suối ào ào nhất thống khoảng vắng lặng mênh mông quá.

Công việc cất giấu của chúng tôi đã tạm xong. Luôn ba ngày khuân vác, mỗi rừ người. Đêm qua ngủ rừng, sáng dậy, mặt, cổ và tay chân be bét máu vì vắt cắn. Chưa buồn rửa ráy, chúng tôi mở một cuộc họp bất thường, bên cạnh một cái kho bí mật vừa làm xong. Chỉ không đầy mười lăm phút, mọi việc đã được giải quyết gãy gọn. Bộ phận quan trọng nhất của cơ quan sẽ dời ngay đến một địa điểm xa, dự bị từ lâu. Một bộ phận nhỏ sẽ ở lại đây, tiếp tục hoạt động

theo một chương trình mới: Tư, Khang và tôi thuộc vào số những người ở lại.

Ngay sau cuộc họp, chúng tôi sửa soạn ba lô lên Mán. Mán còn là một thế giới hoàn toàn bí mật. Ngay người Thổ cũng rất ít khi lên. Làng Thổ ở ngay dưới chân ngọn núi có làng Mán ở trên. Thế mà có những ông già Thổ ngoài sáu mươi chưa lên Mán một lần nào. Hỏi đến người Mán, trừ đồng chí chủ nhiệm Việt Minh xã là người đã bỏ được hết những thành kiến sai lầm xưa nay vẫn chia rẽ hai giống người sống sát cạnh nhau và đã lên khai hội với các

đồng chí Mán nhiều lần, còn hầu hết những người Thổ chúng tôi quen đều lộ vẻ vừa kinh sợ vừa khinh bỉ: Úi già! Ké không được biết Mán đâu! Không dám lên đâu! Mán nó ở nhà đất đấy, không ở nhà sàn như người Thổ đâu! Có con rắn bò vào nhà đấy! Mán không biết nói tiếng Kinh đâu! Mán có nhiều rận lắm! Mán nó bí mật lắm, không muốn cho ai lại gần đâu. Lại gần nó giết đấy!...

Cần phải nói ngay rằng: tiếng "nó" người Thổ dùng, không có ý gì khinh bỉ cả. Nói đến người trên, họ cũng dùng tiếng "nó". Nhưng về mặt và giọng nói của họ, khi họ nói đến người Mán, tỏ rõ ý nghĩ sợ và khinh bỉ.

Nhưng Tư, người giữ cái nhiệm vụ đi tìm chỗ đặt cơ quan cho bọn chúng tôi, đã lên tận Mán. Anh chỉ cho chúng tôi một cái sườn núi dốc gần như dựng đứng. Không có đường đi. Cả đến lối mòn cũng gần như không có. Rất ít người qua lại đấy. Chúng tôi sẽ phải cố tìm ra những vết trên lá rơi, cỏ rậm mà đi. Không có một cái mặt bằng bằng con dao nào để mà ngồi. Chỗ nào cũng là dốc cả. Luôn sáu cây số, người ta đi, đường đi lù lù ngay trước mũi. Tất cả cái đáng sợ chỉ thu vào có thế. Người Mán chẳng có gì đáng sợ. Họ khác người Thổ, người Kinh ở chỗ khỏe và tìm ra lối đi trong rừng rất giỏi, giỏi đến mức mắt họ có thể nhìn thấy đường qua lại của một con chuột trên bãi cỏ. Họ mặc rách hơn người Thổ, người Kinh. Họ ăn ở khổ hơn. Họ thích ở thật cao, thật xa lánh mọi người. Có thể thôi. Họ chẳng giết ai và cũng chẳng có gì là quái gở.

Vì mới lần đầu, nên những cẳng chân Hà Nội của chúng tôi đi chậm và khó nhọc lắm. Tháng Mười ở miền núi tiết trời khá lạnh. Chúng tôi để nguyên áo rét, ra đi. Qua một cái suối phải lội, anh nào cũng rùng mình. Nhưng mới trên một quãng dốc xoàng xoàng, chúng tôi đã phải theo nhau hạ ba lô, cởi áo rét ra. Anh nào cũng mặt đỏ gay, mồ hôi vã đầm đìa. Nóng quá! Và khát! Anh đi đằng sau chỉ trông thấy gót chân anh đằng trước, nhưng nghe rất rõ tiếng anh đằng trước hồng hộc thở. Có anh nghiêng chặt răng để

bước. Mỗi bước là một động tác thể thao hạng nặng. Cứ độ vài trăm bước chúng tôi lại dừng lại, chân trước cong, chân sau thẳng, nhìn nhau thở phì phì và cười với nhau. Tôi cứ vừa đi vừa nắn bóp thịt đùi và có cảm giác như nó to ra, rắn lại, sờ thấy được.

Càng đi càng vào sâu trong rừng rậm. Đường càng rắc rối quanh co. Hết cây lại đến cây. Chẳng chỗ nào ra vẻ lối đi, nhưng nếu nhìn kỹ để tìm thì chỗ nào cũng có thể có ba, bốn lối đi. Thế mới rầy! Vòng quanh vòng quẩn nhiều quá đến nỗi phương hướng cũng không biết lối nào mà nhận nữa. Nhìn lên thì những cành với lá. Cành lá chồng lên nhau, che kín cả trời. Ánh sáng âm u, không còn biết trưa hay đã chiều. Chỉ thấy mỗi lúc một tối hơn. Rừng rậm thêm hay mặt trời đã nhạt? Không một túp lều, một người đi để hỏi đường. Tư qua lại bốn lần rồi mà vẫn lạc. Chúng tôi phải trở đi trở lại hai, ba lượt. Chân đã mỏi nhừ, cổ đã khô cháy thì may quá, đến một chỗ rẽ kia, chúng tôi đột nhiên gặp một người. Tư reo lên:

- A! Nhìn Pin!

Tư giảng cho chúng tôi biết nhìn là chị. Anh chàng phải giao thiệp với đồng bào địa phương luôn, đã học được ít nhiều tiếng Thổ. Để nói chuyện với người Thổ thì chẳng đủ đâu. Anh thích dùng tiếng Kinh, tiếng phổ thông để họ khỏi cười. Trừ những bà già, còn hầu hết người Thổ đều nói thạo tiếng Kinh. Nhưng người Mán năm chắc căng keo. Tiếng Thổ họ cũng chỉ biết tạm đủ dùng thôi. Vì thế, tiếng Thổ của anh Tư rất có ích ở đây. Anh cũng thích nói tiếng Thổ với người Mán lắm.

Chị Pin là một thiếu nữ vào hạng "chân tròn như cột". Người vạm vỡ, mặt tròn vành vạnh, trán nhẵn thín dưới cái khăn xếp màu đỏ thêu chỉ trắng che cái đầu cạo trọc. Mình cũng mặc áo dài quần Chàm như phụ nữ Thổ, nhưng cũ kỹ và rách rưới hơn. Cổ, cổ tay đeo vòng bạc, vòng đồng. Chị em miền núi ưa những đồ trang sức lắm.

Cái chúng mình không quen, chính là cái khăn to vành bọc vải thêu. Nó gợi trong tôi một cảm giác sờ sờ mơ hồ, cảm giác khi ta gần những cái man rợ và bí mật. Gần giống như ngày còn bé, tôi gần những bà đồng áo khăn sặc sỡ.

Nhưng chị Phin chẳng man rợ và bí mật một tí nào. Đứng trước mặt Tư, mặt chị đỏ bừng lên. Miệng chị, đôi mắt chị cười. Khi cười cũng đưa ngang cái tay che miệng như những cô gái e lệ dưới xuôi. Và khi Tư đùa hỏi Kỷ lai pi? (Bao nhiêu tuổi?), chị cũng thẹn thò trả lời: Năm chắc (Không biết).

Nhìn Pin ở rẫy về. Chị công một cái giỏ đầy thóc còn cả bông ở trên lưng. Tay chị cầm một quả dưa to. Tư hỏi:

- Mắc ca lăng? (Quả gì?)
- Mắc qua. (Quả dưa.)
- Kin đầy bố? (Ăn được không?)
- Kin đầy. (Ăn được.)

Chị đưa tay về đằng sau lưng, rút con dao, bổ quả dưa, đưa cho Tư.

- Kỷ lai chèn? (Bao nhiêu tiền?)
- Năm âu chèn. (Không lấy tiền.)

Tư chỉ lấy một nửa thôi. Chị bảo Tư đưa nốt nửa kia cho bọn tôi ăn. Đang khát, trông thấy dưa, thích mê người. Nhưng quái lạ! Mình vẫn thấy ngại ngại, như sợ bẩn. Tại sao mà bẩn? Quả dưa vừa mới lấy ở ruộng về. Cái bàn tay to lớn và múp míp của người cho bẩn thiù chẳng? Mới đến gianh sơn Mán, mình vẫn còn nhìn mọi cái với con mắt của người Hà Nội. Nhưng Tư đã cắn vào miếng dưa rồi. Chúng tôi cũng mỗi người một miếng, ngoạm ăn.

Giống dưa to như dưa hấu, nhưng thịt và ruột lại giống dưa gang. Chất dai hơn. Và sau khi chúng tôi đã đỡ khát rồi, chúng tôi thấy vị nó hơi chua, chứ không được ngọt.

Sẩm tối, chúng tôi bước vào nhà một ông già. Cái nhà bằng gỗ còn cả vỏ và bương, tre, đứng đơn độc có một mình, ấy thế mà nó là cả một làng, có tên riêng của nó hẳn hoi. Chuồng lợn, chuồng gà ở ngay trong nhà, lẫn với người. Nhưng không có lợn gà. Chỉ có phân với bọ hung. Chủ nhà bảo Tư: gà, lợn đậpây cơ. Nghĩa là đi lán cả rồi. Tư cắtnghĩa thêm:

- Cơ, tức là cơ quan. Tiếng này chắc có ngay từ thời kỳ bí mật trước đây. Người Mán đã phải làm vườn không nhà trống, ở lẫn lút ngay từ thời kỳ ấy kia rồi. Vì vậy, nhà nào cũng có "cơ quan" bí mật để giấu thóc lúa, lợn gà. Lán bí mật riêng của nhà họ, họ cũng gọi là cơ quan.

Anh Đức bảo Tư hỏi xem cơ của ông ké có xa không. Ông ké bảo:Quây lại (Xa lắm). Thế là khổ chúng tôi! Vẫn tưởng đến nơi có thể mua được một con gà làm thịt, thối cơm ăn. Nhưng gà lại đi cơ mất cả rồi. đành lại cơm với muối.

Cơm xong, cả bọn lẫn quay ra đất, chung quanh bếp lửa. Ông già nhường cái giường độc nhất của nhà ông cho chúng tôi, nhưng chúng tôi không chịu nhận. Ông già bèn lẳng lặng đi lấy củi chất thêm vào bếp, lại đốt thêm một đồng lửa nữa ở phía ngoài. Ấm cúng chán rồi. Hơi khói át hết cả những mùi xú uế đi. Vì vậy, tuy rải cái áo đi mưa nằm ngay dưới đất, đắp sơ sài bằng chiếc áo vét-tông, đầu ghé ngay gần cái chuồng gà, tôi vẫn ngủ ngon lành lắm. Luôn mấy đêm lạnh và chập chờn rồi. Lại đến cả ngày lên dốc, ba lô, bị gạo nặng ê vai. Nằm một lúc, ngủ ngay. Nửa đêm, tỉnh dậy vẫn thấy lửa cháy đều. Bên đồng lửa, một thiếu phụ ngồi. Người đàn bà còn xuân mà lúc mới đến chúng tôi đoán là vợ kẻ ông già. Nhà chỉ có hai người, một đàn ông, một đàn bà, thì tất nhiên là vợ với chồng. Nhưng hai tuổi chênh lệch nhau một cách đáng bấn khoăn. Chúng tôi đã trao đổi với nhau đôi ý chế nhạo. Lúc đi

ngủ, tôi thấy ông già vào buồng, còn người thiếu phụ nằm còng queo một mình ở trên giường. Lửa xa mà chần chiếu cũng không. Bây giờ người đàn bà lại ngồi đây. Ánh lửa hồng hắt lên khuôn mặt trái xoan điểm một cái miệng nhỏ rất thanh và đôi mắt lá răm hơi xếch. Người ta nghĩ đến những nàng công chúa Đông phương, đẹp lạng lẽ và bí mật. Đêm khuya vắng lặng, giữa những người mệt ngủ ngáy khò khò người đàn bà thức một mình, ngồi coi đồng lửa. Lạnh quá không ngủ được hay là ý muốn săn sóc đến giấc ngủ ấm áp của những người khách lạ? Lửa chập chờn. Ánh lửa đỏ vờn nhau với những miếng tối lung linh. Tôi thấy buồn, nhớ nhớ, chẳng hiểu nhớ ai và buồn vì sao.

20-10-1947. - Sáng sớm thức dậy đã thấy ông ké ra máng nước đầu nhà, lấy nước vào đun cho chúng tôi rửa mặt. Ông già cao lớn, lúc nào cũng lom khom như sợ đụng mái nhà, cử chỉ chậm chạp, mặt chất phác, phúc hậu, lúc nào cũng cười và lầm rầm những lời ấp úng chúng tôi không hiểu nổi vì ông chỉ biết dăm ba tiếng Thổ. Ông trông đẹp và đáng yêu đến nỗi anh chàng Khang họa sĩ tấm tắc khen và chỉ muốn thế nào vẽ được một bức chân dung của ông. Nhưng chưa hiểu họ có kiêng kỵ gì không, nên anh chàng không dám nhờ ông ngồi để cho anh vẽ. Vả lại cũng chẳng biết nói thế nào cho ông hiểu. Anh chàng đành để đến khi nào đôi bên quen thuộc nhau hơn đã.

Tôi ra ngoài để quan sát quanh nhà. Cỏ ngập đầu. Chỉ ba bước đã vào rừng. Từ một chỗ súng nổ loạn xạ, người chạy nháo nhác và hoảng hốt, đến đây tôi thấy an toàn, chắc chắn lạ lùng, mặc dầu vẫn nghe thấy tiếng súng rất gần. Giặc có bao giờ còn lập lại nổi chính quyền, nắm hết dân chúng trong tay? Chỉ khi ấy, chúng mới dám sục sạo tận nơi này. Đặt cơ quan ở đây, chúng tôi có thể yên lòng làm việc lâu dài được.

Tôi bỗng giật mình, vì đột nhiên thấy bóng người. Tôi không đợi gặp một người nào ở chỗ hoang vắng này. Một cái đầu nhấp nhô trên cỏ. Mặt to, da vàng sạm, hai mắt xếch, khăn xanh quấn rối. Trông như một cái đầu tướng

Tàu nặn bằng bột, một anh Khách vẫn bán cho trẻ con chơi, hồi tôi còn nhỏ. Một cái mặt trông vừa buồn cười, vừa dữ dội, không ra già, không ra trẻ, không biết cho vào hạng tuổi nào cho đúng. Nhưng cái búi tóc bé ngún ngấn cho tôi cái cảm giác anh chàng vừa mới lớn.

Đôi mắt xếch thao láo nhìn tôi. Một tiếng to tát và vồn vã:

- Chào đồng chí!

- Chào đồng chí!

Tôi đáp lại. Cái đầu bập bênh trôi trên sóng cỏ, đến gần tôi. Một người to nhưng thấp hiện ra, gò cùi dưới một cái giỏ gì nặng lắm. Cái áo chàm ngắn cũn cỡn để hở một cái bụng lồi ra và cái quần, không thể bám vào cái bụng lồi, trật cạp xuống gần đến háng. Học được mấy tiếng Thổ tối hôm qua, tôi hỏi:

- Calăng à, đồng chí? (Gì đấy, đồng chí?)

- Mặc qua.

Dưa! Dưa cũng tốt rồi. Cắt nhỏ ra, chấm muối mà ăn cơm tốt hơn chỉ có muối không. Tôi bảo anh đem vào để chúng tôi mua. Anh vào, đặt cái giỏ nặng xuống, rút hai tay ra khỏi cái dây đeo, thở dài thật to thành một tiếng rên. Anh ra máng rửa chân. Anh lại gần lửa để hơ. Bỗng anh kêu lên một tiếng:

- Ú già!

Anh tặc lưỡi. Chúng tôi hỏi:

- Cái gì?

- Con vắt! Con vắt cắn.

Anh gỡ nó cho vào bếp. Đức reo lên:

- A! Đồng chí biết tiếng Kinh!

- Không biết nói đâu! Biết ít thôi.

Chúng tôi xúm lại giỏ của anh. Hàng chục quả dưa. Lại có cả rau bí nữa. Chúng tôi hỏi:

- Đồng chí lấy bao nhiêu?

- Không có tiền đâu. Cho các đồng chí ăn thôi.

Đức cố nhét hai cái giấy mười đồng thật mới vào tận tay anh. Anh ngần ngừ mãi mới chịu cầm một cái.

Ông già thông thả đeo con dao vào thắt lưng, khoác khẩu súng kíp, cười cười, lấp bắp nói những tiếng lẩm rầm, ý chừng là từ biệt chúng tôi. Ông đi rừng. Trông ông đeo dao, khoác súng vào, càng đẹp. Nhưng ra ngoài vẫn lom khom, cái đầu hơi hơi lao về đằng trước. Không phải vì già. Đó chỉ là dáng đi của một người quen cái đời chui lách trong rừng rậm. Ông đi lừ lừ như một con thú dữ. Tôi chợt nhận ra rằng người đàn bà cũng đã biến đi mất từ lúc nào. Trở lại trong nhà còn bọn chúng tôi với anh chàng bán dưa. Tự anh đi tìm mẹt, xếp dưa, xếp rau ra cho chúng tôi. Anh xông xáo vào cả trong buồng. Anh thu xếp cửa nhà. Anh quét. Anh thở dài thành tiếng rên (cứ độ 15 phút anh lại thở dài thật to như vậy, chẳng ra sao cả!):

- Nhà bẩn quá! Không có giường nằm. Các đồng chí ở dưới xuôi sướng, lên đây khổ quá.

Anh làm như anh là người nhà vậy. Nói chuyện với anh một lúc, chúng tôi mới biết anh là người nhà thật. Anh là con rể ông cụ. Người đàn bà trẻ tuổi là

con gái ông cụ và là vợ anh ta. Ông cụ góa vợ đã lâu. Người ta gọi ông là ké Nhàn - ông già Nhàn, còn anh, tên nghe như tên trong tiểu thuyết Tàu: Triệu Vân Hương. Và thật không ngờ, anh đã bốn mươi hai tuổi.

Tối hôm ấy, cả nhà ông ké Nhàn ngủ lán. Tối hôm sau cũng vậy. Ban ngày, có người nào về cũng chỉ một chốc một lát thôi, về để lấy một vật gì, hay lấy củi hộ chúng tôi. Chúng tôi hoàn toàn làm chủ cái nhà. Chúng tôi e mình có làm phiền đến đời sống của họ chẳng. Nhưng Tư bảo:

- Họ ưà như vậy. Và lại ở, đối với họ có thành vấn đề đâu. Họ ngủ đâu cũng được.

21-10-1947. - Tư vẫn chưa cho chỗ ông ké Nhàn là kín! Anh dùng làm một chỗ tạm đó thôi. Hôm nay anh sẽ đưa Khang và tôi đi xem một chỗ khác để hỏi ý kiến chúng tôi. Cơm nước vừa xong, thì một người Mán đeo súng đến. Anh chàng trạc độ ngoài ba mươi. Búi tóc, quần khăn. Mặt sáng sủa, người nhả như một anh đồ trẻ vào thời Nguyễn Trãi. Nhưng áo cũng ngắn cũn cũn và quần mòn mất gấu, luột thuột, lưng chụng những cái bắp chân chắc nịch nhưng bần và có những vết lở to rỉ mủ. Tư gọi anh ta là đồng chí Quân. Đồng chí Quân sẽ thay mặt cho đồng chí Chấn trưởng thôn đi vắng, để dẫn chúng tôi đi tìm địa điểm.

Sau ngót một giờ lội suối chui rừng, vất bám gỡ ra không kịp, qua hết rừng cây lớn, rừng lau, rừng chuối rồi lại rừng cây lớn, men, lách, leo, trèo bỏ hơi tai, chúng tôi đến Vàng Khẹt. Lại một làng! Ba nóc nhà như ba cái chuồng chim đeo lưng lửng ở ngọn núi. Được cái quang đăng và nhìn ra một phong cảnh sáng sủa và tuyệt đẹp. Núi lại núi. Núi kế tiếp nhau, cuốn những đợt sóng mềm mại vờn trời. Chỉ có trời với núi. Tôi có cảm tưởng như trên trái đất chúng ta ở, ngoài núi ra, không còn gì nữa. Anh chàng Khang yêu màu sắc và ánh sáng chắc phải thỏa lòng. Những quả núi gần khoe những mảnh áo rất xinh. Từng miếng vàng tươi của ruộng. Những miếng khác màu vàng rơm. Và màu xanh. Đủ các thứ xanh.

Những buổi sáng, ửng hồng rìa núi. Mây trắng ngập các thung lũng. Một cảnh bẽ, trong đó nhô lên những cù lao.

Những buổi chiều, ánh sáng chiếu rọi đúng như đèn pha rọi những phong cảnh rạp hát. Phong cảnh đối từng khắc một, đúng như trên sân khấu. Khang ghi chép cẩn thận, nói là để sẽ dùng vào việc bài trí sân khấu khi về Hà Nội.

Đêm trăng. Một cây trụi lá, đen, rướn lên trời xanh phớt. Một nét đẹp đơn sơ. Núi đằng sau. Và trăng nằm giữa mây, mềm xốp như đệm gối.

Nhưng nhà thì bẩn ghê gớm quá. Chuồng lợn ở ngoài hè. Gà lợn đi lại, ăn nằm và phóng uế rất tự do, trong nhà ngập đất và rác rưởi. Cả bếp ở giữa một gian, thẳng hàng với chạn bát nhôm nhớp như phủ một lượt bùn ở đầu trong và cái lò nấu ruốc mu (thức ăn của lợn) ở đầu ngoài. Cối giã gạo cũng ở trong nhà. Mồ hóng khắp nơi. Ba cái buồng nhỏ vừa một cái giường, có lẽ chưa bao giờ quét. Mạng nhện đầy tro, bụi, mồ hóng bám, chằng chịt trên mái trên các tấm phen làm vách. Đất lăm lăm, rác rưởi ngập gầm giường và cả trên những cái giường không chiếu.

Cả làng đã đi gặt vắng. Chỉ còn một ông già, một người đàn bà bận con thơ, và một thằng bé mười một tuổi, mũi quệt đất vẽ hề trên mặt. Thấy có người lạ đến, tất cả trốn vào rừng. Chúng tôi thấy nhà không. Nhưng một lát sau, nghe tiếng đồng chí Quân, người đàn bà ẵm con về tiếp chúng tôi. Thằng bé con cũng chạy về hếch mặt nhìn vào mặt chúng tôi một cách rất tò mò, khẽ chạm ngón tay vào tay áo tôi rồi vội rút lại như ta sờ một con vật lạ để xem nó động tĩnh ra sao, rồi lè lưỡi ra một cái, cười nhả nhó cả mặt nhưng không thành tiếng. Mấy hôm sau tôi mới biết cái điệu lè lưỡi, chỉ trỏ và cười câm ấy cũng thịnh hành ở nó chẳng kém gì tiếng thở dài ở đồng chí Vân Hương. Cho đến tận lúc đi, tôi không nghe thấy nó nói lần nào. Không hiểu có phải nó câm không.

Người đàn bà không biết tiếng Thổ. Đồng chí Quân đưa chúng tôi đến cái nhà ở trên cùng; gặp ông già đã lò rò ở bụi rậm chui ra. Quân gọi ông là ké Xếch. Nói gì ông cũng chỉ cười. Quân bảo, mới biết ông ta điếc. Chẳng chuyện trò gì được với ông. Đồng chí Quân cứ tự tiện dẫn chúng tôi đi xem cả ba nhà và bảo chúng tôi tùy ý muốn ở nhà nào cũng được. Chúng tôi chọn cái nhà đầu tức là cái nhà ngoài phòng chính hình thước thợ, còn có ba phòng nhỏ tả ở đoạn trên. Nó rộng rãi nhất và sạch nhất.

Ngay từ sáng hôm sau, chúng tôi bắt đầu chuyển vận gạo muối, đồ dùng từ nhà ông ké Nhân sang. Vẫn không thấy chủ nhà nhưng nhà đã được dọn sạch sẽ hơn. Chúng tôi chỉ cần quét dọn thêm một lượt nữa là ở cũng tạm được rồi.

Chủ nhà tên gọi là Kim. Anh ta đi rừng, đi ruộng suốt ngày. Vợ anh ta ngủ ở cơ. Từ hôm chúng tôi đến, anh ta cũng ngủ ở cơ. Thỉnh thoảng mới về nhà một hôm, vác theo một đoạn cây chuối thật to. Anh ta kê đoạn chuối nghiêng nghiêng, cười lên trên, mồm ngậm một cái tẩu thuốc lá bằng đồng cán làm bằng một đoạn cành tre, cả hai tay cầm một con dao dài và mỏng xoèn xoẹt thái cây chuối rất nhanh, rất nhẹ. Thái xong, anh hót tất cả, cho vào cái chảo to đặt trên lò, đổ nước vào ninh. Anh ninh suốt một ngày cho cây chuối như tằm. Thế là thành ruốc mu, nấu một ngày đủ cho lợn ăn năm ngày. Lúc cho ăn, chỉ cần vẩy nước, rắc thêm vài nắm cám như rắc hạt tiêu. Thức ăn chỉ có vậy, nên phân người là mỹ vị đối với tu mu (con lợn). Mỗi buổi sáng ra ngồi ở gốc cây, phải cầm một cái roi để xua chúng nó đi. Lợn lớn, lợn con chực ở chung quanh, hằm hè nhau, liều chết xông vào, xộc ăn toảng toắc. Chúng nó tranh nhau, cắn nhau như chó vậy. Lại còn trâu! Một khám phá đối với chúng tôi: cứ thấy người ta đứng vén quần là các chú tu vài nghênh ngang hai cái sừng đến, hếch mồm lên nhìn và đọi. Dòng nước tiểu tia ra, các chú tranh nhau há mồm, lè lưỡi, đón lấy uống, thở phì phì. Nước tiểu vào cả mũi. Xong rồi, còn chúi mồm, liếm những giọt vương trên đất. Mới đầu, tôi tưởng trên núi xa nước nên chúng nó khát. Nhưng trước cửa nhà, có những vũng nước

đầm đĩa mà trâu không uống. Có lẽ trâu thèm chất muối.

Muối trên này quý lắm. Chúng tôi cho mỗi nhà một bát. Họ rất mừng. Thế mà muối chúng tôi để ở nhà họ có hàng bồ, họ không động đến bao giờ. Có lần chúng tôi đi vắng mấy ngày luôn. Lúc về thấy thằng Hùng - Lý Kỳ Hùng - con ông ké Xếch, mách với chúng tôi: vợ anh Kim, người đàn bà có đôi mắt to và môi nở như đầm thình thoảng chúng tôi mới thấy về nhà, hết muối ăn, định lấy muối của chúng tôi. Kể chị ta có lấy cũng chẳng sao, vì chúng tôi đã dặn anh ta khi cần thì cứ lấy mà ăn. Nhưng người chồng bảo vợ: “Việt Nam độc lập, không ăn trộm của nhau”. Và vợ chồng nhà anh ăn cơm nhạt.

Anh ở nhà bên cạnh, tên cũng là Kim. Kim này đã đi giao thông hồi bí mật. Chiều chiều, tôi nghe thấy anh hát Tiến Quân Ca. Gần đúng giọng, nhưng mất chữ luôn. Anh là bố thằng bé hay lè lưỡi và là anh ruột nhìn Pin, cô con gái cho chúng tôi đưa hôm nọ.

Nhìn Pin vẫn hay đỏ mặt. Chị hay nói chuyện với Tư. Một lần chị cho Tư mấy bắp ngô. Tư không lấy, bởi vì thấy mọi lần hỏi mua, chị không chịu lấy tiền. Chị hỏi Tư:

- Ngô già, có phải không?

Tư không để ý lắm đến câu nói ấy. Nhưng chiều hôm ấy, khi chúng tôi quây quần chung quanh bếp với ông ké Xếch và hai đồng chí Kim, cùng nướng ngô ăn, Tư kêu ngô già thì ông ké Xếch cười mà bảo:

- Ngô không già, người già.

Hai anh Kim cùng cười to. Tư bỗng sinh ngờ. Một lối nói tình tứ chẳng?

Nếu Tư đi là tôi với Khang khó chịu ngay. Bởi vì ở Vàng Kheo (Vàng Khệt?), người ta không biết tiếng Kinh. Tiếng Tày cũng biết ít thôi. Chúng tôi cũng chẳng biết được bao nhiêu (tiếng Mán). Họ nói hơi dài, ngoài mấy tiếng

thường dùng, là mình ngán mặt ra. Mình nói, họ cũng lắc đầu: Năm chắc. (Không biết.) Nhưng hỏi đến cụ Hồ thì ai cũng chắc. Chắc cả đồng chí Văn (tức là Đại tướng Võ nguyên Giáp), đồng chí Thạch.

Vì không nói cho họ hiểu được, mới đầu Khang với tôi cứ cơm muối tràn. Hỏi mua gì họ cũng năm mi (không có), về sau học được lối của Tư: muốn gì, cứ bảo họ pày đông (đi rừng) hay pày cơ du hủ khỏi (đi cơ lấy cho tôi). Quả nhiên, có rau ăn. Họ bán rất rẻ, ít thì cho không, không chịu lấy tiền. Rau cải luộc chấm muối, ăn mãi cũng chán mồm. Tôi phát minh ra lối nấu canh rau cải với muối và nước lã, cho thêm một ít gừng. Cũng tốt. Gà cu, thịt dai như thịt trâu, cũng không mua được. Ở đây, nuôi gà đến lúc nó hết sức lớn rồi cũng không chịu bán đi, nuôi gà nhỏ cho có lãi. Nhưng cụ gà già, phú quý ra thì con cháu tể thượng thọ cũng đáng rồi, vẫn được sống như thường. Họ nuôi, như để làm cảnh vậy.

Cũng may mà mật ong thì được ăn luôn. Có lần mua được của một người đi giao thông cả một cái tổ ong, anh ta gắp ở rừng, dùm lá đem về. Cầm cả cái khoai mà ăn, thú vô cùng. Có khi cơm ăn trộn mật ong. Thuốc lá Mán tằm mật ong, hút thì ngon tuyệt. Chẳng bao lâu, Khang và tôi đã nổi tiếng khắp mấy làng Mán là những thằng “đốt thuốc lá” chứ không phải là hút nữa.

Một cái thú nữa ở Vàng Kheo là đi tắm. Quãng suối chảy xiết. Đá sỏi trắng và vàng óng ánh dưới lòng. Những hòn đá tròn trĩnh nhẵn nhụi vừa ngồi. Có một chỗ, những tảng đá kết chung quanh thành một cái bồn ngồi lọt cả người. Một thác nước trắng xóa đổ trên đầu. Nước rất trong. Mặc dầu trời lạnh, ngày nào tôi cũng đến chỗ ấy tập thể thao, rồi nhoai người xoay xoay dưới thác nước cho nước chảy từ cổ đến chân. Khoái lắm!

Nhưng từ nhà đến suối, phải qua một cái dốc chừng vài trăm thước. Mỗi ngày trèo mấy lượt có mệt thật, nhưng lấy làm thích vì đó cũng là một cách vận động để cho đùi to ra. Càng thấy phải khuôn vác, phải vất vả, càng vui. Cách mạng đã đổi hẳn óc mình. Kháng chiến chẳng những làm già dặn thêm

khối óc đã đổi mới kia, còn thay đổi ngay chính thân thể mình, một ngày kia khi trở về!...

1-11-1947. - Trong khi đợi anh em công nhân thu xếp cơ quan in, Khang và tôi in đá. Nhưng mới làm việc được độ một tuần thì Tư lại lên, bàn nên thiên lại chỗ nhà đồng chí Chấn, liên lạc với ở dưới hơn.

Lại chuyển vận gạo, muối, vải, đá luôn hai ngày. Mình khuôn vác đã khá khỏe rồi. Đi núi, cũng nhanh hơn, đỡ mệt hơn. Đường đến nhà đồng chí Chấn, bây giờ mình thấy thường rồi. Nhưng đường lên cơ thì thật là cơ cực. Hoàn toàn không có đường đi. Dốc chết người. Nhiều chỗ phải bám lấy cây, đánh đu lên. Thế mà mình vẫn đeo nửa bị dó gạo, cố đi cho bằng được. Đi ba, bốn chuyển liền. Lúc này mình mới biết được sức của mình. Thì ra mình cũng khỏe chẳng kém gì ai. Thường thường, người ta chưa bao giờ dùng đến tất cả sức lực của mình. Một phần khả năng của ta vẫn bỏ phí hoài, đến nỗi ta không biết rằng ta có nó. Tôi thấy rằng sau kháng chiến, nếu tôi thích đi cày, đi cuốc hơn cầm bút, tôi có thể đi cày đi cuốc được. Cực nhọc không đáng sợ.

Anh bạn hỡi! Hôm đi Phú Thọ, mới phải ngồi thuyền chật, anh đã cẩn thận suốt cuộc hành trình. Anh thật làthảm hại.

Thiên ơi! Cha sẽ mạnh dạn ném con vào cuộc đời và cuộc đời sẽ luyện con nhanh chóng hơn cha luyện. Con sẽ không chết. Con sẽ thành cứng rắn.

Tôi nghĩ đến Liên. Vợ tôi từ trước đến nay chưa bao giờ rời khỏi quê hương. Làng tôi, địch chiếm rồi. Liên đã tay bồng tay dắt, bỏ nhà cửa vườn đất, đưa con nhỏ và một bị quần áo ra đi. Tôi đã bỏ liều Liên ở một chỗ, đối với Liên hoàn toàn xa lạ, Liên có oán tôi chẳng? Riêng tôi, mặc dầu có thương Liên, tôi vẫn đinh ninh rằng Liên sẽ chẳng chết đói đâu. Liên sẽ đổi, như tôi đã đổi. Phải bơi mới biết rằng mình bơi khỏe. Và thật ra, ai cũng bơi được cả.

2-11-1947. - Đêm qua, hơi đau mình mẩy. Nửa đêm trăng sáng. Dậy uống nước rồi thao thức mãi không ngủ được. Gần sáng, lạnh.

Sáng dậy, cơm nước xong rồi đi chặt tre chặt cây về điểm lại nhà. Nhà: lán bí mật của đồng chí Chấn, đứng giữa hai lán nữa. Vừa bằng một cái quán bán báo Tết ở Sài Gòn. Cành cây làm cột, buộc sơ sài. Mái lợp bương tươi, trông đẹp. Sân hơi thấp, bằng một cái giường to. Cạnh sân, một khoảng đất trống, chạy từ cửa nọ sang cửa kia, dùng làm bếp. Hai người ở vừa thích.

Lán bên cạnh: ba đứa trẻ con. Một anh Mán. Tội nghiệp! Anh ta sốt rét nặng quá rồi. Bụng báng to phình. Mặt phù. Chân tay phù. Da bủng và mốc meo. Mấy hôm sau, biết tên anh, chúng tôi gọi anh là đồng chí Minh. Anh ốm quá, không đi làm được, nên lên lán ở với mấy đứa con. Sang chơi bên lán chúng tôi, anh ta chỉ ngồi lừ thừ nhìn chúng tôi làm việc, mồm ngậm một cái tẩu giống như cái tẩu của Kim, thong thả hút và thở khói. Hiếm họa anh mới nói. Tiếng anh rạn vỡ.

Làm được một cái giá để giấy, ba lô, sách vở, một cái nữa để bát đĩa, thức ăn, và lát tre chung quanh cái bếp để chân (bước) cho sạch xong thì vừa trưa. Buổi chiều, nghỉ ngơi cho lại sức. Mình định đọc sách. Nhưng viết nhật ký xong thì đã gần hết chiều rồi. Ngày nào cũng ngắn, vì mình muốn làm việc nhiều quá.

Đồng chí Chấn mang một cuộn giấy và một cái chai lên để chúng tôi dùng, cho biết Tư bị sốt. Có lẽ vì hôm qua anh chàng làm gắng quá.

3-11-1947. - Tư chỉ mệt xoàng, không sốt. Anh vẫn đi tìm con đường bí mật đi xuống cơ quan dưới. Cơm chiều xong, tôi đi rửa bát về thì thấy Khang đang đọc mảnh giấy nhỏ Tư gửi bà mẹ Chấn lên. Tối nào, bà cũng đèo thằng con mồ côi của Chấn lên lán ngủ. Cùng với bức thư, bà cụ còn đem cho chúng tôi củi, - tội nghiệp! Củi ở trên này có thiếu gì? - Một mớ rau bí, hai quả bí ngô non, bốn củ sắn và một cái bị của Tư. Trong bị, ngoài mấy đồ

dùng lật vặt để in đá, có một cái chân giò.

Thế có bức mình không? Lúc này, ăn nửa bữa hết vùng, tôi tức mình rang hăn một bát để ăn cả ngày mai. Khang thái thịt ra, kho với nước lã và muối, để ăn dè. Xương, cho vào nồi với một nắm gạo ninh nhừ để sáng mai ăn.

Ông lảng giềng to bụng, sợ đêm chó nhà ông ăn mất thịt của hai đồng chí, sang tận nơi dọn cất vào trong cho cẩn thận. Nhưng Khang đã cẩn thận lắm rồi. Liền thịt để lên cao. Nồi cháo, bắc xuống cạnh đồng than, đã bịt lá lên trên vung và buộc chặt, còn phủ một lượt tre tươi và dè những súc củi nặng chình chịch lên trên. Anh chó chắc phải rất sầu đời! Khang hứa sáng hôm sau sẽ cho nó một bữa xương xúng đáng. Nhưng sáng hôm sau, nó theo bà cụ về nhà. Đền nó quá!

Hôm nay, lạnh ngay từ chập tối. Chúng tôi đốt một đồng lửa to, nhưng về khuya tắt mất. Cái chăn hơi hẹp. Hai thằng nằm co quắp, xương đau mỗi.

Thức giấc, nghe gió thổi ào ào. Trăng xiên qua kẽ mái, qua bức phen thưa, lọt vào nhà. Tôi dậy thổi lửa, mũi hít phải tro. Sờ bếp, lạnh. Đành lại vào màn nằm đắp chăn, nhưng không sao ngủ được. Nghĩ loăng quăng. Vợ con. Bà cụ nhà Chấn. Gia đình anh ta. Người Mán...

Bản khoản rất nhiều đến thằng con đồng chí Chấn. Nó gầy như một con nhái bén, mềm như một lá rau úa, suốt ngày vắt trên lưng bà cụ, trong khi bà cụ đun bếp cũng như lúc đi lấy nước, nhặt củi hay vò lúa.

Mẹ chết sớm. Có lẽ bà nuôi từ thuở mới sinh. Mỗi lần bà mớm cơm cho nó, tôi thấy nó khóc, sặc, ho rũ rượi. Không sữa, lại mang trong máu bao nhiêu vi trùng sốt rét rừng, thằng bé quắt queo và thiếu não. Nó sống được cũng là sự lạ.

Bố nó năm nay hăm tám tuổi. Trông anh già hơn thế. Từ hôm có chiến sự

ở đây, không ngày nào không có người đến nhà anh tạm trú và nhờ dẫn lối. Anh tốt lắm. Một lần dẫn Tư đến một địa điểm kia, ngờ có Tây ở đấy rồi, anh bắt Tư đứng chờ ở ngoài để anh vào một mình thăm dò trước. “Đồng chí vào, tôi không yên lòng”, anh bảo Tư như vậy.

Một lần Tư hỏi anh:

- Sợ Tây không?
- Không sợ.
- Súng kíp bắn Tây chết không?
- Chết chứ.
- Sao đồng chí không đi đánh Tây?
- Người Thổ không lên rủ.

Anh đợi người Thổ lên rủ đi đánh Tây, như rủ đi săn chung một con gấu vậy.

Anh có một em trai, đồng chí Bảo, hăm hai tuổi. Biết nhiều tiếng Kinh hơn tất cả những người khác ở đây. Đọc được chữ quốc ngữ và dạy được cả cho anh đọc. Bảo bị gấu vồ, hôm chúng tôi mới đến, những vết thương vẫn chưa khỏi hẳn. Lần sau, chúng tôi đến, anh đã gần lành. Nhưng vẫn ăn kiêng, ăn nguyên cơm với muối ớt, không dám chạm đũa đến món trứng trắng lẫn đậu nành đồng chí Chấn chính tay làm để thết chúng tôi. Thường thường, chẳng ăn kiêng, thì món ăn cũng chỉ có muối ớt thôi. Cơm gạo rẫy thối nát, ăn dẻo như cơm nếp, nhưng chóng ngán. Họ quen thói một bữa, nằm một nửa cất đi để bữa sau ăn. Họ ăn chậm rãi và ăn rất ít. Không dám ăn nhiều hay sức chỉ ăn được thế? Đời sống như vậy, chống lại với vi trùng sốt rét thế nào? Nếu nước mình không độc lập, đời sống của họ không được nâng cao, họ sẽ

chết mòn hết mất thôi. Trông những làng Mán xơ xác, lèo tèo, buồn như một cái gì sắp tắt.

Thế mà người Mán tốt. Nhắc đến chuyện những nhà cách mạng hoạt động ở đây hồi bí mật, người vợ Triệu Vân Hương luôn luôn bảo với Tư:

- Cần cách mạng khỗ lai! (Người cách mạng khỗ lắm!)

Chị cảm động nhắc lại lời một đồng chí bảo chị ngày xưa:

- Người Mán đừng giết người cách mạng, đừng bắt người cách mạng nộp cho Tây nhé!

Người Mán không bắt người cách mạng. Người Mán đã cứu mang người cách mạng. Họ nhin ăn, giấu cơm, đem cho người cách mạng ăn. Tây mà bắt được cơm ấy, thì họ mất đầu. Có người đã mất đầu. Nhưng họ vẫn ủng hộ cách mạng như thường. Tôi nhớ đến lời Đại tướng Võ Nguyên Giáp một lần nói chuyện với tôi:

- Nếu khởi nghĩa chậm một tháng, cả một làng Mán đã chết đói vì nhin ăn ủng hộ một đội quân giải phóng.

Cứ xem cách họ săn sóc chúng tôi, đủ biết họ có cảm tình với cách mạng thế nào... Thấy Khang cựa mình, tôi biết anh cũng thức dậy rồi. Tôi nói những ý tôi đang nghĩ ngợi với anh. Anh cũng ca tụng những nhà cách mạng say mê đã rọi ánh sáng giác ngộ vào tận rừng sâu, nhóm nổi ngọn lửa đấu tranh trong tâm hồn chất phác của những người gần như chưa có ý thức gì về xã hội. Những người ấy, trước kia xa lánh mọi người. Bây giờ họ cũng nói đến (...) độc lập, tự do, hạnh phúc (...) cũng viết khẩu hiệu dán lên phen, cũng đi dự mít tinh và khai hội.

Một buổi tối ngồi chung quanh bếp lửa, chúng tôi với anh em đồng chí Chấn dạy nhau học lẫn tiếng của nhau. Tôi chỉ vào cái nồi đồng hỏi:

- Căng Tầy, căng ca lằng? (Tiếng Thổ gọi là gì?)
- Mỏ toòng. Căng keo? (Nồi đồng. Tiếng Kinh gọi là gì?)
- Căng keo: nồi đồng. (Tiếng Kinh: nồi đồng.)

Anh rán to mắt nhìn tôi. Nồi đồng? Thế còn anh? Sao người ta lại gọi anh là hội đồng nhân dân?

Thật ngây ngô! Nhưng con người “ngây ngô” ấy đã ăn củ hàng tháng để nhường gạo cho những người cách mạng. Cả gia đình anh, cả làng anh, mọi người trù mẫn, săn sóc, bảo vệ, chia ngọt sẻ bùi với chúng tôi, cũng chỉ vì coi chúng tôi là những người cách mạng.

Nghĩ như vậy, tôi thấy rất phàn nàn về một bọn người xuôi qua đây, ngủ nhờ một đêm, ở làng này. Họ tranh nhau, đòi mua hết thức nọ đến thức kia, người ta không muốn bán cũng cố vật nài. Trả tiền thì trả rẻ. Lúc ăn, người có ăn, người không có ngồi nhìn. Ăn xong, bày bữa ra nhà, phóng uế bữa bãi ở quanh nhà. Lúc đi, đem cả bát của nhà người ta đi.

Sau khi họ đi rồi, đồng chí Bảo bảo chúng tôi:

- Nó không đàn kết. Nó là cái đàn bò!

Và anh nói những điều nhận xét của anh:

- Các đồng chí với bọn khỏi (bọn tôi) tốt. Các đồng chí ăn, bọn khỏi ăn. Những người kia, không tốt. Người nào có, ăn. Người không có, không được ăn. Không đàn kết.

Chúng tôi đỏ mặt, bởi vì chúng tôi thấy nhục lây. Nhưng nghĩ kỹ, chẳng qua bọn này vụng xử đó thôi. Họ không chịu luôn luôn nhớ rằng dân chúng rất chú ý nhìn vào họ để phán đoán về tinh thần của người miền xuôi. Họ

không cần thận giữ gìn cử chỉ. Họ không phải là cán bộ. Chúng tôi có giải thích cho Bảo hiểu họ chỉ là số ít. Bảo gật đầu:

- Đâu cũng thế. Có người tốt, có người không tốt. Người Mán cũng có người không tốt. Hồi bí mật, cũng có người Mán bắt cách mạng nộp cho Tây. Người giác ngộ thì tốt.

Gần gũi những người Mán đói rách và dốt nát, thấy họ rất biết yêu cách mạng, làm cách mạng chân thành, sốt sắng và tận tụy, chúng tôi thấy tin tưởng vô cùng. So sánh họ với mấy thằng “bố vầu” mà Khang gọi là trí thức nửa mùa. Khang rất bất bình đối với hạng này. Chúng nó chẳng yêu một cái gì, chẳng làm gì. Chúng nó chỉ tài chửi đồng.

4-11-47. - Mở mắt ra, trăng lấp ló qua kẽ mái bên mặt. Lạnh, gió to, nghe ở lán bên cạnh có tiếng thổi lửa phù phù, chúng tôi cũng dậy đốt lửa cho đỡ rét.

- Dên lai! (Rét lắm!)

Khang kêu lên thế. Mấy người đàn bà ở lán bên cười, nhắc lại:

- Dên lai!

Nướng mấy củ sắn, ăn xong, vừa sáng hẳn. Sau khi rửa ráy, Khang mài đá, mài mực, viết. Tôi ghi nhật ký. Gà bay loạn xạ, kêu quang quác ở chung quanh. Có tiếng máy rền: ô tô hay máy bay?

Có lẽ Tư đi Pic Cáy, hay đi hội nghị tỉnh ở Lùng Trang? Nếu ở nhà, thế nào chẳng lên. Định để ngày nay đọc sách. Nhưng chẳng biết có thì giờ đọc không. Lát nữa, phải đi chặt củi. Sắp sửa thổi nấu ăn. Rồi gì nữa? Có lẽ cũng nên hạ sơn, lấy thêm gạo hay một thứ gì để luyện chân cho dẻo.

6-11-47. - Đêm qua, thằng bé bên cạnh khóc, nghe giống Thành khóc quá.

Buồn. Nhớ con.

Sáng nay, trời u ám. Tập thể thao và tắm xong trời hơi mưa. Đọc nốt một quyển sách (...)

Hai thằng xuống nhà đồng chí Chấn lấy gạo. Bà cụ nhìn khắp nhà, chẳng tìm được thức gì cho, đóng cho một ống gạo rẫy và đưa cho một củ gừng. Lên lán được một lúc thì mưa to. Rừng có biết bao nhiêu lá! Lá rừng rên rĩ dưới những giọt mưa tới tấp. Thanh âm rậm và buồn.

12-11-47. - Tư gửi một con vịt lên, rồi lên định ở với chúng tôi vài ngày. Tôi lấy làm ưng ý vì thấy mình tự nhiên thành một tay đầu bếp khá. Pha thịt gọn. Rán vịt khéo. Thối cơm nếp đậu xanh không nát. Món bí ngô nấu với đậu xanh và gạo nếp để làm món ăn tráng miệng, anh em cho là tuyệt lắm. Làm bếp đã thành một cái thú. Tôi là tay bếp trên “cơ quan Một” này.

Ô tô giặc chạy rầm rập dưới đường. Súng nổ nhiều. Lắm lúc nghe như ngay ở chân núi chúng tôi. Nhưng Tư bảo: Thật ra còn cách những năm quả núi. Chúng tôi cứ ung dung hút thuốc lá và nói chuyện.

Bỗng noọng Liễu, em gái Chấn và Bảo, lên tìm Tư xuống. Có người muốn gặp. Cơ quan dưới đã gặp sự gì chẳng hay chẳng? Chúng tôi rất nóng ruột, vì công việc xếp đặt mãi chưa xong. Tờ báo định ra vẫn chưa ra được. Cơ quan “nhận tin” cũng chưa bắt đầu làm việc được. Hàng tháng nay, chỉ biết ít tin tức quanh vùng, do Tư liên lạc với các cơ quan địa phương, lấy về. Một tiểu đoàn hoạt động ở quãng này. Một đại đội luôn luôn chú ý bảo vệ mấy cơ quan, trong đó có cả cơ quan của chúng tôi. Địch chết lẻ tẻ khá nhiều. Nghe chừng, chúng chẳng ăn thua gì cả. Ta chặn giữ, chúng không tiến được. Mặt Cao Bằng, nhờ mượn đường của Tàu (Quốc dân đảng Trung Hoa) để tiến, chúng lợi thế hơn, nhưng cũng bị mấy vũ điếng người rồi. Bắc Cạn tuy chiếm được, nhưng chẳng hoạt động được mấy. Ở chợ Mới, chợ Đồn, chúng nó thiệt nhiều. Đánh Việt Bắc quả là chẳng dễ. Mình hờ hơ tí chút, một vài cơ quan bị

thiệt hại ít nhiều. Thế thôi!

Người tìm Tư chỉ là một chú giao thông, nghe súng sợ tái mặt, chạy một mạch lên đây. Tư cúi lằm. Không thể nhút nhát, hoảng hốt như thế được. Cơ quan đặt sát địch, cần những người gan dạ, luôn luôn bình tĩnh. Tư tin rằng địch chưa dám tiến vào chỗ cơ quan dưới.

Anh lại lên họp mặt với chúng tôi. Cơm chiều xong, đốt lửa. Đốt lửa thật to rồi nằm nhìn, đó là một cái thú mới của chúng tôi. Hôm nào ấm, không đốt lửa được, hơi buồn. Ba thằng nằm, hát bố láo đủ mọi thứ bài, từ cổ chí kim, nhiều bài chỉ nhớ một vài câu. Lũ trẻ bên cạnh cùng hát với chúng tôi. Chúng thuộc (...) trọn bài Tiến Quân Ca (...) gặp nhau nhiều nhất, chỉ ở bài quốc ca.

Quên chưa nói rằng: tối hôm nay, hàng xóm đông hơn. Có lẽ vì tiếng súng nổ dữ lúc ban chiều. Thêm ba đứa trẻ nữa. Và bà cụ nhà đồng chí Quân.

Thằng con đồng chí Quân mặt mũi sáng sủa, nhưng bẩn lằm. Những đứa kia cũng bẩn. Riêng con Pú, ở với chúng tôi luôn, đã theo chúng tôi rửa mặt hàng ngày và rửa cả cho thằng Lý, em trai nó, cho nên hai đứa sạch sẽ hơn. Chúng nó cười truông. Con gái cũng vậy, tuy đội khăn và đeo vòng, nhẵn. Có đứa trần truồng ngồi sưởi, mặc dầu trời rét. Quần áo thiếu.

Họ cho chúng tôi gạo nếp, bánh chưng, chanh, sắn, bí, rau. Ai có gì, cho thức ấy. Họ cho luôn. Chúng tôi có gì ở dưới gửi lên cho, cũng cho lại họ. Thân mật như người nhà. Nhiều khi con Pú nấu đậu nành, cũng đong cho chúng tôi một bát. Cười, lẳng lặng đưa, không nói, bởi vì nó không biết tiếng Thổ. Lần đầu, cầm cho vui lòng nó. Lần sau, từ chối, vì sợ nó cứ cho mãi, tốn kém cho nhà nó.

Hát, đùa với lũ trẻ một lúc, thấy mệt và buồn. Tư nghĩ đến làng, đến những nơi làng quê ngày trước đi gặp gỡ người yêu. Khang nghĩ đến Hà Nội, ánh sáng của Nhà hát lớn, sân khấu, người xem. Tôi, đến vợ con. Những

ngày nghèo khổ sống bên nhau. Ngày trở về, gặp nhau... Khao khát được ôm chặt lấy thằng Thiên gầy một cái. Ngoạm cái chân múp míp của thằng Thành đang cúi mặt vào vú mẹ. Vuốt ve mái tóc mềm của con Hồng. Nghĩ đến những lúc ở nhà, mình mắng mỏ con Hồng, thương nó quá... Nghĩ loăng quăng, đôi lúc nhớ đến Sâm. Ôi! Thằng đàn ông!...

13-11-47. - Tư đôi ý. Anh sốt ruột. Anh không thể nằm đây nghỉ vài hôm, như đã định. Cơm sáng rồi anh đi.

Khang và tôi bắt đầu in truyền đơn cho cô Vẫu. Chúng tôi gọi đùa chị là cô Vẫu. Hơi vẫu thật, nhưng thùy mị và nhanh nhẹn. Con nhà đặc! Người mảnh khảnh, da trắng xanh, đã sốt rét khá nhiều, nhưng say mê công tác, có tư cách và hăng hái lắm. Chị thuộc vào lớp cán bộ đầu tiên, xung phong lên Việt Bắc. Đồng bào địa phương rất mến.

Bóc tờ giấy ở phiến đá lên, Khang có vẽ vừa ý lắm:

- Rõ và đẹp lắm. Cô Vẫu tha hồ thích nhé!

Giọng anh âu yếm. Lần đầu tiên tôi thấy anh như vậy. Quen anh rất lâu, tôi chưa nghe thấy anh nói chuyện trai gái bao giờ. Người họa sĩ đã ngoài ba mươi tuổi ấy hình như chưa bao giờ nghĩ đến tình. Anh ghét vẽ đàn bà. Đứng trước một phụ nữ, mặt anh lạnh như tiền. Nói theo Tư thì giáp mặt mỹ nhân, mấy cái râu chuột trên mép anh không hề động đậy. Cảnh hiu quạnh hay cái gì đã xui dại anh buột miệng ra câu nói êm ái ấy? Tôi cười nụ.

Chúng tôi vừa in vừa cắn hạt bí bà cụ Quân cho. Bà cụ sang xem chúng tôi in, nói chuyện. Người phúc hậu, mặt đẹp. Hay chuyện. Âu yếm cháu.

Buổi chiều, thấy chúng tôi không có rau ăn, chỉ có một ít nấu canh lông bông, bà ái ngại. Bà chạy vào rừng, lấy về một cái hoa chuối và một nắm lá gì giống lá ngội. Bà gọi là phiếu phan- rau phan vậy. Bà bảo chúng tôi đợi bà

xào cho một bát. Ăn hơi chát, vì hoa chuối không luộc trước. Cũng cứ khen là ngon đi! Một lần Chấn mời ăn thịt chuột nướng rồi nấu với muối và nước lã. Tư cũng gấp ăn không nhân mặt và khen ngon.

Tối nay, nôn nao và mệt rũ. Làm nhiều? Hút thuốc lá nhiều? Hay say hạt bí?... Đi nằm sớm, chuyện lẻ tẻ. Lửa tắt cũng không buồn dậy thối. Nhưng một lúc sau, buồn quá, tôi lại dậy thối lửa, chất thêm củi cho cháy thật to, cuộn thêm một điếu thuốc lá nữa, trầm ngâm hút. Có lửa, vui hơn một chút.

Con hươu lại kêu. Nó kêu luôn mấy đêm rồi. Tiếng man rợ và thảm thiết. Nghe gần lắm. Sao không ai đi bắn nó?

14-11-47. - Trẻ con, người lớn lại xuống hết cả, trừ con Pú, thằng Lý và thằng em chúng nó, đu trên lưng con Pú. Văng. Thức ăn hết, cơm gạo tẻ trộn lẫn đậu xanh, rắc vừng. Tư và Khang vẫn gọi đùa tôi là bác sĩ, vì khi ăn tôi hay tính xem bữa ăn có đủ chất bổ không. Thiếu thịt tôi cố tìm đậu để thay. Chất mỡ ở vừng. Đủ lắm.

Hôm nay nghỉ in li tô, đọc sách. Tôi muốn nhân lúc này, học thật nhiều, để có đủ một số vốn tri thức giúp tôi, khi cần, có thể trông coi một tờ tuần báo chẳng hạn.

Chiều nay lại nôn nao và mỏi mệt. Viết nhiều? Thuốc lá? Ký ninh vàng? Đói? Hay thể thao nặng quá?

15-11-47. - Đêm qua, bà ké Chấn ho nhiều, rên và lảm nhảm nói mê luôn. Thằng bé con anh Chấn ho rũ rượi, ho như xé phổi, ho không còn khóc được.

Sáng nay, súng liên thanh nổ ran. Chừng hơn chục phát đại bác tiếp theo. Nghe rất gần. Súng tắt một lúc, có tiếng động cơ.

Trời giờ mưa. Con Pú mài một cầm dao đi chặt lá chuối về che lán. Em vẫn đu ở trên lưng. Con bé mới tám, chín tuổi mà làm đủ việc: kiếm củi, thối

cơm, giữ hai em. Nó làm nội trợ. Bố mẹ nó đi ruộng, đi rẫy suốt ngày. Nó phải quán xuyến tất cả công việc ở nhà. Đứa em bé không lúc nào rời lưng nó, có thể vẫn ngủ lắc lư cái đầu ngoẹo xuống hết bên nọ đến bên kia trong khi con chị làm các việc, kể cả việc chặt những cành cây súc. Thằng em lớn muốn khóc lúc nào thì khóc, rồi khắc lẳng. Mới độ ba, bốn tuổi, nó đã và cơm lấy. Tôi thấy nó gắp mấy miếng bí ngô xào, chấm muối ớt, rồi trộn vào bát cơm gạo rẫy, lẩm nhưa như cơm nếp. Trên này, ớt như muối vậy; trẻ con cũng ăn mà không hề xuýt xoa. Ớt nướng có một cái vị hay hay, chúng tôi thích lắm.

Mưa. Mưa thì buồn. Nhà có thể dột. Rừng nhiều vắt, lần mưa trước, tôi đã bị một con vắt chui vào tận háng lúc nào không biết, máu đầm đũng quần và chảy đến tận chiều mới cầm lại được.

19-11-47. - Nhiều lần chúng tôi bắt gặp lũ trẻ đọc khá đúng những bài học trong quyển sách học quốc ngữ của Bình dân Học vụ. Tưởng chúng nó học, nhưng chạy sang xem, không thấy sách. Chúng nó đọc thuộc lòng. Chắc là nghe người lớn học. Ai? Chỉ có Bảo đã học hai mươi ngày ở cơ quan bí mật của cán bộ bên rừng Vàng Kheo ngày trước.

Anh chàng ấy tối hôm qua lên chơi với chúng tôi. Nhân tiện mang cho chúng tôi cái va li sách chúng tôi chưa kịp đem lên. Nói chuyện lan man, có lúc Bảo nhỏ giọng cho biết rằng cả nhà đồng chí Quân có ma gà. Có ma gà, không tốt. Hay “làm căn” lắm. Đến nhà ai cũng “làm căn”, không trẻ con thì trâu, bò, gà, lợn.

Ma gà là thế đấy! Người trên này, ai chẳng có vi trùng sốt rét trong người? Bệnh có thể đến bất cứ lúc nào. Ớm đột ngột là thường. Họ bảo ma làm.

Vô phúc cho anh, nếu luôn mấy lần, sau khi anh đến chơi nhà một người nào, tự nhiên một người trong nhà sinh ốm, hay lợn, gà nhà ấy chết. Họ nhất

định bảo: anh có ma gà. Tiếng dữ ấy đồn đi. Mọi người sợ anh, ghét anh, coi anh như người hủi. Có ma gà là một cái khổ, cái nhục của ông cha truyền lại. Không ai muốn có. Không ai muốn lấy vợ, lấy chồng có ma gà. Con trai có ma gà chỉ còn một cách là lấy vợ có ma gà, như người có mả hủi lại lấy người mả hủi. Người ta cho rằng có ma gà thì phải cúng nó và mỗi năm nhuận, ít nhất phải cho nó vật chết một người hay một con gì, nếu không có thì nó vật chết người nhà hay gà lợn của nhà.

Tôi hỏi:

- Đồng chí Quân làm ma gà căn tôi có được không?

Bảo trả lời:

- Muốn làm thì cũng được.

- Ma gà căn có chết không?

- Trẻ con chết. Người lớn, cúng thì khỏi.

Thật là dễ hiểu. Trẻ con, sức chống bệnh yếu, dễ chết. Người lớn khỏe và đã quen với bệnh hơn, ốm ốm, khỏi khỏi là thường. Cứ theo Bảo thì trong số những người Mán chúng tôi quen, có đến sáu, bảy người có ma gà. Tôi thấy họ đều rất hiền lành. Chưa ma gà, ma rừng nào căn chúng tôi. Tôi cười, bảo người bạn Mán:

- Chúng tôi mới chập tối đã vào màn, mỗi tuần lại uống ba viên ký ninh vàng, ma không làm ốm được.

Cố nhiên là Bảo không tin. Trách gì anh? Chán người miền xuôi, học khoa học hăn hoi, nhưng vẫn sợ ma gà đấy!

20-11-47. - Lớp này rau hiếm lắm. Mỗi lần lên, trông thấy chúng tôi, bà

cụ lại cười ngượng nghịu:

- Năm mì phiến. (Không có rau.)

Bà có vẻ bần khoản, bịn rịn vì nổi không có gì để cho chúng tôi ăn. Chúng tôi cười và bảo:

- Cơm với muối cũng ngon, ké ạ.

Bà cười:

- Cơm với muối, ăn khổ lắm. Các đồng chí ở đây, khổ lắm.

Hôm nay bà đem cho chúng tôi một dùm lớn đậu đen. Không giống hắc đậu đen ở dưới xuôi. Hạt nhỏ hơn. Tôi hỏi nấu thế nào, bà không đủ tiếng để nói cho tôi hiểu. Khang bảo:

- Chắc lại như món đậu nành: rang qua, cho một tí mỡ vào; đổ nước rồi bỏ muối thôi chứ gì?

Mỡ cũng hết rồi. Tôi cho đậu với nước vào, đun rừ, rồi bỏ muối. Chỉ có thế mà vẫn nuốt nổi năm, sáu bát cơm. Từ ngày chui vào rừng ở, phát minh ra nhiều món lạ!

Và cũng phát minh ra nhiều điều lạ nữa. Lạ nhất là chúng tôi thấy rừng núi chẳng có gì lạ cả! Hồi còn ở dưới xuôi, cứ nghe mấy ông hàng xóm đi bè về nói chuyện rừng rú, hổ báo, gấu, trăn là đủ dựng tóc gáy lên rồi. Mình tưởng lên đến rừng là phải ở nhà sàn thật cao, rào giậu thật kiên cố ở chung quanh, đi đâu phải đông người và phải mang theo cái thanh la để dọa hùm, dêm đến muốn đi đái cũng không dám mở cửa ra ngoài, đành cứ đứng ở trong nhà đái! Bây giờ chúng tôi ở những chỗ sâu thẳm trong rừng rậm, chót vót trên đỉnh núi. Nhà ở không bao giờ đóng cửa, vì không có cửa. Nhiều đêm chỉ có hai người. Đi đâu cũng chỉ có hai người, đôi khi lại chỉ một mình tôi.

Cầm chỉ một cái gậy nhỏ, để chống mà trèo núi chứ không phải để phòng thân. Thế mà vẫn ung dung như ở trong nhà mình, đi trong vườn nhà mình vậy. Mà “nhờ giới thương thánh độ”, cũng chưa một anh nào trong bọn chúng tôi được táng hàm hồ cả!

Anh chàng Khang ngạo mạn với các ngài chúa sơn lâm, thỉnh thoảng lại hỏi tôi:

- Mẹ kiếp! Chúng nó đi đâu hết nhỉ? Ở rừng hàng nửa năm giờ, chẳng trông thấy mặt chú cọp, chú beo nào cả!

Có đêm con Pú, thằng Lý và cả đến con tằm lơ lơ (con chó nhà con Pú) cũng xuống nhà để mo phi (cúng ma), còn trở lại hai thằng trên lán. Khang cười, bảo:

- Quái lạ! Sao không có hồ ly tinh nào đến trêu chúng mình?

Một lần tôi hỏi Bảo:

- Rừng này có hổ không?

- Đã lâu không thấy. Năm ngoái có bắn được một con.

- Sao năm nay không thấy.

- Không biết. Hôm nọ bên Pic Cáy bắn được một con. Nó về tha một con bò, người ta biết.

- Có gấu không?

- Nhiều lắm.

- Sao không thấy?

- Mùa rét nó ở nhà, không đi đường.
- Không ra ngoài, nó lấy gì mà ăn?
- Nó không ăn.
- Không ăn, sao sống được?
- Sống, nhưng nó không có mỡ. Đi ăn được, nó nhiều mỡ lắm.

Mấy hôm sau, họ rủ nhau đi giết gấu. Tôi hỏi:

- Ở đâu?
- Ở rẫy đồng chí Quân. Nó đến ăn ngô. Bẫy được.

Chấn trả lời tôi vậy. Rồi anh hỏi:

- Đồng chí có thấy nó không?
- Không.
- Nó đi qua lán đồng chí đấy.
- Sao biết?
- Xem vết chân. Nó ở trên núi đi qua đây để xuống rẫy đồng chí Quân. Nó ăn ngô. Ái già! Nó ăn mất nhiều ngô lắm. Đêm nào cũng ăn.

Khang cười:

- Cũng lạ! Người anh em toàn đi ăn mảnh. Qua nhà mà không vào rủ chúng mình cùng đi, làm mấy bắp nướng ăn.

Chúng tôi bảo nhau: từ rẫy coi chừng, đêm đừng lơ mơ ra ngoài mà có khi

nát mặt. Nhưng chỉ giữ được mấy hôm, rồi lại cứ ra vào bọt mạng. Và tắc lưỡi:

- Bao nhiêu Giải phóng quân hồi trước, có thấy nói đến một người nào chết vì hùm, vì gấu đâu?

23-11-47. - Đang sốt ruột mãi chưa ra được báo thì Tư và Tâm lên. Hai cậu mang theo một con vịt, măng khô, một nắm thư, sách báo mới và tin tức.

Quý nhất là tin tức. Quân ta thắng lớn ở sông Lô. Hạ máy bay ở Cao Bằng. Các mặt trận khác cũng lãi rất nhiều. Các anh em đã về đến cơ quan mới đều được vô sự và đã bắt đầu làm việc ngay.

Ở vùng chúng tôi, địch đã bỏ mấy đồn. Ở những đồn còn giữ, chúng chỉ cố thủ, không dám xông xáo nữa. Tiếp tế hoàn toàn bằng máy bay.

Tình hình như vậy, chúng tôi phân tán lắm, chỉ mất thì giờ. Chúng tôi sắp hạ sơn để tiện việc hơn. Cơ quan dự bị.

Khang thấy sắp phải rời chỗ tu tiên, ngày nào cũng đem giá vẽ ra, chăm chú vẽ.

30-11-47. - Nhà in đã có thể bắt đầu làm việc được rồi. Cơ quan nhận tin điện cũng gần xong. Chúng tôi xuống ở nhà đồng chí Chấn đã hai hôm, đợi ngày trở về làng. Nay mai, báo ra chúng tôi sẽ bận hơn. Có lẽ khá lâu không có thì giờ đến chơi đây. Chúng tôi muốn xuống ở hẳn với họ mấy hôm để được chuyện trò với họ nhiều hơn.

Tối hôm nay, ngồi quây quần chung quanh bếp lửa với gần đủ mặt cả làng, chúng tôi hỏi họ về các đồng chí hoạt động bí mật hồi còn đế quốc. Họ nói đến đồng chí Văn, đồng chí Tống. (1) Họ tả lại mấy trận đánh đồn. Họ hát lại những bài hát cách mạng hồi ấy cho chúng tôi nghe.

(1) Bí danh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày trước, quãng năm 1940-1941 ở khu giải phóng. (Chú thích của Nxb.)

Chúng tôi nói với họ về miền xuôi, về Hà Nội, những ngày khởi nghĩa, về Trung Bộ, Nam Bộ, có ý cho họ hiểu nước mình rộng lớn thế nào, nhiều người nhiều của thế nào (...) Câu chuyện mỗi lúc thêm náo nhiệt. Mắt những người Mán ngồi với chúng tôi sáng và nhanh nhẹn hẳn lên. Một cái gì như vừa mới thức dậy trong những tâm hồn rừng núi âm u. Chấn và Bảo hát vang. Họ bảo nhau: khi nào kháng chiến thành công sẽ kiếm tiền may mấy cái áo tốt, về dưới xuôi chơi. Triệu Vân Hương cũng hứng chí lên, nói toang toang. Anh ta hứa sẽ cố bắn một con hươu, lấy da may áo để mặc về Hà Nội.

Liên (Liều, em gái Chấn và Bảo?) cũng tươi tỉnh hẳn lên. Cô thiếu nữ mảnh người như Liều ấy rất hay nhìn trộm Tư. Khi những tiếng cười nói đã ngớt rồi, cô rủ rì bảo Tư:

- Kháng chiến thành công, đồng chí Tư giú nấy au mê cần đông, thu mà. (Kháng chiến thành công, đồng chí Tư ở đây rồi lấy vợ người Mán mà làm ruộng.)

Muốn tránh tất cả những sự lôi thôi có thể làm chúng tôi mất cảm tình của đồng bào địa phương, từ đấy, mỗi lần ở đâu lâu, chúng tôi thường tìm cách khéo, cho mọi người biết tất cả chúng tôi đều có vợ, có con rồi. Nhưng khổ cho chúng tôi, những anh chàng trai trẻ vẫn khát khao chuyện yêu đương nhưng lại phải luôn luôn kiềm chế lòng mình! Các cô con gái Thổ da trắng đó, mắt rất xinh và cử chỉ rất hồn nhiên lại rất hay cười đùa, bảo chúng tôi:

- Không phải đâu! Các anh chưa có vợ. Việt Minh không lấy vợ.

Có những lúc con người cũ của chúng tôi chồm dậy. - Con người phóng túng và ích kỷ. Những lúc ấy là những lúc chúng tôi bảo nhau, nửa đùa cợt, nửa chua chát:

- Giá chúng mình không phải là Việt Minh!

Nhưng cử chỉ đứng đắn, lễ độ của chúng tôi khiến mọi người chung quanh rất mến phục. Có người khi nói chuyện với chúng tôi, đã đem cái tư cách gương mẫu của chúng tôi so sánh với những thằng Tây đồn ngày xưa, bắt các làng phải thay phiên nhau nộp con gái thật đẹp để hầu hạ và quạt cho nó ngủ. Chúng tôi lại càng thấy sự giữ gìn tư cách là cần lắm. Và mỗi khi gặp một người đẹp chỉ đành thở dài vụng thối!

2-12-47. - Hôm qua xuống núi, cả làng Mán quyến luyến tiễn đưa. Nhà đồng chí Chấn cho chanh, đậu nành với trứng gà. Bà ké nhà đồng chí Quân chạy theo, đưa cho một bó rau cải thật to. Đi được một quãng còn thấy thằng con trai đồng chí Minh đuổi theo, gọi ới ới. Tưởng quên gì. Nhưng không. Nó vừa thở hồng hộc, vừa đưa cho một xâu gừng. Tuy đã “thờ” đủ mọi thứ nặng chết người, vẫn còn phải cầm tất, để cho vừa lòng họ. Mọi người dặn: Bao giờ được rồi, các đồng chí lên chơi.

Chiều hôm ấy, xuống đến chân núi! Những anh em đã lâu ngày chưa gặp chúng tôi, mới trông thấy chúng tôi, đều phải kêu lên. Họ cho rằng chúng tôi tu tiên đã gần đắc đạo, nghĩa là gần hóa ra gấu cả rồi. Tóc gần lấp cả tai, trờm xuống gáy. Da và quần áo ám khói, vàng khè. Râu ria tua tủa. Chúng tôi có cảm giác như chột đến một chỗ đông đúc, sáng sủa, văn minh lắm. Trông người nào cũng đẹp, quần áo ai cũng như mới cả. Đi đường rìa núi, bờ ruộng đã cho là bằng phẳng lắm.

Hôm nay, đi mượn một cái “tông-đơ”, húi đầu lẫn cho nhau. Nhẹ hẳn người. Ra một cái suối thật to, ngụp cả đầu xuống gội. Khoái lắm, tuy rét tím cả da. Mặc quần áo mới đi về, thấy mình đã hoàn toàn lột xác. Gặp một chuỗi

cô gái Thổ đi sau một ông già vào lán bí mật, mình chào:

- Chào ông kẹ! Chào các đồng chí!

Ông kẹ gật đầu, ừ. Các cô lúu rúu:

- Chào hai đồng chí!

Một cô nói thật to:

- Đồng chí đẹp lắm.

Các cô phá lên cười. Mình đỏ mặt lên, sượng tỉnh người. Tiếc rằng không tìm đâu ra một cái gương để soi xem mình có đẹp thật không. Nhưng ngay buổi chiều, tôi trở về biết rõ mình hơn. Bởi vì Tư cho rằng có đến quá nửa số anh em trong cơ quan được các cô khen là đẹp. Non nửa kia chưa được cái may mắn gặp một cô nào cả. Vai lệch lại trở về vai lệch!

2/3/48. - Từ hôm ra báo, bận nhiều việc, quên hẳn việc ghi nhật ký. Và cũng chẳng có gì nhiều đáng ghi.

Mỗi ngày ngồi cặm cụi viết bài. Từ bài "phòng" đến một cái tin vặt đều phải cố viết sao cho thật ngắn, thật dễ hiểu, viết xong đưa cho một chú giao thông Thổ đọc trước, hỏi xem có hiểu cả không. Chỗ nào chú không hiểu, viết lại. Chữ nào chú chưa quen thay bằng chữ khác.

Đã từ lâu, tôi mong ước có một tờ báo nhỏ, hợp trình độ của người mới biết đọc, nghĩa là với số đông. Trước ngày kháng chiến toàn quốc ít lâu, tôi đã bỏ Hà Nội, về một tỉnh nhỏ để làm một cuộc xem sao. Dịp may mắn cho tôi thử thực hành đã đến đây. Tôi làm rất chăm chỉ, rất ham thích cái công việc mà giá bốn năm trước đây người ta bắt tôi làm tôi có thể điên người lên được. Hồi ấy, tôi viết văn để cho người ta biết đến cái tên tôi. Tôi ao ước tạo một cái gì nó sẽ sống lại sau tôi. Tôi thêm lời khen của các bạn văn, của

những kẻ sành văn, của những nhà phê bình có tiếng. Những người ấy là tất cả, tôi không hề quan tâm đến sự được những người sơ học đọc. Họ đọc để làm gì? Họ hiểu thế nào được văn chương? Và văn chương có ích gì cho họ, những người căn cỗi về tình cảm, thấp kém về học thức. Họ muốn giải trí thì đã có đồ mồi, lắc đĩa hay rượu và thịt chó. Họ không cần đến sách và đôi khi có đọc sách, cũng chẳng bao giờ thêm nhớ đến tác giả.

Tôi đã nghĩ đến tôi nhiều quá. Sau cuộc Cách mạng tháng Tám, càng ngày tôi càng thấy rằng cái "tôi" của mình thật ra chẳng nghĩa lý gì. Nó có một chút giá trị nào là khi nó biết hòa hợp nó vào với những người chung quanh. Nhiều khi phải biết quên mình đi, quên cái tên tuổi của mình, nếu muốn thành một người có ích. Có cần gì phải cày cục tìm cách ghi tên mình lại cho lịch sử? Tạo ra lịch sử là một việc lớn lao hơn. Nhưng tạo ra lịch sử lại là sự nghiệp của số đông. Ta nên nghĩ đến số đông nhiều hơn ta. Tôi đã cố gắng rất nhiều và vẫn còn đang cố gắng để có thể thích những công việc nhũn nhặn, thâm lặng, nhưng có ích.

Tôi biết tôi còn phải cố gắng nhiều hơn nữa. Vẫn còn những lúc thăng nghệ sĩ cũ trong người tôi vùng dậy. Tôi chợt thấy buồn rầu vì luôn mấy năm nay không viết được một tác phẩm nào khiến cho các bạn tôi nhắc nhở? Hết làm chủ tịch làng thì lại đi tuyên truyền lưu động, làm báo i tờ! Bao giờ đây, cuốn tiểu thuyết lớn, không mấy đêm tôi không nghĩ đến, luôn mấy năm nay?

Nhưng cái tác phẩm mơ ước ấy, có phải tận đến bây giờ tôi mới phải gác nó lại đâu? Tôi đã gác nó lại ngay từ ngày nó mới chớm nở trong óc tôi. Phần lớn thì giờ của tôi trước đây đều dùng vào việc viết những truyện ngắn, truyện dài, truyện trẻ con tôi không vừa ý một chút nào, nhưng nó giúp tôi moi được tiền của bọn buôn văn, để đem về nuôi cái thân tôi và nuôi vợ, nuôi con. Nước mình còn nô lệ thì tiếng nước mình còn bị chê khinh và bọn nhà văn còn bị rẻ rúng, bạc đãi, coi như một hạng người không có cũng chẳng thiệt thòi gì. Tôi đã làm ngược hẳn ý muốn của tôi, chỉ vì cần duy trì đời sống

của tôi. Sao tôi lại không thể dẫn cái ý muốn kêu căng của tôi xuống để góp sức vào công việc "không nghệ thuật" lúc này chính là để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn. Nếu tôi có đủ tài để viết cái tác phẩm lớn của đời tôi, nó sẽ được hàng chục triệu người đọc chứ không phải chỉ vì vài ba nghìn người như trước

Chiều chiều, các anh, các chị Thổ ở các lán chung quanh đến lán chúng tôi nói chuyện hay đọc báo. Tôi càng có dịp hiểu trình độ hiểu biết, lời ăn tiếng nói, cách làm ăn và những băn khoăn, mong muốn của họ hơn. Dựa vào đấy, tôi uốn nắn lời văn và tìm ra những đầu đề viết. Nói được một điều thiết thực, đăng được một cái tin làm người ta phải kể lại với nhau, làm được những câu ca dao thật mộc mạc nhưng không đến nỗi thành vè, viết được một bài thật ít lời nhưng vẫn đủ ý và đọc lên đàn bà, trẻ con nghe cũng hiểu, tôi cũng thấy sung sướng như viết được một truyện ngắn chính tôi ưng ý. Đôi lúc, anh em và chúng tôi cùng lo rằng lối viết như vậy có thể làm hỏng lối văn tiểu thuyết đã có ít nhiều người thích của tôi. Nhưng số người đọc tờ báo nhỏ của chúng tôi cứ mỗi ngày một tăng lên. Các bạn tuyên truyền, các cán bộ cho biết nó rất hợp với đồng bào ở trên này. Những bạn đọc mới của tôi có đến bốn, năm nghìn. Bốn, năm nghìn người này ít ra cũng đọc hay nói lại cho bốn, năm nghìn người khác nghe. Làm sao có thể nói được rằng hàng vạn độc giả trực tiếp lẫn gián tiếp mới này không đáng cho tôi chú ý bằng bốn, năm nghìn người đọc những tiểu thuyết của tôi ngày trước. Lúc nào tôi cũng rất băn khoăn về ảnh hưởng những tác phẩm cũ của tôi. Bây giờ đây, tôi thấy yên lòng về những bài cón con của tôi hơn. Nó chẳng nói được những điều gì sâu sắc lắm đâu. Nhưng nó làm cho người đọc hiểu biết hơn, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của ta hơn; nó đẩy họ cũng hăng hái giúp ích cho cuộc kháng chiến của toàn dân và gợi cho họ những việc họ có thể làm để giúp ích cho kháng chiến. Tôi chỉ mong có thể.

Ngoài thì giờ viết báo, tôi đọc sách. Chúng tôi tổ chức những lớp học trong nhóm anh em cùng trình độ và mở những lớp huấn luyện cho anh em

trình độ kém ở "cơ quan ấn". Buổi tối, ngồi bên bếp lửa, tôi dùng lối hỏi chuyện, giảng những điều thường thức về địa dư, lịch sử, chính trị... cho chú giao thông Thổ ở với tôi. Và nửa đêm, trong lúc chú giao thông ngủ, tiền đây.

Các anh kể lại những chuyện Pháp khủng bố ngày xưa...

- Người đi hoạt động khổ một phần, người ở nhà khổ mười phần. Nhưng đến lúc chúng nó đem gia đình các cán bộ tập trung cả vào một chỗ để giam giữ, thì các cán bộ không cần gì nữa. Không lo cho gia đình nữa. Càng hoạt động già. Việt gian lo sốt vó.

16/3/48. - Mới nắng được ba ngày, lại mưa. Mưa nhiều quá. Mùa xuân miền núi là mùa của mưa và của vất. Không có sách thì buồn chết được!

18/3/48. - Cái giọng ngiên trong đài phát thanh của bù nhìn ở Hà Nội sáng nay cho biết: hôm qua, chúng nó đã ký với nhau hiệp ước năm nước. Trong cái mào đầu hiệp ước, có nói đến phẩm cách của con người, tự do của mỗi cá nhân trong xã hội... Mình như đột nhiên bị một cái cật nửa gai vào cân não. Y như hồi nào nghe chính miệng của thằng quản đê lao chuyên môn hành hạ những người bị giam để tống tiền, nói đến chuyện nhà nó ba đời tu nhân tích đức. Muốn chửi to một tiếng.

Những tin tối hôm qua cho biết Giải phóng quân Trung Hoa vẫn tiến. Khi mà làn sóng dân chúng đã đang lên! Nó cứ tràn đi mạnh mẽ và cuốn đi, và rửa sạch tất cả những nhây nhóp của một xã hội đã thối nát. Vàng của bọn tài phiệt sẽ vô hiệu quả. Hồi những anh bạn chiến đấu đang tiến mạnh! Chúng tôi đợi ngày giơ nắm tay chào các anh...

19/3/48. - Vẫn mưa. Đêm qua càng mưa dữ dội hơn. Bị nước lọt qua màn rỏ vào mặt, tôi thức giấc, quay đầu lại phía chân. Cối thu hẹp người lại để tránh nước từ trên mái nhà đột xuống. Rất lâu không ngủ được. Mưa đến từng đợt như đợt sóng. Ào ào rồi ngớt, rồi lại ào ào, rồi lại ngớt. Nước không gõ

trống trên lá nữa. Nước chảy thành thác trên lá rậm. Tiếng dòng suối dưới gầm sàn như một cái nhọt vỡ mủ, ăn loang đêm tối.

Ôi chao! Cái giếng bọ vô hình ở cái chần bông rách bò ra, ngứa ran trên mặt, trên cổ. Không sao ngủ được. Cố nhiên là lại nhớ đến Liên, nhớ các con. Những lần mưa trong đời mình. Đời mình như toàn mưa cả. Mưa vào những dịp quan trọng. Mưa vào những ngày bước ra đi. Mưa! Mưa! Cái đêm mưa trên thuyền mía. Những đêm mưa nhà dột trong cái lều nhà bà cụ Xoan...

Nhưng mỗi lúc ngớt mưa, lại nghe tiếng súng nổ ran: tiếng súng đã nổ ran suốt ngày hôm qua; mặc dầu mưa. Trong cái đêm mưa tầm tã này, súng vẫn nổ như thường. Súng không biết có giới mưa. Lòng súng không ỉu xỉu bao giờ. Ôi súng! Ôi những cây súng thép! Ôi những anh vệ quốc quân! Tôi biết các anh nhiều khi phải nhịn cơm ăn cháo, đứng dưới mưa suốt ngày, suốt đêm mà đánh giặc. Lòng các anh cũng là nòng súng thép. Mưa có bao giờ làm ỉu xỉu một tấm lòng bằng thép tôi già. Tôi xấu hổ cho tâm hồn ủy mị của tôi. Vẫn chưa mạnh hẳn ư? Các anh? Các anh chiến sĩ không tên! Các anh hãy dạy tôi biết hi sinh, biết chiến đấu, chiến đấu lạng lã, chiến đấu không nghĩ gì đến tên mình, không nghĩ gì cả đến thân mình nữa. Các anh hãy rọi vào lòng tôi ánh nắng rực rỡ trong đôi mắt và cõi lòng của các anh. Lòng tôi vẫn còn u ám lắm. Những đám mây đen xưa cũ vẫn còn lớn vồn. Các anh hãy quét sạch nó hộ tôi. Quét sạch! Để cho tâm hồn quang quẻ và mới hẳn!...

Súng vẫn nổ giòn. Tôi lắng tai, cố nghe tiếng súng. Tiếng súng máy cười khàn khàn. Hôm qua hai lính Pháp ở Phủ Thông ra hàng. Chúng nó chịu làm sao nổi cảnh u ám và những ngày mưa ở miền rừng? Chúng nó chịu làm sao cảnh ăn cháo đánh nhau? Mưa! Mưa! Mày cứ mưa mãi cho tao! Chúng nó sẽ còn ra hàng nhiều nữa.

1948

In trong tập Đôi mắt

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Ma Đưa

Hai đứa trẻ, lê la trong vườn, vừa làm cỏ vừa nói chuyện. Hai đứa cùng gầy còm, cùng đen đui, tóc mới nuôi chẳng sửa chăm, quần áo rách vá nhiều chỗ và bẩn thỉu. Nhưng nhìn kỹ, cả hai cùng rất có thể xinh xắn được, chỉ cần thêm cơm và sạch sẽ. Trinh, 14 tuổi. Hai mắt tròn, đen và dịu dưới hai nét lông mày thiên nhiên nhỏ tắp, cong và dài, như tĩa và vẽ lại; miệng nó nhỏ, múm múm, trông như hơi thụt vào bên cạnh cái cằm nhô ra và đôi má tròn; trán nó rậm rạp mồ hôi, cái cười của nó rất lạnh, giọng nói chậm và cung bậc đều đều; nó hiền, hiền đến hơi ngờ nghệch. Trạch kém chị hai tuổi, nhưng có vẻ tinh hơn. Người nhỏ nhưng có thịt lắn, da nhẵn, mỏng mặc dầu đen, đôi mắt nhanh nhẹn đáng nhẽ sắc sảo, tiếc thay! Bệnh đau mắt hột làm những mí co hẹp lại và lòng đen, lòng trắng lơ lơ ra nhiều rồi. Nó nói cười đều có chút mỉa mai; một đôi khi, người ta ngạc nhiên vì những sự nhận xét của nó, rất ngộ nghĩnh mà rất đúng.

Trạch ở chơi nhà dì ngoài bốn tháng nay mới về quê chưa đầy tuần. Hai chị em, lâu ngày xa cách bây giờ gần gũi, thấy yêu nhau tha thiết lắm. Làm hay chơi chúng đều quấn quít nhau suốt ngày. Trinh đã nghe chuyện tình thành rồi. Bây giờ đến lượt nó kể chuyện ở nhà cho Trạch. Có gì đáng nói? Phải đòn phải chửi lắm cũng quen đi, không còn phải là những cái Trinh cho là quan trọng; rước sách thì lâu nay chẳng có; Trinh hấp tấp nghĩ ngay đến cái chuyện từ trước đến nay chưa từng thấy: bà chúng suýt bị ma dìm xuống ao. Quả nhiên, Trạch ngừng ngay chép lại: nó mở to đôi mắt, "hừ" một tiếng, như là không tin. Trinh đắc chí, nherăng cười:

- Thật đấy. Không tin cứ hỏi bà mà xem!

Đêm hôm ấy không có giăng, nhưng giờ cũng không tối lắm. Thức giấc, bà chúng nó ra ngoài đi tiểu. Đêm nào bà cũng phải dậy đi một lần. Hôm ấy, đi xong, bà thấy mắt hoa lên và người hơi bủn rủn. Không khéo bà lại cảm! Bà vội quay vào nhà. Giờ tối thêm hay mắt bà mờ? Cái hè nhà đâu, bà chẳng còn trông rõ nữa. Nhưng mà còn cần gì phải trông; mọi lần đều thế, có lần giờ đen như mực, bà cứ nhắm mắt lại cũng không nhầm đường; cái việc ấy thuộc quá rồi, bà có thể làm như một cái máy. Nhưng chết nổi! Bà đi mãi mà chưa thấy đầu hè đâu. Bà đưa tay quơ ra trước mặt. Ô hay! Cái gì tròn, nhẵn... À này cái mẩu, thôi đây là bụi tre. Bà giật mình đến thót một cái; chân trước bà thụt ngay xuống bùn. Hổng mất! Đây là vườn trước, bà đã đến tận bờ ao nhà bà phó Sâm. Sao thế nhỉ? Bà nhớ rõ ràng bà có quay người lại, mà sao không giở vào lại đi ra thế này! Bà muốn lộn lại, nhưng lúng túng, cứ một bước lại gặp tre, lại thụt một chân xuống nước. Không dám đi nữa, bà ôm chặt lấy một cây tre, mở to mắt ra, cố nhìn. Ở đằng xa, chín mười người cầm đóm thấp thoáng trên bờ nước; có người cúi xuống; tay họ cặp rá, có lẽ họ đi xóc gạo... Quái! Nhà bà phó Sâm có công việc gì mà đi xóc gạo sớm thế, mà lại nhiều người thế? Chó bốn bên đổ xô vào, xao lên. Chết thật! Ở nhà bà, chúng nó ngủ sao mà mệt thế! Giá trộm nó vào nó đỡ nhà đi cũng không biết. Bà cất tiếng gọi Trinh. Nó ngủ say. Bà gọi Kính: không thừa nổi! Bà gọi Đạt. Rồi bà gọi Khiết. Gọi lâu lắm, lần lượt gọi tên cả nhà. Chó xung quanh rú cả lên! Ở nhà vẫn không ai nghe thấy. Ngủ gì mà như chết vậy? Hàng xóm nghe thấy cả; có người ở rất xa cũng nghe thấy có tiếng gọi rất lâu; họ thức dậy lắng tai nghe: tiếng gì mà lạ quá, lúc run run, lúc ú ớ, có lúc tru lên như tiếng thú nghe mà rợn! Anh Luân, nhà gần đấy, thấy khang khác, chạy ra nghe ngóng, và khi đã chắc chắn người ta gọi nhà bà Lý, liền gọi hộ. Anh mới gọi hai, ba tiếng, trong nhà đã thưa. Trinh và Khiết đốt đèn, chạy ra. Chúng thấy bà chúng đứng tận dưới vệ ao nhà ông Chánh Hội. Đây là cái ao ở đằng sau nhà, đâu có phải là nhà bà phó Sâm. Mà cũng chẳng có ai vác đóm đi xóc gạo; cả nhà ông Chánh Hội thấy động chạy ra; họ bảo họ vẫn nằm nghe ngóng, chứ có đóm đèn gì đâu? Bà bị ma đưa rồi. Nó định dìm kia đấy,

nhưng số bà chưa chết. Hú vía! Kể cũng còn là may!...

Trạch mỗi lúc một thêm kinh ngạc; nó lo lắng bảo chị:

- Thế ra vườn nhà ta cũng có ma, chị nhỉ?

Trình làm ra vẻ thành thạo:

- Chỗ nào mà chẳng có ma! Ngày xưa nó cũng đã chực dìm bà Chánh Hội, chỉ một li nữa là chết đấy.

- Thế hở, chị?

- Ừ. Mà cũng chỉ vừa chập tối đấy thôi. Bà ấy cặp rá gạo và xách cái nồi ra ao. Xóc gạo, rửa nồi xong rồi, bà đặt cái rá gạo trên miệng nồi, định rửa tay một cái rồi về. Tự nhiên cái nồi quay long lóc, cứ vừa quay vừa ra xa. Bà đưa tay với. Nó buột đi mất. Sợ hãi, bà vội vàng xắn quần lội xuống đuổi theo. Nó xa hơn. Bà đuổi mãi. Nó cứ cách tay bà độ một gang, nhưng bà không sao với kịp. Nó cứ quay tít mãi, mà đã ra đến gần giữa ao. Nước đã lên đến cổ, bà Chánh vẫn còn đuổi mãi. May lúc ấy người nhà ra trông thấy. Người ta nhảy bổ xuống, phải ba người mới kéo được bà lên. Bà mê man, cứ nhất định đòi vớt nồi. Chậm một phút nữa là bà chết.

Trạch lè lưỡi ra, mắt sợ hãi, lắc lắc cái đầu:

- Ghê quá nhỉ! Nghĩ mà lại lo.

- Việc chó gì mà lo! Số mình chưa chết thì bố nó cũng không làm gì nổi. Có điều nó chỉ trêu ghẹo mình thế thôi. Tháng trước nhà nấu một nồi năm canh bánh đa. Nó lên vào ăn lúc nào chả biết, thành ra lúc mình ăn, cá thì vừa nhून vừa tanh, bánh thì rần ra, như là canh cá thiu. Thế mà chỉ vừa múc ra bát có một lúc, chỉ độ ăn đập bã giàu chứ có để lâu la gì đâu.

Trạch cứ ngó người ra. Trinh nuốt bọt, cười, nhìn em. Trạch hỏi:

- Cái gì thế, chị?

- Nói đến canh bánh đa mà thèm!

Trạch cũng thấy mồm dần dần đầy nước rãi. Chúng nhịn đói từ trưa hôm qua đến giờ. Giờ làm đói kém, nhà nào cũng thế thôi: trưa nay một lùm lùm bát, đợi đến trưa mai mới lại được một lùm lùm bát. Trạch, ba tháng ở nhà dì, cứ mỗi ngày ba bữa ăn đến tròn cái bụng, bây giờ đói quá. Càng đói nó càng thương chị: chị nó chưa được ăn no bao giờ. Nhưng thương hại thế thôi, chứ biết làm sao được? Bà thì già, mẹ thì túng, chúng nó còn lau nhau cả, chỉ biết ăn không biết làm, đào đâu ra tiền mà ăn no? Nó bảo Trinh:

- Thôi, chúng ta cố làm xong chỗ này đi; đến trưa, rồi ăn cơm.

Trinh, an phận:

- Phải đấy. Bây giờ mà ước canh bánh đa thì có là treo mồm!

Rồi nó cúi xuống, loay hoay giấy cỏ. Nhưng cái thèm ăn chưa chịu rời khỏi óc; nó lại bảo:

- Hãy ước một tấm bánh đa thật giòn mà nhai cho sướng mồm.

Trạch nghĩ ngợi một thoáng, rồi bảo:

- Thế thì được.

- Không biết lấy tiền đâu mà được?

- Tôi hãy còn một xu.

Đó là tiền dì nó cho, đi xe còn thừa. Nó định để bỏ ống, nhưng nghĩ

thương chị quá, không nỡ để. Nó bàn với chị:

- Ta đi ra chợ hàng mua tấm bánh đa, chị em mình ăn chơi.

Trình cảm động. Một xu đối với nó thật là to tát. Nếu nó có, nó chỉ đùm thật kỹ, chẳng chịu bỏ ra bao giờ. Nó biết Trạch cũng quý tiền ngang ngang với nó. Trạch có muốn đãi chị, mới chịu bỏ đồng xu ra. Nó không muốn phá hại em như thế ấy...

- Thôi, Trạch ạ. Đừng ăn nữa hoài tiền. Để dành rồi tiêu gì thì tiêu. Bây giờ cũng gần ăn cơm rồi.

- Không, tôi đói lắm, không làm được nữa.

- Cố mà nhịn, cho quen, em ạ.

- Tội gì có tiền mà nhịn! Rõ ra người giới đây. Ta đi nào.

Nói rồi nó đi ngay. Trình khoác cái rổ sề lên vai, chạy theo em. Nó cẩn thận thế, để nếu có gặp bà hay mẹ hỏi, thì sẽ nói: đi hót rác. Nhưng chẳng ai trông thấy chúng. Hai đứa dắt tay nhau ra chợ hàng.

Trời nắng chói. Cây cối đứng im như băng sắt. Lá hơi rũ xuống, tựa nóng quá mà mềm ra. Trình và Trạch thấy đường làng vắng ngắt. Bóng chúng nó đã thu gọn vào dưới chân. Trưa rồi đây. Chả biết người hàng bánh có còn đây không?

Trình bảo Trạch:

- Hàng hết người rồi, em ạ.

- Thì cứ lại.

- Trông kia kìa: có còn ma nào ở đâu?

- Thì cứ lại. Ngộ họ ngồi trong quán.
- Họ ngồi đấy bán cho ma nào, vào lúc này? Người ta đang ăn cơm cả rồi.
- Thì cứ lại. Đã đi đến đây rồi, còn mấy bước nữa, sao lại về?
- Lại thì lại nhưng cũng bằng công toi!
- Công toi thì công toi!

Chúng đi thẳng ngay vào quán. Sắp bước vào, Trạch bỗng hoảng hốt quay ra, nó thấy một con trâu đen, to, dữ dội, sừng cong và nhọn hoắt, xộc ra đuổi nó. Trinh chẳng trông thấy gì, nhưng thấy em chạy, thì cũng chạy theo em. Chúng dắt díu nhau cùng chạy. (Những người gặp chúng kể lại rằng chúng chỉ đi rảo bước chứ không phải chạy). Chạy một lúc thì chúng quên hẳn con trâu. Quên cả việc đi mua bánh đa ăn cho đỡ đói. Mà chúng cũng không đói nữa. Chúng thấy người nhẹ nhõm, lòng vui vui. Chúng định đi đâu? Chúng không biết. Mà cũng không biết con đường đang đi là đường nào, cảnh hai bên khoáng đãng và tươi đẹp, những đồng lúa bát ngát rải màu xanh non. Đến tận chân trời; một vài cái ao, nước lấp lánh dưới những tia nắng đẹp; một xóm rất nhiều nhà gạch, san sát như ngoài phố; một cái đền, đầu mái cong chộc thùng đám lá si; một cái cầu gỗ; lại một cái đền như cái trước, một xóm nhà gạch như xóm trước rồi ao, rồi ruộng, rồi xóm nhà gạch, một cái đền, một cái cầu gỗ nữa... Cảnh không thay đổi mấy, quanh quẩn chỉ mấy thứ đó, nhưng chúng đi không biết chán.

Bỗng Trinh níu em, đứng dừng lại trên bờ một cái lạch, nước trong veo. Tôm tép nhiều quá, lúc nhúc, giá lấy rổ chao cũng được vài ba bát. Hai đứa vén quần lội xuống. Trinh lấy rổ sẽ chao. Tôm tép ngầu ngầu trong rổ, nó thích quá! Thích quá! Trời ơi! Nhiều biết bao! Nhưng đến lúc nhấc rổ lên thì tôm tép lọt ra ngoài mất cả. Những nan rổ sẽ thừa, mắt rổ to lọt là phải lắm. Bỏ thì tiếc. Tìm đâu được cái gì mà chao bây giờ? Trạch cúi xuống, lấy bàn

tay vớt, cái vạt áo trước của nó phê xuống nước. Trinh bỗng nghĩ ra cách lấy vạt áo của Trạch, làm vó chao. Nó bảo Trạch xè vạt áo ra, cúi xuống. Trạch cúi, cổ cúi nhưng vẫn chưa chao được. Trinh bỗng quắc mắt lên. Nó nắm lấy cái cổ tròn tròn của em, cúi xuống. Trạch thét lên. Trinh cười sáng sặc, càng cúi mạnh. Trạch chống lại. Trinh bóp cổ, Trạch lão đảo. Đầu nó gần sát nước. Nó vùng vẫy. Vô ích: Trinh khỏe quá, mà bùn thì sâu.

Nhưng có tiếng người lão quáo. Trinh giật mình, quay lại: một người đàn bà vạt áo che đầu, đang thoăn thoắt đi về phía chúng. Trinh hoảng hốt dắt em trèo lên đường, bảo nhau cùng chạy trốn. Trạch lơ mơ thấy một chút bản khoán; nó thoáng nhớ đến nhà, bảo chị:

- Đi về đi, chị Trinh đi.

Trinh vénh mặt lên, mắng nó:

- Thế thì mày hèn lắm! Thế thì mày hèn lắm!

Trạch sợ chị giận, im không nói nữa. Nó cúi đầu đi theo. Rồi bước chân nó nhẹ thêm. Nó lại vui như trước. Chúng vừa đi vừa hát những câu hay quá, chưa bao giờ chúng hát. Chúng hát đi hát lại, chỉ sợ rồi lại quên.

Bây giờ đến một cây vam. Thân thẳng to, lá um tùm, ánh nắng không lọt qua kẽ được. Trinh đứng lại. Trạch làm theo. Hai đứa cùng ngắm nghía:

- Cái cây này đẹp nhỉ!

- Ta trèo lên đây.

- Ủ, ta trèo lên cây vam này.

- Rúc vào đám lá kia thì thật mát.

- Mà kín đáo, đổ còn ai trông thấy.

- Đố còn ai trông thấy!

- Chui giậu vào.

- Chui giậu vào, trèo lên.

Nhưng có ba con chó rất to, xộc ra, nhe những cái răng trắng hớn. Chúng sủa ầm ĩ, cắn những cái cột giậu tre sồn sột. Có con lấy chân trước cào cào đất. Con nào cũng chực nhảy xố vào chúng nó. Lại có tiếng người trong nhà chạy ra. Trinh và Trạch sợ hãi, bỏ cây vạm, chạy...

Bây giờ chúng ngừng lại trước một cái vườn tĩn mịch. Giậu rất thưa, chỉ khe vạch là chui vào được. Qua lỗ giậu, chúng thấy một cái nhà gianh nhỏ bé. Không thấy chó. Hình như cũng chẳng có ai ở nhà. Vừa tiện! Chúng lằng lằng ra hiệu cho nhau chui vào. Chúng nhìn ngơ ngác một lúc, rồi lại một gốc chuối kín đáo hơn tất cả. Trinh hạ cái rổ sề. Hai đứa bước vào, ngồi khoanh chân lại, quay mặt vào với nhau. Chúng nói khe khẽ sợ có người nghe thấy. Hai đứa cũng lo lắng. Chúng chỉ lo gặp người ta vào.

*

Cơm dọn xong rồi. Người ta gọi Trinh và Trạch. Không thấy đứa nào thưa. Chết thật! Hay rơi xuống ao cả rồi? Người ta tìm khắp vườn. Chẳng thấy đâu. Người nọ hỏi người kia. Mẹ chúng đã rưng rưng nước mắt. Cả nhà nhón nhác, mỗi người một ngả, đi tìm.

Khiết, chị lớn của Trinh và Trạch, đi ra phía hàng. Hàng không có người. Khiết đang phân vân chưa biết đi ngả nào thì gặp bà Lai. Bà này bảo gặp chúng khoác cái rổ đi trong quăng đến nhà quan:

- Tôi tưởng chúng nó đi lấy ngọn mía ở nhà bà phó Nhuận. Cứ thấy chúng nó giở đi giở lại ba, bốn lần ở quăng từ tha ma đến cầu gổ.

Khiết chạy một mạch đến nhà bà phó Nhuận. Im ắng cả. Không chừng bà lại khóa cửa đi đâu rồi. Khiết gọi. Khiết mới gọi một tiếng, đã thấy trong vườn lắc rắc. Chắc con chó chạy ra cắn trộm. Khiết cúi xuống, phòng bị sẵn. Nhưng không, Khiết thoáng thấy hai đứa trẻ chạy về phía sau. Một đứa cầm rổ sẽ úp lên đầu. Đích là chúng nó! Chúng nó vào làm gì đấy?

Bà phó Nhuận, đang bế con, thiu thiu ngủ, mơ màng như có tiếng ai gọi ngoài ngõ. Bà vừa mở mắt, thì thấy Trinh và Trạch vào. Mắt chúng nó đại hăn ra; mặt chúng xám ngắt. Chắc là chúng phải đòn, trốn vào đây. Trạch chạy nép vào xó nhà, Trinh luống cuống, lại ra ngoài xuống bếp. Nghe Khiết gọi, bà muốn giấu cho hai cháu, không lên tiếng. Không thấy thừa, Khiết vào. Trạch cuống quít, chạy vù ra. Khiết đuổi theo. Trạch hoảng hốt ôm chầm lấy cây cau, mắt long lên, hét thật to như sợ đánh. Bà phó Nhuận nắm tay Khiết lại:

- Chị tha cho em. Đánh mãi nó sợ thất kinh, lạc đi thì chết.

- Nào có ai đánh nó!

Trạch chạy vào trong bếp. Bà phó Nhuận ái ngại:

- Tội nghiệp! Chúng nó là trẻ con; đe chúng nó qua loa, ai lại làm chúng nó thất kinh như thế này?

Khiết chạy theo vào bếp. Cả Trinh, cả Trạch, đang luống cuống chui đầu vào đồng gio. Khiết nắm tay chúng lôi ra. Chúng run rẩy và mắt nháo nhác như sợ lắm. Đứa nào cũng so người lại. Khiết quát to ba, bốn tiếng. Chúng dần dần ngậy người, dờ mắt ra. Một lúc lâu, Trạch tỉnh dần. Nó bẽn lễn, khe khẽ kêu:

- Chị Khiết!

- Chúng mày đi đâu đấy?

Nó ngơ ngác không hiểu. Khiết hỏi:

- Chúng mày vào nhà bà phó làm gì vậy?

Nó nhìn bà phó Nhuận, khẽ chào:

- Bà!

- Sao đang làm cỏ, chúng mày bỏ đi như thế?

Trạch ngần mặt cố nhớ. Nó lắc đầu...

- Không khéo chúng bị ma đưa rồi.

- Phải đấy. Chúng bị ma đưa đây mà.

In trong tập Đôi lứa xứng đôi

(NXB. Đời mới, 1941)

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Giăng Săng

Điền có bốn cái ghế mây. Tất cả đồ đạc trong nhà, chỉ có bốn cái ghế mây này là có giá. Không phải Điền mua. Tính Điền rất ghét mua. Từ ngày ra ở riêng đến giờ, Điền mới mua có một lần. Ấy là một cái giường bằng gỗ bười của một người cô nghèo khó. Người cô cần tiền để lấy thuốc ngã nước cho chồng. Còn Điền thấy cũng cần một cái giường. Tháng ba vừa rồi, vợ Điền mới sinh một con trai. Nghĩa là bây giờ Điền có những hai con. Cả nhà đúng bốn người, bốn người chắt cả vào một cái giường! Giá mùa rét thì cũng được, chen chúc nhau một tí càng ấm áp. Nhưng mùa nực, còn gì là vệ sinh?

Năm chường mười họa, Điền cũng còn nghĩ rằng: nên theo phép vệ sinh. Bởi Điền là người có học hăn hoi. Điền đã có lần làm một ông giáo trường tư trong ngót ba năm, mà Điền có bốn cái ghế mây vừa mới nói. Năm ngoái đây, cái trường vẫn thuê Điền dạy lớp nhất, lấy hai chục bạc lương một tháng, đột nhiên phải dẹp. Dẹp để nhường lại mấy căn nhà cho người ta dùng vào việc khác, cần cho lúc này hơn. Ông hiệu trưởng còn chịu của Điền nửa tháng lương. Tiền học tháng cuối cùng thì chưa thu được. Chỗ anh em biết tính thế nào cho tiện? Giá ông xoay được, thì ông trả phắt Điền chục bạc, cho đẹp mặt cả đôi bên. Nhưng ông không xoay được. Mà chẳng lẽ Điền phải thiệt? Thôi thì... thôi thì... biết nói ra sao bây giờ? Ông cười một cách ngượng ngịu bảo Điền:

- Thôi! Thế này này, ông Điền ạ! Giá ông không ngại, thì ông đem bộ ghế mây về quê mà dùng. Lão hàng phở nó trả có bảy hào một cái. Hôm nọ, chỉ căng mây lại cho hai cái cũng đã mất một đồng. Bán cho lão thì phí đi. Mà ở nhà ông chưa có ghế...

Lúc ấy, Điền phải cố giữ, cái mặt mới không xị xuống. Thật ra thì Điền chán lắm. Điền chẳng muốn lấy bốn cái ghế tý nào. Chao ôi! Cũng mang tiếng là ghế mây!... Cái thì xộc xệch, cái thì bốn chân rúm lại, và chẳng cái nào là nước sơn không róc cả ra như là da thăng hủi. Trông đủ thảm. Điền phải bỏ ra bảy hào chịu lấy một cái vé tàu hỏa để tải mình về quê đã đủ xót ruột lắm rồi, còn phải nợ mà bỏ tiền ra tải bốn cái ghế già nua ấy nữa. Nhưng từ chối thì không tiện. Ra sự rằng mình dối. Có lẽ tủi lòng ông hiệu trưởng. Ấy là một điều mà Điền chẳng muốn, bởi ông với Điền là chỗ bạn nghèo với nhau. Họ bị tủi vì người ngoài đã lắm. Chẳng nên để người nợ bị tủi vì người kia... Điền đang nghĩ một cách gì để thoái thác. Thì ông lại bảo:

- Ông nên đi tàu thủy. Có đặt mới đến năm hào. Năm hào với năm xu man là năm hào rưỡi. Vậy cho rằng có phải trả tiền cước bốn cái ghế, thì cũng chỉ bằng tiền tàu hỏa thôi. Mà rộng rãi. Ông để hai cái ghế ra, một cái để ngồi, một cái gác chân, ung dung như ngồi nhà ông vậy.

Tội gì đi tàu hỏa mà chen chúc.

Kể thì cũng là một ý hay. Như thế tránh được cả cái nạn huých khuỷu tay vào ngực nhau để tranh một cái vé đi xe lửa. Tránh được cả cái nạn ngồi lên đùi người khác và để người khác ngồi lên đùi mình. Và ngửi mùi mồ hôi với mùi phân lợn của những toa tàu hạng tư... Nhưng...

Ông hiệu trưởng không đợi Điền phải nói ra. Ông đã đoán mà hiểu trước. Nên ông bảo:

- Còn cái sự chuyển những cái ghế thì không ngại. Tôi sẽ bảo thằng nhỏ buộc hai cái làm một, dùng cái đòn gánh nước, gánh ra tàu cho ông, còn từ bến màn về nhà ông, sẽ thuê một thằng bé nào độ năm xu, hay một hào.

Điền nhâm tính. Như vậy, tất cả có già dặn lắm mới tốn chừng đồng bạc. Nghĩa là tiêu quá đáng kia hai hào. Hai hào bốn cái ghế mây! Cho có xộc

xệch nữa cũng còn rẻ chán... Điền ưng thuận. Thế là bốn cái ghế mây của ông hiệu trưởng mà lão hàng phở trả có bảy hào một chiếc, được đi tàu thủy về quê của Điền.

*

Và thế là Điền có bốn cái ghế mây. Điền không biết giá. Nhưng Điền đoán chừng mua mới thì cũng đắt. Bây giờ, mỗi chiếc có khi tới ba, bốn đồng. Ba bốn đồng một chiếc! Thế nghĩa là cả bộ đáng giá ngót hai chục bạc. Xóm Điền cũng chả nhà nào có những đồ đạc đắt tiền như thế. Vợ Điền quý lắm. Thị rất xót xa khi thấy những ông khách cục súc, sau khi đã nắc nỏm khen bộ ghế vừa đẹp vừa thanh, liền đặt cái mông dít to bành bạnh như cái vại lên mặt ghế, khiến mấy sợi mây lún xuống, rồi co cả hai chân bắn thiu lên, ngả cái lưng to như lưng trâu tựa vào vành ghế, khiến cái vành ghế phải oải hẳn về đằng sau. Như thế phỏng còn gì là ghế? Có mà ghế sắt cũng phải hỏng, đừng nói gì ghế mây!... Một hôm thị bàn với chồng rằng:

- Này, cậu ạ! Người nhà quê họ vô ý lắm. Mình có của thì mình phải giữ gìn. Hay là ta đem cất những cái ghế mây đi, kéo để ai vào cũng leo lên ngồi chồm chồm, mấy chốc mà vứt đi?

Thoạt nghe, Điền phải bật cười. Điền nghĩ đến tính bủn xỉn của đàn bà. Họ may áo để cất đi. Và mua ghế để chằng cho ai ngồi sốt. Điền đã toan phản đối. Nhưng nghĩ ngợi một giây, Điền lại bằng lòng. Vợ Điền thế nào chả hơn Điền trong cái môn lo liệu việc nhà? Và bây giờ Điền chỉ là một kẻ ăn nhờ. Vợ Điền phải lo cho chồng từ năm xu húi cái đầu. Thị đã phải gánh lấy tất cả cái ách gia đình, thì cũng nên để cho thị có quyền trong gia đình một tý. Kéo thị lại bảo: dẫu có hỏng cái gì, Điền cũng không phải bỏ tiền chạy, nên Điền không xót ruột... Từ hôm ấy, bốn cái ghế mây được treo lên bốn cái mỏ móc buộc ngoài đầu chái. Chỉ những khi có khách khứa nào sang trọng, Điền mới ra bê vào.

Nhưng những buổi tối có giăng thì dù chẳng có ai, Điền cũng khuôn đủ bốn cái ghế ra sân. Rồi Điền gọi vợ, con ra. Vợ bế con nhỏ ngồi một chiếc. Con lớn một chiếc. Còn một chiếc Điền dùng mà gác chân. Họ ngồi ghế, đợi giăng lên. Nếu con nhỏ không khóc, con lớn không bắt gãi thì hạnh phúc thật hoàn toàn. Gió thổi tan những lo lắng, chua cay ở lòng. Ánh giăng êm xoa nước mát lên da. Da mềm dịu. Những nét cau có chìm đi tất cả. Trán vợ Điền hóa phẳng phiu, mặt thị tươi hẳn. Thị trẻ ra mười tuổi. Những phút thanh thoi ấy, sao mà thị hiền dịu thế? Đáng yêu đến thế? Điền không nhận ra một chút gì ở thị nó có dính dáng đến người đàn bà cau có vẫn ngoác mồm ra mắng con, mắng con ở, mắng mèo, mắng chó khiến nhà cứ om lên suốt ngày. Thị cúi xuống đưa con nhỏ, đồng thời ngược đôi mắt âu yếm nhìn con lớn. Đưa con lớn cười với thị. Thị cười với nó. Thị cười với chồng. Điền nhìn vợ, nhìn con, lòng sung sướng. Điền mỉm cười với giăng.

Điền rất yêu giăng. Cái ấy cũng là thường, bởi óc Điền đắm văn thơ. Có đọc văn thơ, mới biết giăng là một cái gì đẹp và quý lắm. Giăng là cái liềm vàng giữa đồng sao. Giăng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời. Giăng tỏa mộng xuống trần gian. Giăng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngụp lặn. Giăng, ơi giăng! Cái vú mộng tròn đầy mà thi sĩ của muôn đời mơ man! Điền không ân hận chút nào. Hai thân Điền bán cả ruộng, vườn đi để cho Điền đi học chẳng phí đâu. Đã đành các người chỉ có cái mục đích con làm nên ông phán, ông tham để ấm thân; các người hoàn toàn thất vọng khi thấy con leo cau đến tận buồng mà lại hồng ăn. Điền tạt yếu quá, không được nhận vào công sở; và các người đã vội cho là tiền con đi học thật là tiền vất xuống sông. Nhưng Điền tin rằng: cái học thức của Điền tuy chẳng giúp Điền kiếm nổi miếng ăn, nhưng cũng có ích cho Điền nhiều lắm. Chỉ nói một cái nhờ nó mà Điền học nổi văn thơ, và nhờ văn thơ mà hiểu được cái đẹp của gió, của giăng. Và Điền rất phàn nàn cho những tâm hồn căn cổ như tâm hồn của vợ Điền. Đối với thị, giăng chỉ là... đỡ tốn hai xu dầu! Dầu lạc lúc này mỗi chai lít hai đồng. Mới biết các nước đánh nhau cũng có thiệt cho con nhà nghèo thật. Mỗi tối, thị đốt đèn có một lát. Nhưng một lát cũng đủ tốn hai xu

rồi. Những tối có giảng đỡ tốn hai xu. Hai xu chẳng là bao nhưng mười cái hai xu đã được hai hào; mười cái hai hào đã được hai đồng bạc; và mười cái hai đồng bạc... Chao ôi! Nếu cứ tính toán mãi thế, thì biết đến bao giờ cùng được? Sao thị lại cứ phải luôn luôn tính toán? Những kẻ chỉ suốt đời tính toán là những kẻ tự làm khổ thân suốt đời... Điền vẫn trách vợ Điền như thế đấy. Điền có ngờ đâu chính Điền cùng một tật. Và ngay lúc này đây, lúc ngồi ngắm giảng để tạm quên những cái lo nhỏ nhen của kiếp người, Điền cũng còn tính vẩn vợ. Điền thấy giới rộng quá và sao nhiều quá. Điền nhớ đến câu thơ của một thi sĩ Tây phương ví khoảng trời sao như một cánh đồng. Nếu trời là một cánh đồng thì cánh đồng ấy thật bao la. Và Điền chỉ cần được một mảnh bằng cái máng ở sau nóc nhà Điền kia, cũng đủ cho Điền không còn phải lo sinh kế nữa. Điền sẽ trao cho vợ Điền cai quản. Còn Điền lúc ấy có thể rảnh rang theo đuổi cái mộng của Điền...

Đó là một cái mộng văn chương. Đã có một thời, Điền chăm chỉ đọc sách, viết văn. Điền náo nức muốn trở nên một văn sĩ. Điền sẽ nguyện cam chịu tất cả những thiếu thốn, đọa đày mà văn nhân nước mình phải chịu. Điền vẫn thường bảo với mọi người bạn cùng chí hướng: Điền sẵn lòng từ chối một chỗ làm kiếm mỗi tháng hàng trăm bạc, nếu có thể kiếm được năm đồng bạc về nghề văn... Nhưng viết luôn mấy năm trời, Điền chẳng kiếm được đồng nào. Trong khi ấy Điền vẫn phải ăn. Nhà Điền kiệt xác xơ. Các em Điền không được đi học. Mà cũng không được ăn no nữa. Sự túng thiếu đưa đến bao nhiêu là lục đục. Bố Điền bỏ nhà đi. Mẹ Điền gồng thuê, gánh mướn kiếm tiền nuôi hai đứa con thơ. Những đứa con lớn, đứa đi ở bế em, đứa đi ở chăn trâu, đứa đi xin những cái hoa chuối, những nắm khoai đội đi chợ xa bán để kiếm vài xu ăn cho khỏi chết. Điền thấy mình ích kỷ. Sự nghiệp mà làm gì nữa? Bốn phận Điền phải nghĩ đến gia đình. Điền phải nghĩ đến gia đình. Điền phải gây dựng lại gia đình. Điền phải tạm quên cái mộng văn chương để kiếm tiền. Điền đi dạy học. Chao ôi! Dạy học lấy mỗi tháng có hai mươi đồng. Bà mẹ Điền tưởng thế đã là phong lưu lắm. Bà bắt Điền cưới vợ. Vợ Điền là một con nhà khá giả, lấy Điền vì Điền là người có học. Rồi Điền

có con. Cái gia đình lớn của Điền đã chẳng được nhờ Điền, bây giờ lại thêm một gia đình con con nữa. Không một phút nào Điền không phải nghĩ đến tiền, óc Điền đầy những lo lắng nhỏ nhen. Một đôi khi chợt nhớ lại cái mộng xưa, Điền lại thở dài. Điền tự an ủi: có tiền rồi sẽ viết. Nhưng Điền biết: chẳng bao giờ Điền viết nữa, bởi chắc chắn là suốt đời Điền cũng không có tiền...

*

Tối nay lại có giảng. Nhưng Điền chỉ đem có hai cái ghế ra sân. Vợ Điền hôm nay luật quật suốt cả ngày. Con ở xin đi ăn giỗ một hôm. Thị lại phải dệt lấy tấm vải để mai đi bán về đưa lãi nợ. Dệt xong, thị vội vàng đi đòi món tiền. Về đến nhà, con bé khóc hết hơi. Con lớn thì lem luốc, mũi dãi nguếch ngoác bôi đầy mặt. Nhà cửa còn bẽ bộn. Con ở vẫn chưa về. Mình thị biết xoay xở làm sao kịp? Thị thấy lòng sôi lên sùng sục, thị giậm chân bành bịch kêu trời. Thị đánh con lớn, chửi con nhỏ, quăng cái chổi, đá cái thúng, và cầu nhàu trống không. Rồi thị bế con đi nằm sớm. Đứa con lớn thút thít khóc chán cũng lăn ra ngủ. Mình Điền ngồi ngoài sân. Điền cố thả nhiên. Nhưng da mặt cứ rôm rộm; nó có vẻ dày lên và tê tê. Điền thấy gần như tui cực. Vợ Điền có lẽ rất yêu Điền. Nhưng thị biết rằng người ta cần ăn cơm, mặc áo và uống thuốc khi đau ốm. Thị chỉ cố lo cho chồng ba thức ấy. Thị nhịn ăn để chồng ăn. Thị nhịn mặc cho chồng mặc. Thị bán đến cả yếm, áo để lo thuốc thang cho chồng. Thị tưởng thế là chồng sung sướng lắm. Nhưng không phải, Điền đã quen với những tình cảm nồng nàn và những lời nói vuốt ve. Nét mặt cau có, ngôn ngữ cục cằn, và nhất là cái lối yêu quá đơn sơ - có thể nói là thô sơ - của vợ Điền làm cho Điền khổ. Điền thấy cái đời tình cảm của Điền thiếu thốn. Điền không được yêu ai. Còn sống trong cái gia đình này mãi, giữa những lo lắng nhỏ nhen này mãi, lòng Điền sẽ cạn. Cạn luôn cả nguồn thơ quý báu, mà Điền vẫn ao ước có ngày lại khơi...

Trên kia, giảng nhớn nhơ như một cô gái non vừa mới có nhân tình. Gió

nhẹ nhàng đặt trên lá những bước chân vũ nữ. Những tà lá chuối lảng giăng đưa đẩy... Điền nghĩ đến những người đàn bà nhàn hạ, vừa tắm bằng một thứ nước thơm tho, mặc áo lụa xanh, ngả tấm thân mềm trên chiếc ghế xích đu và đưa đẩy đôi chân thướt tha...

Tại sao Điền lại vụt nghĩ đến những hình ảnh lả lơi ấy? Chính Điền cũng không thể hiểu. Có lẽ Điền ước ao một mái tóc thơm tho, một làn da mát mịn, một bàn tay ve vuốt. Có những người đàn bà đẹp, yêu rất khéo, bởi họ được ăn ngon, mặc đẹp, chăm sửa thịt da và chẳng làm gì cả.

Phải rồi, vợ Điền chỉ là một kẻ tục tằn. Thị chẳng đáng cho Điền yêu quý. Cũng chẳng đáng cho Điền thương hại. Điền phải đi. Đi để giữ cho lòng mình tươi lâu. Điền sẽ làm bất cứ cái gì đó để có ăn. Rồi Điền bình tĩnh viết. Có như vậy Điền viết mới ra hồn được. Lời phải đẹp. Ý phải thanh cao. Ngọn bút của Điền mới khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng. Nghệ thuật chính là cái ánh giăng xanh huyền ảo nó làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa...

Điền lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những cái ghế xích đu nhún nhảy... Những người ấy sẽ đọc văn Điền. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Điền. Họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tưởng tượng của Điền tỏa rộng ra như một ánh giăng. Điền nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương.

Những tiếng gặt gồng ở trong nhà lại đưa ra. Vụt cái, giăng mất đẹp. Điền cúi mặt, bẽn lèn như bị bắt gặp làm việc xấu. Điền lắng tai nghe. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi:

- Làm sao thế?

Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại:

- Con đau bụng.

- Giờ ời là giờ!

Ấy là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con:

- Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai?

Đứa con không dám khóc to. Nó chỉ oằn oại và rít nhỏ nhỏ trong cổ họng. Thình thoảng nó không còn sức nén, tiếng khóc bật ra, Điền nghe một vài tiếng nức nở như tiếng người nôn ọe, Điền vẫn ngồi cúi mặt. Một nỗi chua xót gần như là thuộc về thể chất, ứ lên trong lòng Điền. Nó dâng lên đến cổ, xông lên óc. Nước mắt Điền ứa ra.

Vợ Điền gượng nhẹ đặt đứa con đang ngủ mệt xuống võng. Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa quả chanh. Thứ thuốc bách bệnh của con nhà nghèo chỉ gồm có thế. Thị gạn lấy nước đem lại cho con. Con bé mới ngủ thấy hơi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dĩ thế nào nó cũng không chịu uống. Thị phải bế nó, đặt nằm ngửa trên đùi, một tay thị đỡ đầu, một tay thị kê chén nước gừng vào tận môi con. Con bé mím môi thật chặt. Bực mình thị quát:

- Há mồm ra!

Con bé khóc. Thế là cốc nước gừng đã dốc tuột vào mồm nó.

Nó giãy lên như đĩa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước gừng bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình, khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát đen đét vào lưng con bé ốm và quăng nó xuống giường như quăng một con mèo:

- Kệ cha mày! Cho mày chết đi!

Con bé vừa gào vừa van lạy:

- Con lạy bu! Cay con lắm! Con lạy bu! Cay mồm...

- Mày cầm ngay không tao tát cho vỡ mặt.

Nó vẫn không chịu lạng. Thị sừng sộ, chực vồ lấy nó:

- Mày có cầm không nào?

Nó sợ quá đành phải nín. Nhưng những tiếng rên nho nhỏ vẫn còn thoát ra... Điền thương con lắm. Vút cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ. Chao ôi! Giăng đẹp lắm! Giăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà giăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quẫn quại, nước nỡ, nhằn nhố với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nghiến răng và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lầm than!... Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rồi quá. Điền muốn tránh sự thực, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...

... Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gặt gồng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 439 (14-11-1942)

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Đời Thừa

Từ ngừng mắt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần, Từ muốn nói, nhưng lại không dám nói. Hăn đang đọc chăm chú quá. Đôi lông mày rậm của hăn châu đầu lại với nhau và hơi xếch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn. Đôi lưỡng quyền đứng sừng sững trên bờ hai hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy. Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyển sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Từ thấy sợ...

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng, rất tận tâm. Vả lại Hộ, đối với Từ, còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đã đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến: Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ ấy, Từ đã yêu hăn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần. Từ đã hiến mình một cách không dè dặt, tâm hồn và xác thịt. Và khi biết mình sắp có một đứa con, Từ không hề hối hận một mảy may; Từ rất bằng lòng. Ấy thế mà hăn đã phụ Từ, phụ một cách hèn nhát và khốn nạn, ngay chính vào lúc Từ cần đến hăn để bảo tồn sự sống và danh dự, lúc đứa con ra đời. Từ sửng sốt vô cùng. Từ không tin ở sự thật rành rành. Rồi khi sự sửng sốt qua thì Từ khóc. Từ khóc như mưa, khóc tưởng chẳng bao giờ còn lặng được. Từ khóc, và ôm con ngồi nhịn đói, bởi Từ chẳng còn biết trông cậy vào ai, trừ bà mẹ già mù và quanh năm, nay ốm, mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi. Bà mẹ già biết làm sao? Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con, và cả mẹ lẫn con

chỉ còn một cách là khóc cho đến khi nào bao nhiêu xương thịt đều chảy ra thành nước mắt hết, để rồi cùng chết cả. Giữa lúc ấy thì Hộ mở rộng đôi cánh tay ra, đón lấy Từ. Hộ nuôi Từ, nuôi mẹ già, con dại cho Từ. Hộ nhận làm bố cho đứa con thơ. Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ, Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ lại đứng làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa, thì cũng chưa đủ để mà đền ơn. Bởi thế, nên luôn mấy năm giờ, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm.

Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và thấy cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn. Trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bây giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tụn mუნ về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn mỗi ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngâm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn bản khoán nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời...

Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi tủi đau của một kẻ đàn ông khi thấy vợ mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhep, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại mỗi cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiêng răng, vò nát sách mà mắng mình như một thằng khốn nạn...

Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hần! Bởi vì hần chính là một thằng khốn nạn! Hần chính là một kẻ bất lương! Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật đê tiện. Chao ôi! Hần đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gọi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hần chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hần là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có...

Hần nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì mà nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hần để mặc vợ con khổ sở ư? Hần bỏ liều, hần ruồng rẫy chúng, hần hy sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hần thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hần nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: "Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ". Nhưng hần lại nghĩ theo rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương. Hần có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỷ đi; nhưng hần không thể bỏ lòng thương; có lẽ hần nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hần vẫn còn được là người: hần là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ biết đỡ kẻ khác lên trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, thì còn mong làm nên trò trống gì nữa?... Hần tự bảo: "Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ đã có một số vốn con để làm ăn!"...

Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu! Từ khi đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác đã vội ra, mà đứa con nào cũng nhiều đẹn, nhiều sài, quấy rức, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ săn sóc chúng đã

đủ ốm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Hộ điên người lên vì phải xoay tiền. Hãn còn điên lên vì con khóc, nhà không lúc nào được yên tĩnh để cho hãn viết hay đọc sách. Hãn thấy mình khổ quá, bức bối quá. Hãn trở nên cau có và gắt gỏng. Hãn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bức tức ở trong nhà, hãn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vùng vằng đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hãn đi lang thang, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng nguội bớt đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hãn tạt vào một tiệm giải khát nào mà uống một cốc bia hay cốc nước chanh. Hãn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngỏ ý kiến về một vài quyển sách mới ra, một vài tên ký mới trên các báo, phác họa một cái chương trình mà hãn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hãn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hãn thừ mặt ra, như một kẻ phải đi đày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trông một làn khói nặng u buồn mà nhớ quê hương. Hãn cũng nhớ nhưng một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng còn là mình nữa. Hãn lắc đầu tự bảo: "Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi!". Và hãn nghĩ đến cái tên hãn đang mờ dần đằng sau những tên khác mới trời ra, rực rỡ hơn... Rồi hãn ra về, thờ thẩn. Những sự bức tức đã chìm đi. Lòng hãn không còn sôi nổi nữa, nhưng rữ buồn...

*

Ít lâu nay, mỗi lần ra đi, Hộ không chỉ trở về buồn bã mà thôi. Hãn say mềm. Thường thường hãn đã ngủ một nửa ngay từ khi còn ở dọc đường; và vừa về đến nhà, chưa kịp thay quần áo, tháo giày, đã đổ như một khúc gỗ xuống bất cứ một cái giường nào, ngủ say như chết. Từ phải chờ khi con ngủ mệt, rón rén lừa con, dậy lại tháo giày, cởi quần tây cho hãn, luồn một cái gối xuống gáy hãn, và cố nhắc chân, nhắc tay hãn, đặt cho hãn nằm ngay ngắn lại... Nhưng cũng có đêm hãn chưa ngủ vội. Hãn lảo đảo bước vào nhà, mắt

gườm gườm, đôi môi mím chặt. Hấn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hấn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trở vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:

- Ngày mai... mình có biết không?... Chỉ ngày mai thôi! - Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi nhà này... Tôi đuổi tất, không một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như con nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chỉ khổ thằng này thôi!

Hấn rút lên như vậy. Rồi hấn lại mím chặt môi, đôi mắt ngầu ngầu nhìn vào tận mặt Từ. Từ chẳng dám cãi nửa lời, chỉ lẳng lặng cúi mặt nhìn xuống, như một đứa trẻ con biết mình có lỗi khi người ta quở phạt. Bởi vậy hấn trừng trộ một lúc rồi quay ra, loạng choạng cởi quần, cởi áo, hấn vắt bừa bộn xuống giường. Rồi hấn tháo giày, quăng từng chiếc một vào một xó nhà. Có khi máy tay, hấn quăng cả những vật gì thấy trên bàn, rồi lải nhải mắng Từ về tội không biết thu dọn nhà cho gọn ghẽ. Hấn nói chán rồi đi ngủ. Bấy giờ Từ mới dám đứng lên, treo quần áo cho hấn lên mắc và thu dọn tất cả những thức hấn đã vất lổng chổng ra đầy nhà.

Lần đầu, Từ sừng sốt. Từ chẳng hiểu ra sao. Từ đoán chồng nghe ai nói nên ghen bóng, ghen gió chi đây. Từ khóc suốt đêm và dự định sẵn những câu để sáng hôm sau nói. Nhưng sáng hôm sau, hấn không để cho Từ phải nói. Hấn bẽn lễn kêu mình đã quá chén tối hôm qua, hỏi Từ về những thủ đoạn vũ phu của mình rất buồn cười, rồi xin lỗi Từ, hôn hít các con như một người cha tốt. Hấn tuyên bố từ giờ chừa rượu và giữ được khá lâu, nhưng rồi lại uống và say như lần trước để làm những trò vừa buồn cười, vừa đáng sợ như lần trước. Cứ thế mãi, Từ quen đi, không giận nữa. Nhưng Từ lờ mờ hiểu nỗi đau khổ mà có lẽ chính Từ đã gây ra cho chồng. Từ hiểu và Từ buồn lắm, buồn lắm lắm. Còn gì buồn cho bằng mình biết mình làm khổ cho người mà mình yêu? Nhưng Từ biết làm sao được? Đã nhiều lần, Từ muốn ẵm con đi.

Đã nhiều lần Từ muốn bỏ liều con để đi làm. Từ muốn hy sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao! Từ là vợ! Từ là mẹ, Từ sống với những tình cảm thông thường của đàn bà, Từ rất yêu chồng và thường nhận ra rằng chồng Từ cũng yêu Từ, cũng muốn có Từ. Những khi Từ ốm đau chẳng hạn, Hộ lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ. Đối với các con cũng vậy. Chỉ xa chúng mấy ngày Hộ đã nhớ, và lúc về, thấy các con chạy ra reo mừng và nắm lấy áo mình, thường thường Hộ cảm động đến ứa nước mắt. Hăn hôn hít chúng vồ vập lắm... Biết đâu hăn sẽ sung sướng khi không con, không vợ? Từ nghĩ về hăn. Vả lại nếu không phải thế thì Từ cũng chẳng dám tìm cách mà xa hăn. Mới nghĩ đến sự xa hăn, Từ đã phải thốn thức đến bật tiếng khóc ra được rồi... Từ đành chỉ cố ngoan ngoãn hơn, đáng yêu hơn. Từ nhin mặc, nhin ăn để bớt những món tiêu. Từ thu xếp cửa nhà ngăn nắp, sạch sẽ, gọn gàng. Nhất là Từ hết sức ngăn những tiếng khóc, tiếng nô đùa của lũ con. Từ sợ cả nói với chồng. Bởi vậy ba lần nhìn chồng để toan nói, Từ thấy chồng đang đọc sách chăm chú quá, không dám nói, lại cúi mặt xuống nhìn đứa con nằm trong lòng Từ.

Nhưng Hộ bỗng ngoảnh mặt lên. Hăn vừa gặp được một đoạn hay lắm nên ngừng đọc ngẫm nghĩ và để cho cái khoái cảm ngân ra trong lòng. Đôi mắt hăn, tuy mới rời trang sách đã nhìn ngay lại phía Từ, nhưng phải một lúc lâu mới trông thấy đôi mắt hiền dịu của Từ. Hăn mỉm cười. Từ cũng mỉm cười. Hăn bảo:

- Này, Từ ạ... Nghĩ cho kỹ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ, chính tôi làm cái thân tôi khổ, tôi mê văn quá nên mới khổ. Ấy thế mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng giả thử có người giàu bạc vạn nào thuận đối lấy cái địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cho rằng: Những khi được đọc một đoạn văn như đoạn này, mà lại hiểu được tất cả cái hay, thì dầu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng. Sướng lắm! Sao thiên hạ lại có người tài đến thế? Mình tính: người ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất có ba câu, đúng ba câu! ... Mình có hiểu không? ... Ba câu giản dị một cách không ngờ -

mà hay được đến như thế này...

Hắn đọc lại đoạn văn. Hắn dịch nghĩa để Từ nghe. Hắn giảng giải cho Từ. Tuy Từ chẳng hiểu được bao nhiêu, nhưng cũng tin lời hắn lắm. Từ giữ mãi nụ cười hiền dịu trong khi nghe hắn nói. Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ ra:

- Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ?

- À phải! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên... Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo:

- Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...

Hộ sầm mặt lại:

- Tiền nhà... tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắt... còn chịu tất! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

Hắn nghĩ đến món tiền mà hắn đã tiêu phí mấy hôm đầu tháng. Mỗi lần bức tức hay chán nản, hắn lại đi uống rượu, thành thử tiền hết sớm. Từ không hé môi phản nản nửa tiếng, nhưng cả tháng Từ ăn và bắt các con ăn khem khổ, thường thường đói nữa! Quà sáng thì bỏ hắn. Có khi bữa tối cũng nhịn cơm, ăn cháo. Hộ trông thấy thế, thương vợ, thương con quá và ân hận vì mình đã tiêu quá trớn. Bởi vậy suốt từ mồng mười đến hết tháng, hắn không ra khỏi nhà để chẳng phải tiêu thêm tí gì...

Hắn vừa mặc quần áo, vừa nhắc thầm trong trí:

- Nhất định hôm nay không đi đâu cả... Lấy tiền xong là về ngay...

Nhưng Từ bảo:

- Mình đi phố thì đi ăn đi nhé. Còn có ít gạo chỉ đủ cho lũ trẻ. Em chả đong thêm nữa, để mai trả tiền rồi lấy luôn thêm một thể... Em không để cơm mình đâu đấy... Nhà chẳng còn gì ăn.

Hộ hơi cau mày. Bởi vì hăn sợ bước vào tiệm ăn lắm. Hăn có thể gặp ở đấy một vài người bạn... và khi ấy thì... ôi thôi! Mặc kệ gia đình và những cái gì còn lại!... Hăn sẽ uống rất khỏe, nói toàn những chuyện vá trời lấp biển, rồi đi la cà đến hết đêm mới về. Hăn nghĩ ngợi một chút rồi hăn bảo:

- Được! Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn.

- Đừng phiền nữa! Em cứ cho chúng nó ăn cơm trước rồi đi ngủ.

- Đừng ăn trước... Đợi tôi đem thức ăn về, ăn một thể. Tôi về sớm. Cả tháng chúng nó đã đói khát, khổ sở, hôm nay có tiền cũng nên cho chúng nó một bữa ra hồn.

Từ mỉm cười:

- Về chuyện!

Hăn mỉm cười, đáp lại. Hăn lại gần Từ, cúi xuống nắm lấy tay đứa bé và gọi nó. Mặt hăn và mặt Từ ghé sát. Hăn cố ý khẽ chạm môi mình vào má Từ một cái, Từ vờ rũ mấy cái bụi ở tay áo hăn. Vợ chồng nhìn nhau âu yếm. Hăn vuốt má Từ một cái rồi ra đi.

*

Ở tòa báo ra, Hộ đi thẳng tới một hiệu thịt quay. Hăn định mua mấy hào thịt, vài cái bánh tây, gói đem về. Lòng hăn sáng bừng. Hăn tưởng tượng ra cái cảnh lũ con cháu ăn và đói khát, rón thịt bằng tay và ăn những miếng bánh

thật to, miệng phụng phịu và môi bóng nhờn những mỡ. Cái cảnh thô tục và cảm động! Hắc sẽ cười thỏa thích. Còn Từ sẽ ngồi bên hắc mà nhìn chúng, đôi mắt sung sướng và thương hại loang loáng ướt... Đến trước cửa hiệu thịt quay, Hộ đứng lại. Hắc cẩn thận nhìn trước, nhìn sau trước khi vào. Một người quen có thể đi qua, và nếu họ bắt gặp hắc đang cố nhét một gói thịt vào túi áo!... Không! Không có gì đáng ngại, ngoài đường phố... Nhưng trong hiệu, một thiếu nữ đẹp đang mặc cả... Hắc đành đợi vậy. Trong khi đợi, hai tay chắp sau lưng, hắc làm ra vẻ đợi một người bạn vừa vào một nhà nào gần đấy. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắc giật mình quay lại. Trung nhếch mép cười lạng lẽ và Mão cười ồm ồm, cùng đưa tay cho hắc bắt:

- Mãi ngắm nàng thơ mà ngây người ra thế?

Hộ ấp úng:

- À! Các anh!...

- Không theo gót sen nào đấy chứ?

- Cái ấy không quan hệ! Thi sĩ là người giữ được mình trẻ mãi và đến muôn năm vẫn còn trinh bạch.

- Cũng may tôi lại cũng không là thi sĩ nổi.

- Nghĩa là chẳng theo nàng nào cả?

- Chẳng theo nàng nào cả!

- Thế thì đi theo hai thằng này!

Hộ nhìn Trung và Mão một thoáng rồi mới hỏi:

- Làm chi?

- Chẳng làm chi cả!

- Thế thì đệ kiểu. Đệ phải về kéo hết tàu điện.

Trung cau mặt nhìn Hộ một cách kinh ngạc và khinh bỉ:

- Sao lại có người điên đến thế? Về giữa lúc chiều thì đẹp mà phố thì vui thế này!

Hộ trở nên đứng đắn:

- Không đùa nữa... Thật ra thì tôi có việc phải về, thế thôi.

- Ờ! Nói vậy còn dễ nghe... Thôi thế anh về nhé!... Nhưng mà... này! Anh đã biết gì chưa?

Hộ đã toan đi, quay đầu lại nhìn Trung...

- "Đường về" sắp được dịch ra tiếng Anh đấy nhé! Bản quyền tác giả ba nghìn đồng.

Hộ trợn mắt lên. Người hần bồi hồi. Một lúc lâu hần mới hỏi được Trung:

- Có đích không?

- Đích xác rồi. Chính Quyền đưa cái thư điều đình cho chúng tôi xem.

Hộ có vẻ hoài nghi.

- Không mà lại!... Tôi biết lắm... Nhưng lại đảng này đã, về làm gì vợ? Chúng mình làm cốc bia...

Hộ đã quên hần vợ con. Hần chỉ còn háo hức muốn biết thêm về việc quyền "Đường về" của Quyền được dịch ra tiếng Anh. Hần bám lấy Mão và

Trung. Ba người vào một tiệm giải khát ở Bờ Hồ... Và chỉ độ nửa giờ sau, Mỗ và Trung đã thấy Hộ đỏ tai, động một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn:

- Cuốn "Đường về" chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu? Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu!

Trung gật gù cười, vẫn cái cười lặng lẽ của y. Mỗ thì cười hô hố. Hộ không cười, mặt căng lên vì hứng khởi. Hãn nói say sưa lắm. Và đến lúc đèn phổ bật, Trung và Mỗ muốn về, Hộ bảo luôn:

- Thông thả đã! Đi đâu mà vội? Chúng mình đi uống rượu... Tôi có tiền...

*

Sáng hôm sau. Hãn thức dậy trên cái giường nhà hãn. Hãn thấy mình mảy đau như dằm, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và khát cháy. Hãn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hã còn ấm ấm. Đó là một sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bởi hãn lơ mơ nhớ ra rằng: hình như đêm qua hãn say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; hình như hãn lại đánh cả Từ, đuổi Từ đi, rồi mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hãn đột nhiên hoảng sợ, nhồm dậy, mắt nhớn nhác tìm Từ. Nhưng không! Từ vẫn còn nhà... Chắc hãn trong lúc quá say, hãn gài cửa, nhưng chưa gài được, thành thử khi thấy hãn ngủ mết rồi, Từ lại bế con vào. Bây giờ Từ đang thiếp đi trên võng, đứa con nhỏ nằm bên. Từ vốn dậy sớm quen.

Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép vồng, sã xuống, cái bàn tay hơi xòe ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hăn bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vất vả lộ ra cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng: một đôi lúc, nếu nhìn kỹ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần Từ, nhìn kỹ nét mặt Từ lúc bấy giờ ra sao? Hăn rón rén, đi chân không lại. Hăn ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh vồng và cố thở cho thật khẽ. Hăn ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt; môi nhợt nhạt; mi mắt hơi tím tím và chung quanh mắt có quầng; đôi má đã hơi tóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ sẽ thở dài và lắc đầu ái ngại. Hăn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lưng còng rất những xương! Trên mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra làn da mỏng và xanh trong, xanh lọc. Cái cổ tay mỏng mảnh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hăn che chở và bênh vực... Một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hăn vỗ về an ủi... Thế mà hăn đã làm gì để cho đời Từ đỡ khổ hơn? Hăn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ? Nước mắt hăn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hăn khóc... Ôi chao! Hăn khóc. Hăn khóc nức nở, khóc như thế không ra tiếng khóc. Hăn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và Từ cảm động. Mắt Từ giàn giụa nước. Từ khẽ rút tay ra, vòng lên cổ chồng, nhẹ nhàng níu hăn vào, để hăn gục đầu lên cạnh ngực Từ. Hăn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

- Anh... anh... chỉ là... một thằng khốn nạn!...

- Không!... Anh chỉ là một người khổ sở!... Chính vì em mà anh khổ...

Từ bảo thế. Tay Từ níu mạnh hơn một chút. Ngực Từ thốn thức. Từ chực ngã đầu sát vào vai Hộ. Nhưng đứa con, bị giằng, khóc thét lên. Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướn lẹ, Từ dỗ nó:

- A! Mợ đây! Mợ đây mà! Ôi chao! Con tôi nó giật mình... Mợ thương...

Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa vồng... Từ vừa đưa vừa hát:

Ai làm cho khói lên giời,

Cho mưa xuống đất, cho người biệt ly.

Ai làm Nam, Bắc phân kỳ,

Cho hai hàng lệ đầm đìa tẩm thân...

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Chí Phèo

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: Đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: "Chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này! A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiêng răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

*

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương đã thấy hắn trần truồng và xám ngắt trong một cái váy đụp để bên một cái lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hắn cho một bác phó cối không con và khi bác phó cối này chết thì hắn bơ vơ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ. Năm hai mươi tuổi, hắn làm canh điền cho ông Lý Kiến, bây giờ là cụ Bá Kiến, ăn tiên chỉ làng. Hình như, có mấy lần bà Ba nhà ông Lý, còn trẻ lắm mà lại hay ốm lửng, bắt hắn bóp chân, hay xoa bụng, đấm lưng gì đấy. Người ta bảo ông Lý ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà thì lại sợ cái bà Ba còn trẻ này. Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông Lý thì hay đau lưng lắm; những

người có bệnh đau lưng thì hay sợ vợ mà chúa đời là khỏe ghen. Có người bảo ông Lý ghen với anh canh điền khỏe mạnh mà sợ bà Ba không dám nói. Có người thì lại bảo anh canh điền ấy được bà Ba quyền thu quyền bổ trong nhà tin cần nên lấy trộm tiền trộm thóc nhiều. Mỗi người nói một cách. Chẳng biết đâu mà lần. Chỉ biết có một hôm Chí bị người ta giải huyện rồi nghe đâu phải đi tù. Không biết tù mấy năm, nhưng hăn đi biệt tăm đến bảy, tám năm, rồi một hôm, hăn lại lù lù ở đâu lần về. Hăn về lớp này trông khác hăn, mới đầu chẳng ai biết hăn là ai. Trông đặc như thằng sảng cá! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hăn mặc quần nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!

Hăn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngời ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều. Rồi say khướt, hăn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà Bá Kiến, gọi tên tục ra mà chửi. Cụ Bá không có nhà. Thấy điệu bộ hung hăng của hăn, bà Cả đùn bà Hai, bà Hai thúc bà Ba, bà Ba gọi bà Tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám ra nói với hăn một vài lời phải chăng. Mặc phải cái thằng liều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhắm nhắm cầm một cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả... Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chặt, rồi mặc thầy cha nó, nó chửi thì tai liền miệng đấy, chửi rồi lại nghe! Thành thử chỉ có ba con chó ra gây điều. Ba con chó dữ với một thằng say rượu!... Thật là ầm ĩ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà Cả, bà Hai, bà Ba, bà Tư nhà cụ Bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ Bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao! Họ bảo nhau: Phen này cha con thằng Bá Kiến đổ còn dám vác mặt đi đâu nữa! Mồ mả tổ tiên đến lộn lên mất. Cũng có người hiền lành hơn thì bảo: "Phúc đời nhà nó, chắc ông Lý không có nhà...". Ông Lý đây là ông Lý Cường, con giai cụ Bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm như rác. Phải ông Lý Cường thử có nhà xem nào! Quả nhiên họ nói có sai đâu! Đây, có tiếng người sang

sảng quát: "Mày muốn lòi thoi gì?... Cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lòi thoi gì?..." Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng Lý Cường. Lý Cường đã về! Lý Cường đã về! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu. Ôi! Cái gì thế này? Tiếng đấm tiếng đá nhau bình bịch. Thôi, cứ gọi là tan xương! Bỗng "choang" một cái, thoi phải rồi, hấn đập cái chai vào cột cổng... Ồ hấn kêu! Hấn vừa chửi vừa kêu làng như người ta cắt họng. Ồ hấn kêu!

- Ồi làng nước ôi! Cứu tôi với... Ồi làng nước ôi! Bố con thằng Bá Kiến nó đâm chết tôi! Thằng Lý Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!...

Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá! Mấy con chó xông xáo quanh hấn, sủa rất hăng. Lý Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ! Ngõ là gì, chẳng hóa ra nằm ăn vạ! Thì ra hấn định đến đây nằm vạ!

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối xung quanh ùn ra biết bao nhiêu là người! Thật ồn ào như chợ. Bà Cả, bà Hai, bà Ba, bà Tư nhà cụ Bá cũng vững dạ vì có anh Lý, cũng sừng sĩa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo làm ra sao? Không khéo nó cố ý gieo vạ cho cụ ông phen này...

Nhưng kìa cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi: "Cái gì mà đông thế này?". Chỗ này "Lạ cụ", chỗ kia "Lạ cụ" người ta kính cần đứng giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài, không nhúc nhích, rên khe khẽ như gần chết.

Thoáng nhìn qua, cụ đã hiểu cơ sự rồi. Làm lý trưởng rồi chánh tổng, bây giờ lại đến lượt con cụ làm lý trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ quát mấy bà vợ đang sừng sĩa chực tâng công với chồng:

- Các bà đi vào nhà; đàn bà chỉ lòi thoi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dụi giọng hơn một chút:

- Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ Bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: Người nhà quê vốn ghét lời thôi. Ai đại gì đứng ì ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng. Sau còn trở lại Chí Phèo và cha con cụ Bá. Bây giờ cụ Bá mới lại gần hẳn, khẽ lay và gọi:

- Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

- Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ Bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm. Người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười.

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngóe đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì ta nói chuyện tử tế với nhau, cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn:

- Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu nên nổi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại

thằng Lý Cường nóng tính không biết nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ Bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát:

- Lý Cường đầu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên!

Cụ dắt Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hắn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què. Là vì lúc ấy trong người hắn rượu đã hơi nhạt rồi, không còn kêu gào chửi bới; và không còn nghe kêu gào chửi bới, hắn thấy hình như không còn hăng hái nữa. Sự ngọt ngào làm mềm nhũn. Và lại những người đứng xem về cả rồi, hắn thấy hắn hình như trở trối. Cái sợ cố hữu trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi thừa ngày xưa, hắn thấy quá là táo bạo. Không táo bạo mà dám gây sự với cha con Bá Kiến, bốn đời làm tổng lý. Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai. Hắn làm cái ông gì ở làng này? Không vây cánh, không họ hàng thân thích; anh em không có, đến bố mẹ cũng không... Ồ, thế mà cũng dám độc lực chơi nhau với lý trưởng, chánh tổng, bá hộ tiên chỉ làng Vũ Đại, chánh hội đồng kỳ hào, huyện hào, Bắc Kỳ nhân dân đại biểu, khét tiếng đến cả trong làng huyện. Thử hỏi đã có mặt nào trong cái làng hơn hai nghìn suất đinh này làm được thế? Kể làm rồi có chết cũng cam tâm. Vậy mà không: Cái cụ Bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn, mời hắn vào nhà xơi nước. Thôi cũng hả, đã xử nhũn thì hắn vào. Nhưng bỗng hắn lại hơi ngần ngại; biết đâu cái lão cáo già này nó chả lại lừa hắn vào nhà rồi lôi thôi? Ờ mà thật, có thể như thế lắm! Nay nó hãy lôi ngay mấy cái mâm cái nôi hay đồ vàng đồ bạc ra khoác vào cổ hắn, rồi cho vợ ra kêu làng lên, rồi cột cổ hắn vào, chần cho một trận om xương, rồi vu cho là ăn cướp thì sao? Cái thằng Bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đốn cái nước gì mà chịu lép như trấu thế? Thôi đại gì mà vào miệng cọp, hắn cứ đứng đây này, cứ lại lẩn

ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào. Nhưng nghĩ ngợi một tí, hăn lại bảo: kêu lên cũng không nước gì! Lão Bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai về nhà nấy, hăn có lẫn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra? Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt mấy nhát nữa thì cũng đau. Thôi cứ vào! Vào thì vào, cần quái gì. Muốn đập đầu thì vào ngay giữa nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài. Cùng lắm, nó có giở quẻ, hăn cũng chỉ đến đi ở tù. Ở tù thì hăn coi là thường. Thôi cứ vào.

Vào rồi, hăn mới biết những cái hăn sợ là hão cả. Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hăn thật. Không phải cụ đón, chính thật cụ khôn róc đời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ cố cùng liều thân. Chí Phèo không anh hùng, nhưng nó là cái thẳng liều lĩnh. Liều lĩnh thì còn ai thêm chấp! Thế nào là mềm nắn rắn buông? Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cái gì cũng đè đầu ấn cổ thì lại bán nhà cho sớm. Cụ vẫn bảo Lý Cường như thế đấy. Vũ dũng như hăn mà làm lý trưởng là nhờ có cụ. Cụ mà chết đi rồi, "chúng nó" lại không cho ăn bòn.

Tiếng vậy, làm tổng lý không phải việc dễ. Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ xa tỉnh, kể ăn thì cũng dễ ăn nhưng không phải dễ mà làm lý trưởng rồi thì cứ việc ngồi mà khoét. Hồi năm nọ, một thầy địa lý qua đây có bảo, đất làng này vào cái thế "quần ngư tranh thực", vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mồi. Mồi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy mối, bè nào cũng muốn ăn. Ngoài mặt thì tử tế với nhau, nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng muốn cho nhau lụn bại để cười lên đầu lên cổ. Ngay thẳng Chí Phèo này đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ấy đến? Nếu cụ không chịu nhin, làm cho to chuyện có khi tốn tiền. Cái nghề quan bắm thẳng có tóc, ai bắm thẳng trọc đầu? Bỏ tù nó thì dễ rồi; nhưng bỏ tù nó, cũng có ngày nó được ra, liệu lúc ấy nó có để mình yên không chứ? Cụ phải cái vụ thẳng Năm Thọ, mãi đến giờ vẫn chưa quên.

Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu. Hồi ấy, Bá Kiến mới ra làm

lý trưởng, nó hình như kình nhau với lão ra mặt; Lý Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. Được ít lâu, hăn can dự vào một vụ cướp bị bắt giam; Lý Kiến ngấm ngấm vận động cho vào tù. Vẫn tưởng một người vai vế như Năm Thọ mà thất cơ lỡ vận đến nỗi tội tù làm gì còn dám vác cái mặt mo về làng? Lý Kiến mừng thầm rằng đã nhỡ được cái đình trước mắt. Nào ngờ một buổi tối Lý Kiến đang ngồi một mình soạn giấy má thì Năm Thọ vác dao xộc vào. Nó đứng chặn lấy cửa và bảo: Nếu kêu một tiếng thì đâm chết liền. Thì ra nó vượt ngục và về đây nhờ ông Lý một cái thẻ mang tên một người lương thiện và một trăm đồng bạc để trốn đi. Nó lại bảo: Nghe nó thì nó đi biệt, mà không nghe thì nó đâm chết, rồi muốn ra sao thì ra; còn muốn sống với vợ con thì nghe nó.

Lẽ tất nhiên Lý Kiến nghe, Năm Thọ đi phen ấy là mất tâm, cũng không bao giờ về nữa thật. Nhưng thói đời, tre già măng mọc, có bao giờ hết những thằng du côn? Năm Thọ vừa đi, lại có Binh Chức ở đâu lần về. Mà thằng này lúc nó còn ở nhà, nào nó có ngạo ngược gì cho cam! Người ta đã phải gọi hăn là cục đất. Ai bảo làm sao thì ư hừ làm vậy, mới quát một tiếng thì đã đá cả ra quần, thuế bổ một đồng thì đóng quá hai, đến nỗi có con vợ hay hay mắt, bị người ta ghẹo cũng chỉ im im rồi về nhà hành vợ chứ chẳng dám ho he gì. Thế đấy, cái nghề đời hiền quá hóa ngu, ở đâu chứ ở đất này đã ngu, đã nhin thì chúng nó ăn cho đến không còn ngóc đầu lên được. Hăn làm thì làm cật lực mà quanh năm vẫn nghèo rớt mùng tơi; chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn; đĩa nào nó vớ được nó cũng xoay, mà đĩa nào xoay cũng chịu. Sau cùng bức quá, hăn ra đi lính. Lại càng thêm tội! Không bức còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sây sốt ra ngoài, nhưng vẫn là vợ mình. Bức thì hóa ra mất vợ. Bởi vì chị vợ ở nhà còn trẻ, mới hai con, cái mắt sắc như dao lại hồng hồng đôi má, bỗng nhiên lại sinh ra vắng chồng, của ngon trời trời ngay trước mắt, ai mà chịu được?

Nhà chị Binh ở gần đường. Ông phó đi đánh bạc đêm về cũng tạt vào; anh trương tuần đi tuần cũng tạt vào; anh hàng xóm cũng mò sang, thậm chí đến

cái thằng hương điền, đầu hai thứ tóc, già đời làm đầy tớ cho các ông lý trưởng, cũng mon men vào gạ gẫm. Vợ Binh Chức nghiêm nhiên trở thành một con nhà thổ không phải trả tiền để bọn lý dịch nhỏ nhọ trong làng chuyên đổi. Chính ngay Lý Kiến, tuy hồi ấy đã có đến ba vợ, cũng không nỡ bỏ hoài cái của không đừng được trời cho; và không bỏ hoài, ông còn được lợi. Mỗi lần chị Binh đi lĩnh lương hay lĩnh măng đa của chồng, phải mượn ông Lý đi nhận thực. Không ông Lý nào vác của nhà đi ăn mà nhận thực cho người ta, điều ấy đã cố nhiên. Nhưng với Lý Kiến thì không những cơm rượu tiền túi, còn phải cho ngồi xe chung và còn ở lại tỉnh nữa.

Thế là mấy đồng bạc lương đi đời; mấy đứa con của chị ngày mai chỉ được mấy cái kẹo đạn mút, hay hậu hĩnh ra thì được mấy cặp bánh giầy giò ăn. Thành thử công lao anh Binh, rút lại chỉ cho chị Binh mỗi tháng một lần hưởng những cuộc vui với ông Lý nhà.

Chẳng hiểu anh ta cũng biết thế mà chán cảnh nhà hay sao mà mãi hạn ba năm cũng không thấy trở về. Rồi ít lâu sau, có trát về làng bắt tróc nã và áp giải tên Trần Văn Chức. Lý Kiến khai tên ấy thuộc hạng dân lưu tán không về làng. Nhưng khai hôm trước thì hôm sau hẩn về. Lý Kiến sai đầy tớ đem trát đến nhà đòi hẩn. Hẩn đến ngay, nhưng lại dẫn theo cả vợ và hai con. Không đợi ông Lý nói một câu, hẩn rút con dao chọc tiết lợn ra, nhắm nhắm cầm ở tay mà bảo rằng: "Chẳng giấu gì ông, tôi can án giết người. Nếu ông không thương, mà bắt giải thì vợ con tôi chết đói. Thôi thì đăng nào chúng nó cũng chết, tôi đâm chúng nó chết ở đây rồi ông bắt đi ở tù luôn thế". Mắt hẩn đỏ ngầu; lưỡi dao hẩn hoa lên loang loáng, chỉ trông cũng lạnh gáy. Hẩn có thể giết người được lắm, mà chắc không phải chỉ giết vợ và con thôi, khi hẩn đã có gan đâm chết vợ con thì hẩn còn kiêng gì cái cổ của người khác nữa? Lý Kiến nghĩ ngợi một lúc rồi bảo cứ về rồi ông liệu. Ông liệu nghĩa là ông che đậy cái án của hẩn không cho ai biết và mỗi lần có trát về nhắc, ông lại khai rằng: vẫn chưa có tên Chức về. Thế là hẩn cứ nghiêm nhiên sống ở ngay chính quê hương hẩn. Và bây giờ người ta thấy vợ hẩn rất chính chuyên mà

lại trung thành, thị chăm chỉ làm ăn để nuôi hăn; những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chàng màng thì phải tội; ai cũng sinh ra tử tế cả chỉ trừ anh Bình, bởi vì Chức bây giờ lại rất mực ngang ngược. Hăn ăn vườn đấy, nhưng chẳng nộp thuế cho ai. Thúc hăn thì hăn chửi, cấm vườn hăn thì hăn chém, sinh chuyện với hăn thì chính lý trưởng làng có lỗi bởi cố ý ản lậu hăn là một tên can phạm. Ấy thế mà hăn cũng chưa vừa lòng đâu.

Một hôm, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, hăn vác dao đến bảo thẳng vào mặt Lý Kiến rằng:

- Hồi tôi còn tại ngũ, tôi gửi về nhà có trăm. Không biết vợ tôi nó tiêu pha gì, hay cho giai mà không còn một đồng nào cả. Tôi hỏi nó thì nó bảo: Ở nhà đàn bà con gái một mình, không dám giữ tiền, được đồng nào mang gửi ông Lý cả. Tôi sợ nó bịa ra nên đã trối sẵn nó ở nhà. Bây giờ tôi đến thưa với ông, tính toán xem được bao nhiêu cho đem về nuôi cháu. Thiếu một đồng thì tôi không để yên cho chúng nó.

Lý Kiến hiểu rằng: "chúng nó" đây có thể gồm cả ông. Ông cười nhạt bảo rằng:

- Thế này này, anh Bình ạ: chị ấy gửi tôi thì quả là không có...

Hăn trợn mắt lên quát:

- Thế thì thẳng nào ăn đi?

Lý Kiến vội nói lắp ngay:

- Thế nhưng mà anh có thiếu tiền thì cứ bảo tôi một tiếng. Chị ấy trót tiêu đi rồi thì có giết cũng chẳng ra. Lôi thôi làm gì cho sinh tội.

Ông mở tráp quăng cho hăn năm đồng bạc. Hăn cầm lấy, "lạy ông" tử tế,

rồi xách dao ra về. Từ hôm ấy, hắn thành tử tế với Lý Kiến, nhận là chỗ đầy tớ chân tay nhưng Lý Kiến thỉnh thoảng vẫn phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoái đây, hắn chết...

*

Thì năm nay lại nảy ra Chí Phèo, một thằng hiền lành như đất - tội nghiệp cho hắn, có lần Lý Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho bà Ba, vừa run run! Bỗng nhiên vùng dậy giở toàn những giọng uống máu người không tanh. Thì ra già néo đứt dây. Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng: đề nén con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng đi là đại. Mười thằng đã đi ra thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, cái tính ương ngạnh học được từ phương xa. Một người khôn ngoan chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngấm đầy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dặt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn đập ghế, đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì vất trả lại năm hào "vì thương anh túng quá"! Và cũng phải tùy mặt nữa: những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn chính là những thằng sợ quan, dễ bóp; trái lại những thằng tứ cố vô thân, giết chúng thì dễ, nhưng giết được, chỉ còn có xương; mà gây với chúng là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình. Làng nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè kết đảng chung quanh một người; cánh cụ Bá Kiến, cánh ông Đội Tảo, cánh ông Tư Đạm, cánh ông Bát Tùng... Bằng ấy cánh du lại với nhau để bóc lột con em, nhưng vẫn ngấm ngấm chia rẽ, nhè từng chỗ hở để mà trị nhau. Cụ lại nhận ra rằng: ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ ề cổ làm nuôi bọn hào lý, nhưng chính bọn hào lý, nhiều khi lại phải ngậm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng nên liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình.

Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở. Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đinh suốt đời bị đề nén sở dĩ bị đề nén suốt đời, chỉ vì khi bị đề nén chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ Bá Kiến không cần than thở: trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng cũng phải có những

thằng đầu bò chứ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai mà trị những thằng đầu bò? Thế lực của cụ sở dĩ lấn át được những vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu dụng những thằng bạt mạng không sợ chết và không sợ đi tù. Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó dăm hào uống rượu, là có thể sai nó tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người bướng bỉnh, đánh thép thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy nhát dao; gặp người non mặt, thì nó quăng vào chai rượu lậu, hay là gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế. Thuế một năm có một lần, nếu chỉ trông vào đấy thì bán cha đi cũng không đủ để bù vào chỗ ba, bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triện đồng.

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà Bá Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê! Bá Kiến đã không vu vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười: hắn chẳng cần đến ba xu. Lúc ngồi tùhắn có học mót được mấy bài thuốc dẫu: chỉ vài nắm lá, là mặt hắn lại đâu vào đấy ngay. Còn đồng bạc lại để đi uống rượu...

*

Hắn uống được có ba hôm, hôm thứ tư thì hắn trợn mắt lên, bảo con mẹ hàng rượu rằng:

- Hôm nay ông không có tiền; nhà mày bán chịu cho ông một chai. Tối ông mang tiền đến trả.

Mụ hàng rượu hơi ngần ngừ. Thế là hắn rút bao diêm đánh cái xòe, châm lên mái lều của mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om sòm, vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc meo meo, mụ đưa chai rượu. Hắn hầm hầm, chĩa vào mặt mụ mà bảo rằng:

- Cái giống nhà mày không ưa nhẹ! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu! Mày tưởng ông quýt hờ? Mày thử hỏi cả làng xem ông có quýt của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền! Ông còn gửi đăng cụ Bá, chiều nay ông đi lấy về ông trả.

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo:

- Chúng cháu không dám chắc lép nhưng quả là ít vốn.

Hắn quát lên:

- Ít vốn thì tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao?

Rồi hắn xách chai về. Hắn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà. Lúc đi đường, hắn đã vụng được ở nhà nào đó bốn quả chuối xanh, và bốc của cô hàng xén một dúm con muối trắng. Bây giờ hắn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy rằng cũng ngon. Hắn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong, hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà Bá Kiến. Gặp ai hắn cũng bảo: hắn đến nhà cụ Bá Kiến đòi nợ đây! Mới trông thấy hắn vào đến sân, Bá Kiến đã biết hắn lại đến sinh sự rồi. Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì lão đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật. Cũng may hắn không cầm vỏ chai, Bá Kiến cũng đồng dặc hỏi:

- Anh Chí đi đâu đấy?

Hắn chào to:

- Lạy cụ ạ. Bẩm cụ... Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ. Giọng hắn lè nhè và tiếng đã gần như méo mó. Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành: hắn vừa gãi đầu gãi tai, vừa lải nhải:

- Bầm cụ, từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù, bầm có thể, con có dám nói gian thì trời tru đất diệt, bầm quả đi ở tù sướng quá. Đi ở tù còn có cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước, một thước đất cắm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bầm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù...

Cụ Bá quát, bắt đầu bao giờ cụ cũng quát để thử dây thần kinh của người.

- Anh này lại say khướt rồi!

Hắn xông lại gần, đảo ngược mắt, giơ cái tay lên nửa chừng:

- Bầm không ạ, bầm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù mà nếu không được thì... thì... thưa cụ...

Hắn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hắn giơ ra: đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hắn nghiêng răng nói tiếp:

- Vâng, bầm cụ, không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện.

Rồi hắn cúi xuống, tần mẩn gọt cạnh cái bàn lim. Cụ Bá cười khanh khách. Cụ vẫn tự phụ hơn đời cái cười Tào Tháo ấy. Cụ đứng lên vỗ vai hắn mà bảo rằng:

- Anh bừa lắm. Nhưng này, anh Chí ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì. Đội Tào nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được thì tự nhiên có vườn.

Đội Tào là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kình nhau với nhà cụ Bá mà cụ Bá thường vẫn phải chịu bởi hắn là cự bình, lương hưu trí nhiều, quen thuộc nhiều, lại ăn nói giỏi. Hắn vay cụ Bá năm mươi đồng đã từ lâu, bây giờ đột nhiên trở mặt vô tuột, lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè Lý Cường ra làm lý trưởng chưa tạ hắn. Cụ Bá tức như

chọc hòng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng Binh Chức, đầy tớ tay chân của cụ, khả dĩ đương đầu với hăn được, chết năm ngoái rồi. Bây giờ cụ mới lại gặp được Chí Phèo, có thể thay cho Binh Chức. Cụ thử nói khích xem sao. Nếu nó trị được Đội Tảo thì tốt lắm. Nếu nó bị Đội Tảo trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, đảng nào cũng có lợi cho cụ cả.

Chí Phèo nhận đi ngay! Hăn tức khắc đến nhà Đội Tảo, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ. Giá gặp phải hôm khác, thì có án mạng rồi: Đội Tảo cũng có thể đâm chém được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hăn, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hăn ốm liệt giường, không sao nhắc mình dậy được, có lẽ hăn cũng không biết Chí Phèo chửi hăn. Vợ hăn, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa cho người nhà đi theo Chí Phèo. Đàn bà vốn chuộng hòa bình; họ muốn yên chuyện thì thôi, gai nhọn làm gì cho sinh sự. Và lại bà Đội cũng nghĩ rằng: chồng mình đang ốm... Và năm chục bạc đối với mình là mấy, lòi thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng!

Vì thế, Chí Phèo mới được vênh vênh ra về; hăn thấy hăn oai thêm bậc nữa. Hăn tự đắc: "Anh hùng làng này cóc bằng ta!". Cụ Bá thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản xem chừng thích thú. Cụ đưa luôn cho anh đầy tớ năm đồng.

- Anh Chí ạ, cả năm chục đồng này phần anh. Nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu, còn để tôi bán cho anh mảnh vườn; không có vườn đất thì làm ăn gì?

Chí Phèo "vâng dạ" ra về. Mấy hôm sau, cụ Bá bảo Lý Cường cho hăn năm sào vườn ở bãi sông cấm thuế của một người làng hôm nợ. Chí Phèo bỗng thành ra có nhà. Hồi ấy hăn mới đâu hăm bảy hay hăm tám...

*

Bây giờ thì hăn đã thành người không tuổi rồi. Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi? Cái mặt hăn không trẻ cũng không già; nó không còn là mặt người; nó là mặt của con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? Cái mặt hăn vàng vàng mà lại muốn sạm màu gio; nó vẫn dọc vẫn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là sẹo. Vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn vạ kêu làng, bao nhiêu lần, hăn nhớ làm sao nổi? Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại, người ta giao cho hăn làm! Những việc ấy chính là cuộc đời của hăn; cuộc đời mà hăn cũng chẳng biết đã dài bao nhiêu năm rồi. Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tuổi hăn cũng không có, trong sổ làng người ta vẫn khai hăn là dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hăn nhớ mang máng rằng có lần hăn hai mươi, rồi hăn đi ở tù, rồi hình như hăn hăm nhăm không biết có đúng không? Rồi từ đấy, hăn bao giờ cũng say. Những cơn say của hăn tràn cơn này sang cơn khác, thành một cơn dài, mê mông, hăn ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy vẫn còn say, đập đầu, rạch mặt, chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận. Chưa bao giờ hăn tỉnh, và có lẽ hăn chưa bao giờ tỉnh táo, để nhớ rằng có hăn ở đời. Có lẽ hăn cũng không biết rằng hăn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, đã tác quái cho bao nhiêu dân làng. Hăn biết đâu hăn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hăn đâu biết vì hăn làm tất cả những việc ấy trong khi người hăn say; hăn say thì hăn làm bất cứ cái gì người ta sai hăn làm. Tất cả dân làng đều sợ hăn và tránh mặt hăn mỗi lần hăn qua.

Vì thế cho nên hăn chửi hay là chẳng vì cái gì hăn cũng chửi, cứ rượu xong là hăn chửi. Hăn chửi như những người... say rượu hát. Giá hăn biết hát thì có lẽ hăn không cần chửi. Khổ cho hăn và khổ cho người, hăn lại không biết hát. Thì hăn chửi, cũng như chiều nay hăn chửi...

Hăn chửi trời và hăn chửi đời. Hăn chửi cả làng Vũ Đại. Hăn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hăn. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hời,

tức mình, hăn chửi đũa nào đẻ ra chính hăn, lại càng không ai cần! Và hăn lấy thế làm ức lắm; bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình; chửi nhau một mình thì còn văn vẻ gì! Thế là chắc chắn đã có một cơ để tức tối, một cơ rất chính đáng để hăn có thể hùng hổ đi báo thù. Phải, hăn phải báo thù, báo thù vào bất cứ ai. Hăn phải vào một nhà nào mới được, bất cứ nhà nào. Hăn sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hăn gặp để đập phá, đốt nhà hay lăn ra kêu làng nước. Phải đấy, hăn sẽ rẽ vào bất cứ cái ngõ nào hăn gặp... À, đây kia rồi, mau mau...

Nhưng mà mặt trăng lên, mặt trăng rằm vành vạnh. Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh. Ồ, cái gì đây, đen và méo mó trên đường trắng tinh. Ồ, cái gì đây, đen và méo mó trên đường trắng nhể nhại? Nó xệch xạc về bên trái, nó xệch xạc về bên phải, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách ra vài chỗ. Nó cứ quần quật dưới chân Chí Phèo. Chí Phèo đứng lại và nhìn nó và hăn bỗng nghiêng ngả cười. Hăn cười ngật nghèo, cười rũ rượi. Giá hăn cứ chửi lại còn dễ nghe! Cái vật xệch xạc trên đường là bóng hăn. Thế là hăn cười, và hăn quên báo thù: hăn đi qua cái ngõ đầu tiên kia rồi. Bây giờ thì đến ngõ nhà Tự Lãng, một anh thầy cúng có bộ râu lơ phờ. Chí Phèo bỗng nảy ra một ý: tạt vào đây và đập cái đàn châu văn của lão Tự nửa mùa này ra. Bởi vì lão Tự này vừa làm thầy cúng lại vừa làm nghề hoạn lợn. Cái đàn của lão lừng phừng nghe còn chối tai hơn lợn kêu. Nhưng lúc vào thì lão Tự lại đang uống rượu; lão uống rượu ngay ở sân, vừa uống vừa vuốt râu, vừa rung rung cái đầu. Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay. Hăn thấy tất cả những người uống rượu đều hay hay. Rồi đột nhiên hăn khát, trời ơi, sao mà khát! Khát đến cháy cổ họng... Không do dự, hăn lại bên lão Tự, nhắc lấy chai rượu, ngửa cổ dốc vào mồm tu. Lão Tự đuổi cái cổ gà vạt lông ra, trố mắt lên, nhưng không nói gì. Lưỡi lão riu lại rồi, còn nói làm sao được? Lão đã uống hết hai phần chai. Còn một phần thì Chí Phèo tu nốt. Hăn tu có một hơi, rồi khà một cái, chép chép cái miệng như còn thèm. Rồi hăn nắm lấy mấy cái râu lơ phờ của lão Tự, nâng soi lên trăng mà cười. Lão Tự cũng cười. Hai thằng say rượu ngả vào nhau cười, như một đôi tri kỷ cuồng. Rồi Tự Lãng vào nhà

xách hai chai rượu, lão còn đúng hai chai nữa, lão mời Chí Phèo uống nữa, uống thật say, không cần gì. Cứ việc uống, đừng có lo ngại gì đấy! Vợ lão chết đến bảy, tám năm nay rồi, con gái lão chữa hoang bỏ lão đi, lão chỉ có một mình, không còn vợ con nào mè nheo cả, lão muốn uống đến bao giờ thì uống. Cứ uống! Cứ uống! Cứ uống! Cứ uống đi ông bạn lạc đường ở cung trăng xuống ạ! Uống thật tợn, uống đến đái ra rượu thì mới thích. Nhịn uống để làm gì? Có giàu có sang, có làm nên ông cả bà nhớn nữa, chết cũng không ai gọi là "Cụ lớn mả"! Lão sống có đến hơn năm mươi năm rồi mà chưa thấy một cụ lớn mả nào sốt! Chỉ có cái mả, cái mả đất. Ai chết cũng thành cái mả, say sưa chết cũng thành cái mả, lo gì? Cứ say!

Chưa bao giờ Chí Phèo được thỏa thuê đến thế! Hắn lấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha TỰ này. Chúng uống với nhau rất là nhiều. Và rất là nhiều. Người ta tưởng như cả làng Vũ Đại phải nhịn uống để đủ rượu cho chúng uống.

Đến lúc hết cả hai chai thì TỰ Lãng đã bò ra sân. Lão bò như cua và hỏi Chí Phèo rằng: Người ta đứng lên bằng cái gì? Chí Phèo vằn ngữ lão ra, vượt cái râu lơ phờ của lão mấy cái, rồi để mặc lão thế, hắt lão đảo ra về. Hắn vừa đi vừa phanh ngực ra mà gãi. Hắn gãi ngực rồi gãi lên cổ, gãi mang tai và gãi cả lên đầu. Có lúc hắn phải đứng lại giữa đường mà gãi, ghêch chân lên mà gãi, hắn bứt rứt quá, ngứa ngáy quá, và chợt nghĩ đến cái bờ sông gần nhà. Bởi vì cái vườn của hắn ở gần một con sông con, nước lạnh và trong, khắp bãi trồng toàn dâu, gió đưa đẩy những thân mềm oặt ẹo, cuộn theo nhau thành làn. Duy có vườn nhà hắn trồng toàn chuối, ở một góc vườn có túp lều con. Những đêm trăng như đêm nay, cái vườn phẳng ngổn ngang những bóng chuối đen đen như những cái áo nhuộm vắt tung trên bãi. Và những tàu chuối nằm ngửa, uốn cong cong lên hứng lấy trăng xanh rờ rọi như là ướt nước, thỉnh thoảng bị gió lay lại giãy lên đành đạch như là hứng tình.

Chí Phèo vừa tò mò nhìn những tàu lá chuối vừa đi xuống vườn. Nhưng

hắn không vào cái túp lều úp súp mà ra thẳng bờ sông. Hắn định sẽ nhảy xuống tắm cho khỏi ngứa rồi lăn ngay ra vườn mà ngủ. Tội gì chui vào lều, bức đến không còn thở được. Một thằng như hắn, đập đầu không chết, huống hồ là gió sương... Đến bờ sông hắn dừng lại, vì hình như có người. Có người thật, và hắn ngáy ra nhìn.

Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào gốc chuối, một người đàn bà ngồi tênh hênh. Chính là người đàn bà, hắn biết vậy là nhờ mớ tóc dài buông xõa xuống vai trần và ngực... Hai tay trần của mẹ buông xuôi, cái mồm của mẹ há hốc lên trắng mà ngủ, hay là chết. Đôi chân thì duỗi thẳng ra trước mặt, cái váy đen xộc xệch... Bên kia, có lẽ vì mẹ già, cái yếm xeo xọ để trật ra cái sườn nây nây. Tất cả những cái ấy phơi ra trắng, rười rượi những trắng. Trắng làm trắng những cái có lẽ ban ngày không trắng, trắng làm đẹp lên. Chí Phèo tự nhiên thấy ứ đầy miệng bao nhiêu là nước dãi, mà cổ thì lại khô, hắn nuốt ừng ực, hắn thấy cái gì rộn rạo ran khắp người. Bỗng nhiên hắn run run. Ồ tại sao như thế được? Đáng nhẽ chính người đàn bà khốn nạn kia phải run mới phải, cái người đàn bà đại đột đã nằm ềnh ệch mà ngủ ngay gần nhà hắn này.

Nhưng người đàn bà ấy lại chính là Thị Nở, một người ngẩn ngơ như những người điên trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn. Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của Hóa công: nó ngẩn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang hơn bề dài, thế mà hai má nó lại hóp vào mới thật là tai hại; nếu má nó phính phính thì mặt thị lại còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt vốn nhiều hơn người ta tưởng trên cổ người. Cái mũi thì vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bạnh muốn chen lấn nhau với những cái môi cũng cổ to không thua cái mũi; có lẽ vì cổ quá cho nên chúng nứt nở như rạn ra. Đã thế thị lại ăn trầu thuốc, hai môi dày được bồi cho dày thêm, cũng may quét trầu sánh lại, che được cái màu thịt trâu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chìa ra; ý hắn chúng nghĩ sự cân đối chưa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại dở hơi; đó là một ân huệ đặc biệt của Thượng

để chí công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhất. Và thị lại nghèo, nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở. Và thị lại là dòng giống của một nhà có mả hủi: cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh một con vật rất tởm. Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng. Ở cái làng Vũ Đại này người ta kết bạn từ khi lên tám, và có khi có con từ lúc mười lăm; không ai đợi đến năm hai mươi để đưa con thứ nhất. Cứ tình hình ấy thì ta nói quách: Thị Nở không có chồng. Mà thị cũng không còn ai thân thích, trừ một người cô đã có thể gọi được là già, và đã không có chồng như thị. Số giời định thế, để không ai phải trợ trọi trên đời này. Người cô làm thuê cho một người đàn bà buôn chuối và trâu không xếp tàu đi Hải Phòng, có khi đi tận Hòn Gai, Cẩm Phả. Còn thị sống bằng những nghề lật vật ở làng. Hai cô cháu sống ở trong một cái nhà tre cách vườn của Chí Phèo bởi con đê; hăn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm. Có lẽ chính vì thế Thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ ấy. Gần gũi lâu cũng sinh quen, mà quen thì ít khi còn sợ. Những người trông coi vườn Bách thú thường bảo rằng hổ báo hiền y như mèo. Và lại có lý nào để thị sợ hăn đâu? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngẩn ngơ của mình, mà thị lại chỉ có ba cái ấy... Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi có nhà, mà ở nhà thì hăn lại hiền lành: ai có thể ác trong khi ngủ? Hăn chỉ về nhà để ngủ.

Ngày nào Thị Nở cũng phải qua vườn nhà hăn hai, ba lần, là vì qua vườn nhà hăn có một lối nhỏ đi ra sông; trước kia, cả xóm vẫn dùng cái ngõ ấy để ra sông tắm giặt hay kín nước. Nhưng từ khi hăn đến người ta thôi dần, tìm một lối khác đi xa hơn. Trừ Thị Nở: thì đã bảo thị là người dở hơi, thị không thích làm như kẻ khác. Quá tin ở người, quá tin ở mình liều lĩnh, bướng bỉnh hay có lẽ chỉ không chịu rời thói quen. Nhưng hãy biết thị cứ đi vào ngõ ấy và vẫn chẳng làm sao cả. Thế rồi quen đi. Có lần trong lúc Chí Phèo ngủ, thị vào cả nhà hăn để rọi nhờ lửa nữa. Có lần thị xin của hăn một tí rượu để về bóp chân; hăn mãi ngủ càu nhàu bảo thị rằng: ở xó nhà ấy, muốn rót bao nhiêu thì rót, để yên cho hăn ngủ. Và lắm lúc thị ngạc nhiên sao người ta ghê

hắn thế?

Chiều hôm ấy Thị Nở cũng ra sông kín nước như mọi chiều. Nhưng chiều hôm ấy, giăng lại sáng hơn mọi chiều, giăng tỏa trên sông và sông gợn biết bao nhiêu gợn vàng. Những gợn vàng ấy rung rung mới trông thì đẹp, nhưng trông lâu mới mắt. Gió lại mát như quạt hầu. Thị Nở thấy muốn ngáp mà mí mắt nặng dần, toan díp lại. Thị vốn có một tật không sao chữa được: có lúc đột nhiên muốn ngủ, bất cứ ở đâu hay đang làm gì. Bà cô thị bảo thị là một người vô tâm. Ngáp một cái, thị nghĩ bụng: khoan hãy kín nước, hãy để lọ xuống ngồi đây nghỉ. Bởi vì thị đã luật quạt đập đất từ trưa tới giờ. Mà mấy khi được một nơi mát như thế, mát rợn da rợn thịt, sung sướng quá! Mát y như quạt hầu. Thị cởi áo ra ngồi tựa vào gốc chuối, dánh ngồi không kín đáo, nhưng không bao giờ thị biết thế nào là lả lơi. Con người vô tâm, không hay nghĩ xa xôi mà. Và lại ở đây chẳng có ai. Chí Phèo đã về đâu, mà hắn có về thì cũng say khướt, đã ngủ từ nửa đường về tới nhà tức khắc chúi đầu vào ngủ nốt. Hắn ra làm gì đây, cho có ra nữa thì đã sao? Thị không thể sợ hắn có thể phạm đến thị bởi cái lẽ rất giản dị là thị chưa thấy ai phạm đến thị bao giờ. Thật ra thì thị cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều đến thế. Trong óc thị đã có một bóng đen lan rồi. Thị không ngồi thì không chịu được.

Ngồi một lúc thị thấy rằng: nếu cứ ngồi mãi thì ngủ mất. Nhưng thị đã ngủ đến hai phần rồi. Và thị nghĩ: ừ thì ngủ, ngủ thì đã làm sao! Về nhà thì cũng chỉ ngủ, ngủ ngay đây cũng vậy. Bà cô đi theo hàng ít ra cũng dăm hôm mới về. Thị cứ ngồi đây cho mát. Và thị ngủ. Thị ngủ ngon lành và say sưa.

Chí Phèo vẫn say sưa nhìn và run run. Bỗng nhiên hắn rón rén lại gần Thị Nở: lần đầu tiên hắn rón rén, từ khi về làng. Thoạt tiên, hắn xách cái lọ để ra xa, rồi hắn lẳng lặng ngồi xuống bên sườn thị...

Và Thị Nở giật mình. Thị Nở mới kịp giật mình thì thẳng đàn ông đã bám lấy thị... Thị vùng vẫy để ra, thị mở mắt, thị tỉnh hẳn, thị nhận ra Chí Phèo. Thị vừa thở, vừa vạt nhau với hắn vừa hỗn hển: "Ô hay... Buông ra... Tôi

kêu... Tôi kêu làng... Buông ra. Tôi kêu làng lên bây giờ!". Thằng đàn ông phì cười. Sao thị lại kêu làng nhỉ? Hăn vẫn tưởng chỉ có hăn mới kêu làng thôi; sao người ta lại kêu tranh của hăn, bỗng nhiên hăn la lên, kêu làng. Hăn kêu như một kẻ bị đâm, vừa kêu vừa dẫn người đàn bà xuống. Thị Nở trố mắt ngây ra nhìn. Thị Nở kinh ngạc: sao hăn lại kêu làng nhỉ? Mà hăn vẫn chưa chịu thôi kêu làng. Cũng may người quanh đây không ai lạ gì hăn; mà khi hăn kêu làng thì không ai cần động dạng: họ lụ bụ chửi rồi lại ngủ; hăn kêu làng cũng như người khác buồn, hát ngao. Đáp lại hăn, chỉ có lũ chó cắn xao lên trong xóm.

Thị Nở bỗng nhiên bật cười. Thị Nở vừa rửa vừa đập tay lên lưng hăn. Nhưng đó là cái đập yêu, bởi vì đập xong, cái tay ấy lại dúm lưng hăn xuống. Và chúng cười với nhau...

Bây giờ thì chúng ngủ bên nhau... Đứa trẻ bú no thì ngủ. Người ta ngủ say sau khi làm việc yêu. Chúng ngủ như chưa bao giờ được ngủ... Trăng vẫn thức, vẫn trong trẻo... Trăng rắc bụi trên sông, và sông gợn biết bao nhiêu vàng... Nhưng đến gần sáng, bỗng Chí Phèo chống một tay xuống đất, ngồi lên một nửa. Hăn thấy người nôn nao, chân tay bủn rủn, như đến hai, ba ngày nhịn đói. Thế mà bụng lại phình phính đầy, hình như bụng hơi đau. Còn hình như gì nữa, thôi đúng đau bụng rồi. Đau thật, đau mỗi lúc một dữ! Nó cứ cuồn cuộn lên. À, mà giờ lạnh lạnh. Hễ có gió thì kinh kinh. Mỗi lần gió, hăn rùng rợn người, hăn muốn đứng lên. Sao đầu nặng quá mà chân thì lầy bầy. Mắt hoa lên. Bụng quặn lại, đau gò người. Hăn ọe. Hăn ọe ba, bốn cái. Ọe mãi. Giá mưa ra được thì dễ chịu. Hăn cho một ngón tay vào mồm họng. Hăn ọe một cái to hơn, ruột hình như lộn lên. Nhưng cũng chỉ nhổ ra toàn nước dãi. Hăn nghỉ một tí rồi lại cho tay vào mồm. Lần này thì mưa được. Trời ơi! Mưa thốc mưa tháo, mưa ồ ạt, mưa đến cả ruột. Đến nỗi người đàn bà phải dậy. Thị ngồi nhồm dậy và ngơ ngác nhìn. Cái óc nặng nề ấy phải lâu mới nhớ ra và lâu mới hiểu.

Bây giờ thì Chí Phèo đã mưa xong. Hắn mệt quá, lại vật người ra đất. Hắn đỡ hai con mắt khê rên; hắn chỉ còn đủ sức để rên khe khẽ. Từ đồng mưa bay lại một mùi gì thoảng như mùi rượu, hắn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở xích lại. Đặt bàn tay lên ngực hắn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong), thị hỏi hắn:

- Vừa thổ hả?

Mắt hắn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại đỡ ra ngay.

- Đi vào nhà nhé?

Hắn làm như gật đầu. Nhưng cái đầu không động đậy, chỉ có cái mí mắt là nhích thôi.

- Thì đứng lên.

Nhưng hắn đứng lên làm sao được. Thị quàng tay vào nách hắn, đỡ cho hắn gượng ngồi. Rồi thị kéo hắn đứng lên. Hắn đu vào cổ thị, hai người lão đảo đi về lều.

Không có giường, chỉ có một cái chõng tre. Thị để hắn nằm lên, và đi nhặt nhanh tất cả các manh chiếu rách đắp lên cho hắn. Hắn hết rên. Hình như hắn ngủ. Thị cũng lim dim chực ngủ. Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. Đôi lọ nhắc cho thị việc đi kín nước, thị mãi một mặc áo, kín nước rồi xách đôi lọ nước đi về nhà.

Trăng chưa lặn, không chừng giờ còn khuya. Thị lên giường định ngủ. Nhưng thị nhớ lại việc lạ lùng tối qua. Thị cười, thị thấy không buồn ngủ, và thị cứ lẩn ra lẩn vào.

Khi Chí Phèo mở mắt thì giờ đã sáng lâu. Mặt trời đã cao, và nắng

bên ngoài chắc là rức rờ. Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài là đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn chỉ hơi lờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm thì bên ngoài trời vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hẳn tỉnh. Hẳn băng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hẳn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hẳn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hẳn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hẳn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?
- Kém ba xu dì ạ.
- Thế thì còn ăn thua gì!
- Cỗ co kéo mới được một tấm năm xu.
- Thật thế đấy. Nhưng chẳng nhẽ lại chơi.

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hẳn nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hẳn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hẳn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải, chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hẳn thấy hẳn già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lý nào như thế được? Hẳn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hẳn đã tới cái dốc

bên kia của đời. Ở những người như hăn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đầy đọa cực nhọc mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu báo hiệu rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết giờ giở rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hăn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Cũng may Thị Nở vào. Nếu thị không vào, cứ để hăn vẫn vợ mãi, thì đến khóc được mất. Thị vào cặp một cái rổ, trong có một nồi gì đầy vung. Đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm, thị trần trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liều lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hăn chết. Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống một người. Thị thấy như yêu hăn: đó là một cái lòng yêu của một người làm ơn. Nhưng cũng có cả lòng yêu của một người chịu ơn. Một người như Thị Nở càng không thể quên được. Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hăn lúc này thì cũng bạc. Dẫu sao cũng đã ăn nằm với nhau! Ăn nằm với nhau như "vợ chồng". Tiếng "vợ chồng", thấy ngượng ngượng mà thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chẳng! Hay sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo, gặp hăn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm! Sao lại có thứ người đâu mà lì quá thế! Người ta ngồi đấy mà dám xán lăn ngay vào, nó chả ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngù ngờ. Cái thằng giời đánh không chết ấy, nó còn sợ ai mà hòng kêu. Nhưng mà đáng kiếp. Thố trận ấy thật là phải biết. Cứ gọi là hôm nay nhọc đừ. Phải cho hăn ăn tí gì thì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành. Ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa sáng thị đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo.

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hẳn thấy mắt mình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hẳn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hẳn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hẳn vẫn phải dọa nạt hay giật cướp. Hẳn phải làm cho người ta sợ. Hẳn nhìn bát cháo bốc khói mà băng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hẳn, rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hẳn thấy vừa vui lại vừa buồn. Và một cái gì nữa, giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay ăn năn hối hận về tội ác khi không đủ sức để ác nữa. Thị Nở giục hẳn ăn nóng. Hẳn cầm bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hẳn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo ăn rất ngon. Nhưng sao lại mãi đến bây giờ hẳn mới nếm mùi vị cháo?

Hẳn tự hỏi rồi lại tự trả lời: vì có ai nấu cho ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hẳn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay "đàn bà". Hẳn nhớ đến "bà Ba", cái con quỷ cái hay bắt hẳn bóp chân mà lại kêu bóp lên trên, trên nữa, nó chỉ nghĩ sao cho thỏa nó chứ nó có yêu hẳn đâu. Hồi ấy hẳn hai mươi. Hai mươi tuổi, người ta không là đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta không thích cái gì người ta khinh. Vả lại bị một con đàn bà gọi đến nhà mà bóp chân! Hẳn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ! Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hẳn làm một việc không chính đáng, hẳn vừa làm vừa run. Không làm thì không được; mọi việc trong nhà, quyền đàn bà. Chứ hẳn, hẳn còn lòng nào đâu! Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được, phải làm đến nơi. Bà bảo hẳn rằng: "Mày thực thà quá! Con giai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già". Hẳn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo: "Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư?..." và thấy hẳn dùng dằng, bà mắng xơi xơi vào mặt. Hẳn chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì. Không, hẳn chưa được một người đàn bà nào yêu cả. Vì thế mà bát cháo hành của Thị Nở làm hẳn suy nghĩ nhiều. Hẳn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây hận thù?

Bát cháo húp xong rồi, Thị Nở đỡ lấy bát và múc thêm bát nữa. Hăn thấy mình đầm bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hăn đưa tay áo quạt ngang một cái, quạt mũi, cười rồi lại ăn. Hăn càng ăn, mồ hôi lại càng nhiều. Thị Nở nhìn hăn, lắc đầu, thương hại. Hăn thấy lòng thành trẻ con. Hăn muốn làm nũng thị như với mẹ. Ôi sao mà hăn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt, mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hăn, ngày thường bị lấp đi. Hay trận ốm thay đổi hăn về sinh lý, cũng thay đổi cả tâm lý? Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hăn đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hăn ngẫm mình mà lo. Xưa nay hăn chỉ sống bằng cướp giật và dọa nạt. Nếu không còn sức mà cướp giật, dọa nạt nữa thì ra sao? Đã đành, hăn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hăn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa. Bấy giờ mới nguy! Trời ơi! Hăn thêm lương thiện, hăn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hăn. Thị có thể sống yên ổn với hăn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hăn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ lại nhận hăn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hăn bắn khoăn nhìn Thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn, hăn thấy tự nhiên nhẹ người. Hăn bảo thị:

- Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hăn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hăn, hăn bảo thị:

- Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lườm hăn. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hăn thích chí, khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hăn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bấy giờ mấy bát cháo ý chừng đã nguội. Hăn thấy lòng rất vui. Hăn bẹo Thị Nở một cái làm thị nẩy hăn người lên. Và hăn cười, hăn lại bảo:

- Đẳng ấy còn nhớ gì hôm qua không?

Thị phát khê hăn một cái, làm vẻ không ưa đùa. Sao mà e lệ thế. Xấu mà e lệ thì cũng đáng yêu. Hăn cười ngất, và muốn làm thị thẹn thùng hơn nữa, hăn véo thị một cái thật đau vào đùi. Lần này thì không những thị nẩy người. Thị kêu lên choe chöhe. Thị nắm cổ hăn mà dúoi xuống. Chúng tỏ tình với nhau, không cần đến những cái hôn. Ai lại hôn, khi có những cái môi nứt nẻ như bờ ruộng vào kỳ đại hạn và cái mặt rạch ngang rạch dọc như mặt thớt. Và lại, có những cách âu yếm bình dân hơn, chúng cẩu véo hoặc phát nhau... Thiết thực biết mấy...

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế, và nhất định là lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hăn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hăn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo để mà yêu nhau. Đàn bà không có men như rượu, nhưng cũng làm người say. Và hăn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng: hãy dừng yêu để hỏi cô thị đã.

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ tủi cho thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai, không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ngay lên cháu bà! Người đàn bà đức hạnh ấy thấy cháu bà sao mà đĩ thế! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi, mà chưa trót đời. Ngoài ba mươi... ai lại còn đi lấy chồng. Ai đời lại còn đi lấy chồng! Ủ! Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy một thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. Trời ơi! Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hỡi ông cha nhà bà! Bà gào lên như con mẹ đại. Bà xía xói vào mặt cái con cháu ba mươi tuổi mà chưa trót đời.

Bà bảo phất nó:

- Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì nhịn hẳn; ai lại đi lấy thằng Chí Phèo!

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao? Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi, năm mươi tuổi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao. Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên ùng ùng. Thị tức lắm! Thị tức lắm! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người. Thị lon ton chạy sang nhà nhân ngãi. Thị thấy hắn đang uống rượu, và vừa uống vừa lăm bắm chửi thị về nhà lâu. Hắn không quen đợi; bởi phải đợi, hắn lại lôi rượu, và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi! Nhưng thị làm gì mà hắn chửi? Mà hắn có quyền gì chửi thị? Ồ, thị điên lên mất! Thị giẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng. Hắn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười. Lại còn cười! Nó nhạo thị, trời ơi! Thị điên lên mất, trời ơi là trời! Thị chống tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và tợn cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hắn tất cả những lời bà cô. Hắn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hắn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hắn lại như hít thấy hơi cháo hành. Hắn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì. Thị trút giận xong rồi. Cái mũi đỏ của thị dị xuống rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm lắm. Thị ngoay ngoáy cái móng út đi ra về. Hắn sững sốt đứng lên gọi lại. Ai mà thêm lại! Còn muốn lôi thôi cái gì? Hắn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại dúm thêm cho một cái. Hắn lăn khoèo xuống sân. Đã lăn ra thì hắn phải kêu: bao giờ chả thế. Hắn nhặt một hòn gạch vỡ toan đập đầu. Nhưng hình như hắn chưa thật say. Và hắn nghĩ: Đập đầu ở đây chỉ thiệt; đập đầu ở đây, để mà ăn vạ ai? Hắn phải tự đến nhà con đĩ Nở kia. Đến để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khộm già nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu ra kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say. Không có rượu, lấy gì làm cho máu nó chảy? Phải uống thêm chai nữa. Và hắn uống. Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi, buồn! Hơi rượu không sắc súa. Hắn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hắn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại uống.

Rồi lại uống. Hẩn uống đến say mềm người; rồi hẩn đi. Hẩn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hẩn lảm nhảm: "Tao phải đâm chết nó! Tao phải đâm chết nó!". Nhưng hẩn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hẩn quên rẽ vào nhà Thị Nở? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm.

Trời nắng lắm, nên đường vắng. Hẩn cứ đi, cứ chửi, cứ dọa giết "nó", và cứ đi. Bấy giờ đến ngõ nhà cụ Bá. Hẩn xông xông đi vào. Cả nhà đi làm đồng vắng; chỉ có mình cụ Bá đang nằm nghỉ trưa. Nghe tiếng hẩn, cụ thấy sao bức mình! Chính thật thì cụ cũng đang bức mình. Bởi vì cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu. Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà Tư đừng đi lâu quá thế. Đi lâu thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi rồi mà trông còn phây phây. Còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Giá thế thì bà ấy cũng già đi cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, mà sao đa tình. Nhìn thì thích nhưng từng tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lứt sứt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà, có duyên nhưng trông dĩ lắm. Hơi một tí thì cười toé toét, tí cả mắt lại, cái má thì hây hây. Mà thấy ghét những cái thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ gì đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm! Tức lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi tù... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vùi tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tổng nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

- Chí Phèo đấy hở? Lè bè vừa vừa chứ, tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hẩn:

- Cầm lấy mà cút đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

Hắn trợn mắt chỉ tay vào mặt cụ:

- Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hắn toan làm dữ, cụ đành dịu giọng:

- Thôi, cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất là kiêu ngạo:

- Tao đã bảo tao không đòi tiền.

- Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế anh cần gì?

Hắn đồng dục:

- Tao muốn làm người lương thiện!

Bá Kiến cười ha hả:

- Ồ tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hắn lắc đầu:

- Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ còn một cách... biết không! Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!

Hắn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi nhồm dậy. Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đang giẫy đành đạch ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mắt

hắn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứa ra.

*

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi: "Trời có mắt đấy, anh em ạ!". Người khác thì nói toạc: "Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó lại giết nhau, nào có phải cần đến tay người khác đâu". Mừng nhất là bọn kỳ hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn Lý Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao nhiêu người: "Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi bị người ta cho ăn bùn". Ai chả hiểu "người ta" đó chính là ông. Bọn đàn em thì bàn nhò: "Thằng mọt già ấy chết, anh em mình nên ăn mừng". Những người biết điều thì hay ngờ vực; họ chép miệng nói: "Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu...".

Bà cô Thị Nở chỉ tận mặt cháu mà đay nghiến:

- Phúc đời nhà mày, con nhé. Chả ôm lấy ông Chí Phèo.

Thị cười và nói lảng:

- Hôm qua làm biên bản, Lý Cường nghe đâu đã tốn gần một trăm. Thiệt người lại tốn của.

Nhưng thị lại nghĩ thầm:

- Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị nhìn trộm bà cô, rồi nhìn nhanh

xuống bụng:

- Nói đại, nếu mình chữa, bây giờ hăn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người qua lại...

Tháng 2-1941

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Con Mèo

Đầu đuôi tại con mèo. Nhưng cũng tại trời bức nữa. Bức không chịu được.

Chị cu vừa ở khung cử xuống. Anh cu vừa ở ruộng về. Hai người cùng mỗi một. Hai người cùng bứt rứt. Một người ngồi quạt phành phạch. Một người ngồi gãi cái đầu tổ quạ đến mấy tháng nay chưa gội. Chẳng ai buồn ăn cơm. Nhưng cái Viễn thì lại muốn chóng xong việc để còn đi tắm. Nó lừa thằng cu ngủ. Nó bưng mâm cơm ra hè, đặt đấy. Rồi nó chạy vào mắc, rút một cái quần, một cái yếm vắt lên vai, mãi một đi ra ngoài cầu ao. Nóng nực thế này thì ăn không bằng tắm. Cứ để cho vợ chồng người ta ăn trước. Tí nữa về, có còn thì nó ăn, hết thì thôi. Cái bữa tối họa hoằn mới có. Ấy là khi nào cơm trưa ăn chẳng hết, còn thừa lại. Đủ chia, thì mỗi người làm một việc. Chẳng đủ chia thì nhịn. Cũng chẳng chết gì.

Lúc ấy chú mèo mới ở đâu lò dò đến. Chú lại gần mâm. Chú kêu meo meo. Chú lượn vòng quanh mâm một lát. Rồi chú trèo lên mâm. Anh cu trông thấy, quát:

- Mèo! Đuổi nó đi! Con mèo!

Anh vừa quát vừa vỗ tay xuống hè bèn bẹt. Thằng cu giật mình, thét lên. Chị cu bức mình quá, quay ra trị chồng:

- Gớm mồm với chả miệng gì mà toang toang như ngỗng đực. Làm thằng bé dậy.

- Không thể để nó ăn hết, hả?

- Có mốc gì mà nó ăn? Không trách được!...

Chị chạy vào, rước thằng cu dậy. Trong nhà nức quá. Chị ẵm nó ra ngoài hè. Nó chúi đầu vào ngực chị, mấp lầy đầu vú, day. Day mãi. Trời này mà cứ phải ngồi ôm lấy nó thì có bức mình không chứ? Chị thấy ngứa lung tung, khắp người. Chị lăm bằm trách chồng:

- Cái giống người gì hơi một tí là oang oang như mõ ấy! Thằng bé đang ngủ mệt mà cũng làm nó dậy. Chỉ chết người ta thôi.

Anh tức lắm. Chỉ có thể mà chị lia rĩa đay nghiến anh được mãi. Có thứ người gì lại lăm điều đến thế? Cái đầu anh càng ngứa dữ. Anh rút từng mảng tóc đi... Giữa lúc ấy thì chú mèo thấy tình hình đã yên ổn lại, lại lò dò đến, trèo lên mâm. Anh cu cười đắc chí. Anh bảo vợ:

- Kia kìa! Nó lại trèo lên “đầu lâu” kia kìa... Không muốn đuổi nó đi thì cứ để nó ăn cả đầu lâu, hoa cái nhà mày đi.

Chị cu to tiếng:

- Ăn nói như cái đồ cục súc. Được rồi, không khiến đuổi. Để xem nó ăn gì nào?

- Thì để đấy.

Anh nhìn con mèo. Nhưng cái thật, con mèo không ăn gì thật. Thì có gì mà nó ăn? Cả mâm có một bát muối vừng. Nó ngửi một chút rồi vội lảng. Mèo không ưa muối vừng. Anh thầm mong cho nó dứt đầu vào niêu cơm nguội. Nhưng niêu cơm nguội còn đầy vung. Mèo thất vọng, meo meo một lúc, rồi buồn rầu lảng đi... Anh bẽ lắm. Anh nhìn trộm vợ. Chị không thèm nói nữa, nhưng vác cái mặt lên, khinh bỉ chồng. Trông đã ghét. Anh muốn tát vào cái mặt cong cong của vợ anh vài cái. Nhưng lấy cớ gì mà tát nó? Nó đã cầm họng rồi. Anh quả quyết lại mâm cơm. Anh hất con mèo một cái, nảy ra

tận đẳng xa. Rồi anh xúc cơm, rắc muối vừng, ăn. Anh cúi đầu ăn, mặt hầm hầm. Bởi vì anh còn tức lắm. Nhưng càng tức càng ăn khỏe. Tính anh thế. Không ăn, lấy sức đâu mà tức được? Đã tức thì phải ăn. Anh ăn ngoàm ngoàm. Trông thô bỉ quá. Rõ thật cái vẻ của một người cục súc. Chị cu làm như không buồn nhìn đến, nhưng trông thấy cả. Chị lộn máu lên. Chị giận chồng chị quá. Cái anh chồng động cãi nhau là lại ăn thật khỏe, làm như cãi nhau được thì lòng hả hê. Đích là nó cố ý trêu tức chị. Chị uất người. Cổ chị có cái gì lấp hẩn. Thật ra thì nó chẳng động chạm gì đến chị. Nó đi ăn cơm kia mà!... Chị trút giận vào đàn muối. Chị vừa chửi vừa phát vào bắp chân đen đét. Chị trút giận vào thằng cu...

*

Thằng cu lại ngủ rồi. Chị đem nó lừa vào vồng. Cái Viễn cũng tắm xong rồi. Nó đang phơi quần. Anh cu thì quăng cái bát, đôi đũa xuống mâm từ lúc nãy kia rồi. Bây giờ anh đang ngồi bắt tréo kheo, hất hàm lên, nghênh trời.

Chị cu lại bên mâm. Chị nhắc cái niêu nhẹ nhõm. Chị nghiêng nó ra ánh trăng, nhìn. Còn ba hột cơm ranh! Ăn chẳng bỏ dính răng. Chị nguây nguây đứng lên, bảo Viễn:

- Viễn! Mày vét nốt mà ăn đi.

Viễn tưởng chị nhường cho nó. Nó là con ở nhưng cũng ra phết lắm, không lẹp nhẹp; nhất là cái miếng ăn, miếng uống dù trong bụng đói đến chết, ngoài mặt nó cũng làm ra không cần. Nó bảo:

- Chị ăn đi. Tôi không đói.

- Mày ăn đi.

- Tôi không ăn ạ!

- Không ăn thì đem trút xuống ao cho cá!

Anh cu biết ngay là vợ dối. Anh cười gằn, hỏi:

- Nào, có đứa nào ăn không nào?

Chị cu không thèm đáp. Cái Viễn đoán là chủ giận, vội lại vét cái nồi cơm ra bát...

- Mời chị lại xơi nốt...

Chị gắt:

- Đổ té nó đi! Tao đã bảo...

Thì “choang” một cái, anh cu đã hất cái mâm ra ngoài giữa sân. Chị cu gào thật to:

- Trời ơi là trời!... Mày phá tao thế à? Từ sáng đến giờ, tao ngồi trầy trầy trên khung cửi, mới được chùng một đồng hào, mà mày phá tao một lúc một cái niêu, bốn, năm cái bát...

Thằng cu trong nhà lại thét lên. Viễn chạy vào “rước” nó. Chị cu thì vừa nhảy loi choi, vừa vỗ tay đen đét, xía xói vào mặt chồng mà kể lể. Nhưng chị bỗng nhiên ngừng bật... Có tiếng dăm đá nhau huỳnh huych. Rồi tiếng người đàn bà, gào to hơn:

- Mày cứ đánh chết bà đi! Mày đánh chết bà xem nào! Mày không đánh chết bà được thì...

Anh cu đuổi. Chị vừa chạy quanh vườn, vừa kêu. Anh không đuổi nữa. Chị cứ đứng ngoài vườn lải nhải mà nhiech mãi. Đến lúc mỏi miệng, không buồn nói nữa, chị về sân, thì chồng chị đã lăn ra hè, ngủ như chết từ bao giờ rồi. Viễn và thằng cu cũng ngủ. Chị đi vào giường.

Đêm hôm ấy, trời nổi gió, rồi trời mưa. Mãi đến lúc thấy nước hắt vào người, anh cu mới thức giấc. Anh vội vàng nhồm dậy. Anh dụi mắt. Anh nhìn trời. Sấm sét ầm ầm. Chớp nhoang nhoáng. Anh vào nhà. Một cái chớp lờ lờ. Anh thoáng thấy cái Viễn ôm con anh ngủ trên cái võng. Anh đưa võng cho con một cái. Viễn ngủ mệ, không biết gì. Anh đứng tần ngần một lúc. Rồi anh rón rén đi lại giường...

... Sáng hôm sau, tiếng người lão quáo bên hàng xóm, làm chị cu giật mình, mở mắt ra. Chị hơi sững sốt. Trong nhà đã sáng. Chị ngóc đầu nhìn lại võng. Viễn ôm con chị, mồm hây còn há hốc, xem chừng ngủ mệ. Chị lay đầu chồng, khẽ gọi:

- Phải gió! Dậy đi!... Sáng rồi.

Anh cu mở mắt ra. Chị giục:

- Kìa, dậy đi!

- Tạnh mưa rồi à?

- Tạnh rồi. Dậy đi!

- Yên đã nào!...

- Dậy đi! Ra chõng kia mà nằm.

Anh mỉm cười. Chị hơi bẽn lẽn mà phát khẽ vào lưng anh, vừa bảo:

- Nồm lắm! Có ra chõng mà nằm không? Cái Viễn nó lại cười cho là trò trẻ. Mới giận nhau chập tối, nửa đêm đã lành...

Anh vẫn nằm, không nhúc nhích. Chị đành bước qua anh, ra chõng. Chị vừa vắn khăn vừa gọi:

- Viên ơi! Viên! Không dậy à? Con gái gì mà ngủ trướng lên đến tận nửa buổi chưa chán mắt.

Tiểu thuyết thứ Bảy

Số 431, 19-9-1942

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Tư Cách Mỡ

Bây giờ hăn đã trở thành mỡ hăn rồi. Một thằng mỡ đủ tư cách mỡ, chẳng chịu kém những anh mỡ chính tông một tí gì: cũng đề tiện, cũng lầy là, cũng tham ăn. Hơi thấy nhà nào lách cách mâm bát là hăn đến ngay. Hăn ngồi tít ngoài xa, ngay chỗ cổng vào. Người ta bưng cho một mình hăn một mâm. Hăn trơ tráo ngồi ăn. Ăn xong, còn thừa bao nhiêu, hốt tất cả vào, lấy lá đùm thành một đùm to bằng cái đùi vế, để đem về cho vợ, cho con. Có khi hăn còn xán đến những chỗ người ta thái thịt, dỡ xôi, lấy cặp hoặc xin thêm một đùm to nữa. Hăn bỏ cả hai đùm vào cái tay nải rất to, lần đi ăn cỗ nào hăn cũng đem theo. Thế rồi một tay xách tay nải, một tay chống ba toong, hăn ra về, mặt đỏ gay vì rượu và trầu, đầy vẻ phè phỡn và hể hả... Mùa đến, hăn vác một cái đòn càn có quần mấy sợi thừng ở một đầu, đo hết ruộng nợ đến ruộng kia:

- Mùa màng, anh em đến xin cụ lượm lúa... Mùa màng, anh em đến xin ông lượm lúa... Đến xin bà, hay thầy, hay cô lượm lúa...

Mồm hăn nói, tay hăn lượm. Hăn cứ chọn những gồi nào to nhất, mẩy nhất thì lượm. Cụ hay ông, hay bà, hay thầy, cô, bằng lòng hay không, cũng mặc! Mặc cho ông, bà, thầy, cô tiếc. Hạt thóc quý như hạt ngọc. Nhưng tiếc cũng chẳng làm sao được. Ai nấy đều im như thóc cả. Người ta đã nói: tham như mỡ. Nếu nó không tham, sao nó làm mỡ? Còn mình, không lẽ mình lại keo với cả từ thằng mỡ trở đi? Hà hà! Cứ vậy mà ăn câu đấy. Hăn biết thóp người ta như vậy, nên hăn lại càng làm dữ. Hết mùa rồi đến tết. Trước tết, hăn xách ba toong đi trước, vợ thì đội một cái thúng cái đi sau. Chúng đến từng nhà, xin mỗi nhà bát gạo. Mừng một tết, bố con hăn xách một bao chè

với năm quả cau, đến mừng tuổi các ông quan viên để kiếm cỗ và kiếm tiền phong bao. Bao chè với cau của hăn, hăn đem đến rồi lại đem về: có ông nào ngu đến nỗi lấy cau, chè của hăn? Người ta thừa biết hăn chỉ có độc tội một bao chè ấy, đem đi hết nhà này sang nhà nọ, xong mấy ngày tết lại đem bán lại... Thế rồi độ mừng năm, mừng sáu, vợ chồng hăn lại đi tua lần nữa, để xin bánh chưng thừa...

Cứ thế, hăn ỷ vào cái địa vị hèn hạ của mình để nhiều người ta, và lấy sự nhiều được người ta làm khoái lắm. Nhiều người phải bực mình. Họ lại còn bực mình vì cái cách hăn từng nịnh những người rộng rãi và tỏ vẻ xấu hổ, bùng phũ đối với những kẻ không lấy gì mà rộng rãi với hăn được. Thật hăn đã vô liêm sỉ quá. Mỗi lần hăn đi khỏi, những người đàn bà nguýt theo, chửi mắng ra và lăm bầm:

- Giống mỗ có khác! Không trách được người ta gọi là đồ mỗ!... Trông ghét quá!...

Người ta tưởng như ông trời đã cố ý sinh hăn ra như thế để mà làm mỗ; hăn có cái cốt cách của một thằng mỗ ngay từ khi còn ở trong bụng mẹ, và là mỗ ngay từ ngày mới sinh...

*

Không! Lộ sinh ra là con một ông quan viên tử tế hăn hoi. Và mới chỉ cách đây độ ba năm, hăn vẫn còn được gọi là anh cu Lộ hiền như đất. Cờ bạc không, rượu chè không, anh chỉ chăm chăm, chút chút làm để nuôi vợ, nuôi con. Bố mẹ chết cả rồi. Chị cu thì y như con mài mài: lúc nào cũng chữa. Vừa mới dạo nào, trông bụng chị to như cái thúng, rồi băng đi một dạo không gặp chị, đến lúc gặp thì cái bụng chị đã lại mây mây rồi. Người đàn bà mẫn quá! Vườn đất hẹp. Gia sản không có gì. Anh cu Lộ chỉ độc nai lưng ra cày thuê, cuốc mướn. Nói thế, nghĩa là nhà cũng túng. Nhưng túng thì túng thật, mà bụng dạ anh ta khá. Anh chỉ làm mà ăn với nuôi vợ, nuôi con, chứ không hề

ăn trộm, ăn cắp của ai. Cái sự túng thiếu làm liều, anh tịnh là không có. Nhà hàng xóm có con gà, con vịt chạy sang, hoặc buồng chuối, quả mít liền kề ngay với giậu nhà anh, anh cũng mặc thây, không hề có cái tính tắt ma, tắt mắt. Nói cho phải, thì anh cu Lộ ăn ở phân minh lắm. Bởi vậy kẻ trên, người dưới, hàng xóm láng giềng ai cũng mến...

Họ đạo Lưu An có tất cả chừng sáu chục suất đình. Sáu mươi suất đình tập hợp lại với nhau, thành một làng nhỏ trong cái làng to. Trừ những việc sưu thuế, tạp dịch là những việc họ cùng chịu chung với dân lương, còn thì giáo dân nhất nhất cái gì cũng theo ước lệ riêng. Họ ăn họp, khao vọng riêng với nhau, đặt ra những tước vị riêng. Ông trùm bên họ, cũng như người lý trưởng bên dân. Dưới ông trùm, đến ông quan giáo, trông coi việc dạy trẻ học kinh. Sau cùng đến ông sơ, tức là những ông đã đỗ bằng Sơ học yếu lược, và đã nộp lệ và làm rượu trình bằng. Đây là hạng quan viên. Bởi làm người đàn anh bên họ đạo, không quá nặng nề, tốn kém như làm ông lý ông phó bên dân lương, nên đến già nửa người trong họ là quan viên. Chỉ còn hơn vài chục trai em. Bởi vậy bọn trai em cứ phải đi phu choanh choách. Đã có quan viên, có trai em, tất cũng phải có một thằng mỗ nữa cho đủ bộ. Nhưng tìm đâu ra mỗ? Người bên lương tất không ai chịu làm mỗ cho bên đạo. Mà người bên đạo thì ai chịu làm mỗ ngay trong họ mình? Các cụ bèn nghĩ ra một cách. Người mỗ không gọi là mỗ nữa. Các cụ gọi là lênh. Lênh chuyên việc quét dọn nhà thờ, và đi mời họ mỗi khi có ăn uống hay hội họp. Đi mời từng nhà một, chứ không cần phải rao. Mỗi chân một tí nhưng không xấu hổ. Họ sẽ cắt lượt các trai em ra làm lênh mỗi người ba năm. Người lênh được ngồi ngang với trai em khác, và hết hạn rồi, nếu có tiền hay tài cán, muốn làm quan viên, vẫn được. Như vậy thì cũng chẳng có gì là mất giá trị. Đến lần, đến lượt thì làm, ai cũng làm...

Nhưng một năm xưa, một tên vô gia cư, chẳng biết quê quán nơi đâu, đem một con vợ theo đến trú ngụ ở làng này. Vợ chồng đi làm thuê, làm mướn kiếm ăn. Chúng ở nhờ nhà bà lão mù, bán thuốc cam, sài, ghê, lở bên cạnh

chợ. Một hôm, chẳng may người vợ chết. Cả hai vợ chồng cũng chưa vào làng. Vậy cố nhiên là làng không chịu chôn cho. Hàng xóm cũng nhất định không chôn. Họ còn hạch sách nợ kia, toan làm rầy rà cho người chồng và người chứa chịu. Không biết liệu ra sao, anh chồng bèn mua một chục cau đem lên kêu với họ đạo, xin họ chôn làm phúc, rồi anh ta xin nhập đạo. Họ nhận, làm ma cho người vợ. Rồi nhân tiện muốn giúp đỡ anh chồng, họ bèn cho anh ta làm sãi để thay cho người lênh và cấp cho anh ta mấy sào đất bên cạnh nhà thờ để làm vườn, lại cho anh ta tiền để làm một cái nhà con con. Từ đấy trai em trong họ không còn phải cắt lượm nhau làm lênh nữa. Được bốn mươi năm như vậy. Rồi người sãi chết. Hẳn không có con để mà kế nghiệp. Chân sãi khuyết. Bọn trai em quên hẳn cái lệ lênh ngày xưa rồi, chỉ biết có sãi là một anh na ná như thằng mõ, bây giờ nhất định bướng, không chịu làm việc ấy. Bàn định mãi, các cụ bỗng nghĩ đến anh cu Lộ. Nghĩ đến một cách rứt rè thôi.

- Giá anh ta chịu cáng đáng việc này cho thì hay quá! Anh ta cẩn thận mà sạch sẽ... Mà cũng túng. Vườn rất hẹp. Cáng đáng được thì được thêm bốn sào vườn nữa, sưu thuế không phải đóng.

- Mà mỗi kỳ thuế, họ lại còn cho thêm tiền...

- Kể ra thì chỉ toàn những cái lợi. Nhưng chỉ sợ anh ấy còn e cái tiếng.

- Tiếng tăm gì! Quét dọn nhà thờ thì cũng là làm việc thờ phượng, ai làm không được. Còn đi mời quan viên, thì mình là người dưới, đi mời người trên một tiếng, không đáng à?

Một cụ kêu lên như thế. Cụ tiên chỉ mồm mỉm cười, rồi hỏi:

- Hay là ta cho tìm anh ấy đến, dỗ anh ấy xem sao?

Lộ đến, người ta kể tất cả những cái lợi ra, để nhử. Rồi người ta lại cố cắt

nghĩa cho anh hiểu: làm sai chẳng có gì mà nhục, cũng là làm việc họ đẩy thôi; ai cũng ngại, không chịu đứng ra cáng đáng, thì mình đứng ra cáng đáng giúp cho cả họ; có phải mình tham lợi, tự nhiên đem trâu cau đến xin làm đầu mà sợ tiếng?...

- Không, thế này, anh cu ạ: giá anh cầu cạnh để làm thì còn có người nói được. Đằng này anh không cầu cạnh. Chúng tôi gọi anh đến cho làm thì việc gì anh không làm? Ấy là tất cả các cụ, cùng quan viên trên, quan viên dưới đều mến cái bụng anh hiền lành... Anh cứ làm.

Lộ bùi tai, làm vậy. Và quả nhiên, hễ làm được ít lâu thì nhà đỡ xó rụi hơn trước thật. Bởi vì hễ chăm chỉ lắm. Mấy sào vườn họ cho, hễ cuốc xới rất kỹ càng. Hễ làm ngô, làm mía được mấy vụ tốt luôn. Tiền của họ cho, hễ bỏ ra lấy khô bã cho lợn ăn. Sưu thuế không mất một đồng trinh, làm được đồng nào được cả. Làm gì không dễ chịu?

Bấy giờ những anh khác trông thấy thế mới sinh ra tiếc. Họ thấy Lộ làm sai ngon ăn quá. Họ ngấm ngấm ghen với hễ. Và chẳng người nào bảo người nào, họ vô tình về hòa với nhau để báo thù.

Những lời tiếng mỉa mai truyền từ người nọ đến người kia. Lộ thấy những bạn bè cứ lảng dần. Những người ít tuổi hơn, nói đến hễ, cũng gọi bằng thẳng. Trong những cuộc hội họp, nếu hễ có vui miệng nói chỗ vào một vài câu, nhiều người đã ra vẻ khinh khỉnh, không thềm bắt chuyện... Hễ nhận thấy sự thay đổi ấy, và bắt đầu hối hận. Nhưng sự đã trót rồi, còn biết sao được nữa? Hễ tặc lưỡi, và nghĩ bụng: "Tháng ba này, thẳng nào thẳng ấy đến ba ngày không được một bát cơm, dài nhỏ ra hết còn làm bộ!...". Một ý phẫn khích đã bắt đầu nảy mầm trong khối óc hiền lành ấy... Một hôm, trong một đám khao, Lộ vừa chực ngồi cỗ thì ba người ngồi trước đứng cả lên. Lộ ngồi trơ lại một mình. Mặt hễ đỏ bừng lên. Hễ do dự một chút rồi cũng phải đứng lên nốt, mặt bẽn lẽn cúi gằm xuống đất. Chủ nhà hiểu ba anh kia có ý gai gạnh không chịu ngồi chung với mỡ. Ông tìm một người khác, xếp

vào cho đủ cỗ, và yên ủi Lộ:

- Chú ăn sau cũng được.

Lộ âm ừ cho xong chuyện, rồi nhân một lúc không ai để ý, lén ra về. Hăn tấm tức rất lâu. Trông thấy vợ, hăn cúi mặt, không dám nhìn thị, làm như thị đã rõ cái việc nhục nhã vừa rồi. Hăn thở ngắn thở dài, lắm lúc hăn muốn bỏ phắt việc, trả lại vườn cho họ cho đỡ tức. Nhưng nghĩ thì cũng tiếc. Hăn lại tặc lưỡi một cái, và nghĩ bụng: "Mặc chúng nó!...". Hăn chỉ định từ giờ chẳng đi ăn cỗ đám nào nữa là ổn chuyện... Nhưng khổ một nỗi, không đi, không được. Đám nào có ăn, tất nhiên chủ nhân không chịu để hăn về. Làm cỗ cho cả họ ăn còn được, có hẹp gì một cỗ cho thẳng sãi? Để nó nhịn đói mà về, nó chửi thề cho. Mà thiên hạ người ta cũng cười vào mặt, là con người bủn xỉn... Ấy, người ta cứ suy hơn, tính thiệt như vậy, mà nhất định giữ thẳng sãi lại. Không ai chịu ngồi với hăn, thì hăn sẽ ngồi một mình một cỗ. Nếu hăn có sợ thẹn, thì người ta sẽ dọn cỗ trong bếp, hay một chỗ nào kín đáo cho hăn ngồi...

Mới đầu, Lộ tưởng ngồi như thế, có lẽ là yên ổn đấy. Nhưng người ta tòi lắm. Người ta nhất định bêu xấu hăn. Trong nhà đám, một chỗ dù kín đáo thế nào, mà chả có người chạy lại, chạy qua. Mỗi người đi qua, lại hỏi hăn một câu:

- Lộ đấy à, mày?

Cũng có người thêm:

- Chà! Cỗ to đấy nhỉ? Đẳng ấy hóa ra lại... bỏ!

A! Thế là họ nói kháy anh cu Lộ vậy, cái lắm. Hăn tặc lưỡi một cái và nghĩ bụng: "Muốn nói, ông cho chúng mày nói chán! Ông cần gì!...". Hăn lập tức bê cỗ về sân, đặt lên phản, ung dung ngồi. Nói thật ra, thì hăn cũng không

được ung dung lắm. Tai hăn vẫn đỏ như cái hoa mào gà, và mặt hăn thì ben lên muốn chữa then, hăn nhai nhồm nhoàm và vênh vênh nhìn người ta, ra vẻ bất cần ai. Sau cái bữa đầu, hăn thấy thế cũng chẳng sao, và bữa thứ hai thì đã quen quen, không ngượng ngịu gì mấy nữa. Bữa thứ ba thì quen hăn. Muốn báo thù lại những anh đã cười hăn trước, tự hăn đi bưng lấy cỗ, và chọn lấy một cỗ thật to để các anh trông mà thèm. Bây giờ thì lại đến lượt người chủ không được bằng lòng. Có một mình nó ăn mà cũng đòi một cỗ to hơn cỗ bốn người ăn!...

- Mẹ kiếp! Không trách được người ta bảo: "Tham như mỡ".

A! Họ bảo hăn là mỡ vậy... Tham như mỡ vậy!... Đã vậy thì hăn tham cho mà biết... Từ đấy, không những hăn đòi cỗ to, lúc ăn, hăn lại còn đòi thêm xôi, thêm thịt, thêm cơm nữa. Không đem lên cho hăn thì tự hăn xông vào chỗ làm cỗ mà xúc lấy. Ăn hết bao nhiêu thì hết, còn hăn gói đem về cho vợ con ăn, mà nếu vợ con ăn không hết, thì kho nấu để lại ăn hai, ba ngày... Hà hà! Phong lưu thật! Cho chúng nó cứ cười khỏe đi!

*

Cứ vậy, hăn tiến bộ mãi trong nghề nghiệp mỡ. Người ta càng khinh hăn, càng làm nhục hăn, hăn càng không biết nhục. Hỡi ơi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết gì là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cả; làm nhục người là một cách rất điệu để khiến người sinh đê tiện...

Bây giờ thì hăn mỡ hơn cả những thằng mỡ chính tông. Hăn nghĩ ra đủ cách xoay người ta. Vào một nhà nào, nếu không được vừa lòng, là ra đến ngõ, hăn chửi ngay, không ngượng:

- Mẹ! Xử bắn cả với thằng mỡ...

1943

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Một Bữa No

Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy, cứ hết đường đất làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng như thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thắt lưng buộc bụng, nuôi nó từ tấm tẩm, tí tí giờ đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra nó chết. Công bà thành công toi.

Con vợ nó không phải giống người. Nó có biết thương mẹ già đâu! Chồng chết vừa mới xong tang, nó đã vội vàng đi lấy chồng ngay. Nó đem đứa con gái lên năm giả lại bà. Thành thử bà đã già ngót bảy mươi, lại còn phải làm còm còm, làm mà nuôi đứa con gái ấy cho chúng nó. Hết xương, hết thịt vì con, vì cháu, mà nào được trông mong gì?

Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cái mả cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm ba xu lãi nuôi thân. Có chạy xạc cả gấu váy, hết chợ gần đến chợ xa, thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng chưa chịu để yên. Năm ngoài đây, ông ấy còn bắt bà ốm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào vét sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà đã bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như dằm. Đi đã thấy mỗi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ.

Tuy vậy mà bà vẫn phải ăn... Chao ôi! Nếu người ta không phải ăn thì đời sẽ giản dị biết bao? Thức ăn không bao giờ tự nhiên chạy vào mồm. Có làm thì mới có. Nhưng bây giờ yếu đuối rồi, bà không còn kham được những việc nặng nề, cũng không còn chịu đựng được nắng sương. Bà phải kiếm việc nhàn, việc ở trong nhà. Ở làng này chỉ có việc bế em, như con bé mười một, mười hai tuổi. Mới đầu còn có nhiều người muốn thuê. Ai cũng nghĩ rằng: những bà già tính cẩn thận, và sạch sẽ, không lơ lẻo như trẻ con, vả lại các cụ tuổi tác rồi, ăn chẳng bao nhiêu, bữa lưng bữa vực thế nào cũng no, mà không no các cụ cũng chỉ lặng im, không ấm ức như những đồ trẻ nhãi, hơi một tí cũng đem chuyện nhà chủ đi kể với đủ mọi người hàng xóm... Nhưng thuê bà được ít lâu, tự nhiên người ta chán. Người ta nhận ra rằng: thuê một đứa trẻ con có phần lại thích hơn. Trẻ con cạo trọc đầu. Những lúc tức lên, có muốn cốc nó dăm ba cái thì cứ cốc. Chẳng ai kêu: ác! Nhưng bà lão đầu đã bạc. Người ta tức bà đến sặc tiết ra đặng mũi cũng không thể dúi đầu bà xuống mà cốc. Cũng không thể chửi. Mắng một câu, đã đủ mang tiếng là con người tệ. Mà bà thì lẩm cẩm, chậm chạp, lì rì. Bà rờ như thể xăm rờ. Tay bà, đưa bát cơm lên miệng cũng run run. Cơm vương vãi. Tương mắt rớt ra mâm, rớt xuống yếm bà, rớt cả vào đầu tóc, mặt mũi, quần áo đứa bé nằm ở lòng bà. Rồi hơi trái gió, trở trời, bà lại đau mình. Suốt đêm bà thở dài với rên rầm kêu trời. Có khi bà lại khóc lóc, hờ con. Nghe rợn cả người. Như vậy thì chịu làm sao được? Ấy thế là người ta lại phải tìm có tống bà đi. Bà lại phải gạ gẫm ở cho nhà khác. Không đầy một năm trời bà thay đổi đến năm, sáu chủ. Mỗi lần đổi chủ là một lần hạ giá. Thoạt tiên cơm nuôi tháng một đồng. Rồi cơm nuôi tháng năm hào. Rồi cơm nuôi, mỗi năm bốn đồng. Rồi hai đồng. Rồi chẳng có đồng nào. Đến nước ấy mà cũng chẳng ma nào chịu được. Một hôm, người chủ cuối cùng sai bà xách hai cái lọ đi kín nước. Bà bảo bà chỉ có thể mang một lọ. Y đã lấy sự ấy làm khó chịu, nhưng cố nhịn. Nhưng một lọ cũng không xong. Bà xách một lọ nước đầy, ở dưới cầu ao bước lên bờ, chẳng biết bấy rầy thế nào mà ngã khuỵu xuống, vỡ tan cái lọ và què một bên tay. Nghe tiếng bà kêu, chủ nhà phải chạy ra đỡ bà về. Không ai có thừa cơm

nuôi báo cô bà. Y bèn đãi bà năm hào và cho bà về hưu trí. Từ ngày ấy đến nay, tính ra đã hơn ba tháng rồi.

Hơn ba tháng, bà lão chỉ ăn toàn bánh đúc. Mới đầu còn được ngày ba tấm. Sau cùng thì một tấm cũng không có nữa. Tiền hết cả. Mỗi sáng, bà ra chợ xin người này một miếng, người kia một miếng. Ai lấy đâu mà ngày nào cũng cho như vậy? Lòng thương cũng có hạn. Mấy hôm nay bà nhịn đói. Bởi thế bà lại đem con ra hờ. Bà hờ thê thảm lắm. Bà hờ suốt đêm. Bà khóc đến gần mòn hết ra thành nước mắt. Đến gần sáng, bà không còn sức mà khóc nữa. Bà nằm ẹp bụng xuống chiếu, nghĩ ngợi. Có người nói: những lúc đói, trí người ta sáng suốt. Có lẽ đúng như thế thật. Bởi vì bà lão bỗng tìm ra một kế. Bà ra đi.

*

Cứ đi được một quãng ngắn, bà lại phải ngồi xuống nghỉ. Nghỉ một lúc lâu, trống ngực bà mới hết đánh, tai bà bớt lùnh bùng, mắt bà bớt tối tăm, người tạm tạm thôi quay quắt. Bà nghỉ tất cả năm, sáu quãng. Thành thử đến tận non trưa, bà mới tới nhà mình định tới: ấy là nhà bà phó Thụ, nuôi cái dĩ. Bà quen gọi như vậy, ngay từ khi nó còn nhỏ: cái dĩ tức là đứa con của anh con trai đã cướp công bà để về với đất, yên thân và mặc tất cả những gì còn lại. Anh con trai chẳng còn phải khổ sở như bà ngày nay.

Bà nghĩ đến con, để mà ghen với nó thêm lần nữa, trong khi ngồi nghỉ ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ. Ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ, có một cây sung lớn. Bà tựa lưng vào gốc. Từ đầu ngõ vào đến nhà, còn những hai lần cổng. Có gọi thật to, ở trong nhà mới nghe tiếng. Mà bà thì còn hơi sức đâu mà gọi? Tiếng bà bãi hoại. Hơi nói to một chút, nó đã ra đằng lỗ tai. Vả lại, chó nhà giàu dữ lắm. Nhà bà phó Thụ có những ba con chó đầy đà, lực lưỡng. Lúc thiến, người ta rắc mảnh chai tán nhỏ vào. Vết thiến lành, dùm mảnh chai ở bên trong gây cho con vật một nỗi đau ngứa ngáy, suốt đời không khỏi. Nỗi đau làm tội nó. Nó bứt rứt, khổ sở, cáu kỉnh, nên bà thấy người lạ

nào cũng lăn xả vào chân, hoặp lấy một miếng ray thịt người ta cho hả giận. Trời ơi! Những con chó nhà bà phó Thụ, chúng dữ ghê gớm lắm. Bà lão nghĩ đến chúng còn chết khiếp. Cái lần bà đưa cái đi vào, một người nhà phải cầm một cái gậy to tướng ra đe. Ấy thế mà cả ba con cùng hồng hộc chạy ra. Chúng vây lấy bà rách rưới. Con nào cũng uốn cong cái lưng xuống, hếch cái mõm đen thui lên, nhe những chiếc răng trắng hớn và nhọn sắc. Bị cái gậy của người nhà cản lại, chúng càn tức tối. Chúng lồng lộn chung quanh. Chúng nhảy chồm lên. Chúng ngoạm những cái cột giậu, kêu sồn sột. Chúng lay thật mạnh, hục hặc như muốn bẻ gãy cái cột để lao vào đầu người ta... Bà lão với đứa cháu cứ rúm cả tay chân lại. Cháu nép vào bà, bà nép vào người bà phó Thụ. Chị người nhà thì luôn tay vục cái gậy bên này, bên nọ, đằng sau, đằng trước, và quất mắng. Ấy thế mà một con chó còn xông vào được, và chỉ một tí nữa nó xơi chân bà một miếng. Nhưng chị người nhà đánh kịp. Nó mới đâm được mõm vào cái bắp chân gày đét của bà lão thôi. Hú hồn!... Bây giờ, dám gọi sao? Chó thính tai mà lại rất mau chân. Chúng xộc cả ra thì khốn nạn. Ấy thế là bà lão đành ngồi đợi vậy. Cái đi bế em ra ngõ chơi chẳng hạn... Hay là có người nào trong nhà đi đâu. Hay là có người đàn ông khỏe mạnh nào đến nhà bà phó Thụ, để cho bà đi ghẹ. Bà ngồi rồi, tưởng tượng ra đủ mọi cái may mắn tương tự thế. Chỉ còn mỗi một cái bà chưa nghĩ đến: ấy là lúc chính bà phó Thụ ra, hoặc đi đâu về. Thì chính bà phó Thụ đi chợ về. Mới thoạt trông thấy bà lão, bà tưởng là một con mẹ ăn mày. Bà hơi cau mặt:

- Ai kia? Ai ngồi làm gì kia? Chó nó ra, nó lôi mỡ ra cho đấy! Sao mà bạo thế?

Bà lão quay lại mỉm cười móm mém:

- Bẩm bà đi chợ về!...

Bà phó Thụ mở to đôi mắt đỏ ngầu, nhìn kỹ hơn một chút. Bà nhận ra bà cái đi ở. Tức thì mặt bà nguỷ xuống. Bà lão này còn muốn quấy quả gì nữa đây? Để vói tiền thêm chẳng? Bà lão rên một tiếng và chống tay lên đầu gối,

bầy rầy đứng lên. Bà phó hỏi:

- Bà đi đâu thế?

Bà lão lại rên tiếng nữa để mở đầu câu nói (bà rên cũng như một vài người khác bạ lúc nào cũng thở dài. Cái ấy thành thói quen).

- Bẩm bà, con lên chơi với cháu. Lâu lắm, cháu không được về, con nhớ cháu quá!

- Úi dào ôi! Vẽ cái con chuột chết! Nó phải làm chứ có rồi đâu mà bà chơi với nó? Nhà tôi không có cơm cho nó ăn để nó cứ nòng nòng nó chơi. Bà muốn chơi với nó thì đem ngay nó về nhà, tìm cơm cho nó ăn, bà cháu chơi với nhau vài ba tháng cho thật chán đi, rồi hãy bảo nó lên. Tôi không giữ. Bà tưởng nó đã làm giàu làm có cho tôi rồi đấy, hử?

Bà cần phải nói ráo riết ngay để chặn họng, không cho bà lão mở mồm vói vỉnh. Bà lão, bị những lời tàn nhẫn ấy hắt vào mặt quả nhiên không còn nói sao được nữa. Bà cúi đầu, như một con mẹ ăn cắp lúa, bị tuần sương tóm được. Bà phó chớp chớp mồm luôn mấy cái, rồi vác mặt lên trời mà bảo:

- Chơi với bời! Cái lúc nó mới đến, trông như con giun chết, cạy gỏi mũi còn chưa sạch thì không thấy chơi với bời! Người ta nuôi mãi, bây giờ trơn lông đỏ da một tí đã phải đến mà giờ quẻ. Tưởng báu ngọc lắm đấy! Tưởng người ta đã phải giữ khư khư lấy đấy!... Úi chào! Có phải mả tổ nhà người ta đâu mà người ta giữ? Muốn bắt nó về, cho nhà nào nuôi làm bà cô tổ nhà nó thì cứ bắt. Ai người ta thiết? Cứ trả lại tiền người ta!...

Bà lão rưng rưng nước mắt. Khốn nạn, bà có ý quắt quéo thế đâu? Bà mếu máo:

- Bẩm bà, bà dạy thế thì thật oan con quá. Trời để con sống bằng này tuổi đầu, con còn dám lừa lọc hay sao? Thật có trời trên kia làm chứng, nếu con

quả định đến đây để dỗ dành cháu về để đem cho người khác thì trời cứ vật chết con đi! Con chỉ xin bà cho được trông thấy cháu, bà cháu chơi với nhau một lúc. Cũng chẳng còn mấy chốc nữa mà con chết, con cũng tưởng đi chơi đối già một bận...

- Nó không được rồi, mà chơi với bà. Chẳng chơi bởi gì cả! Bà đã trót lên thì vào đây, tôi cho một bữa cơm. Bận sau thì đừng về con khi nữa. Nhà tôi không có thói phép cho chúng nó như thế được. Con tôi đi học tận Hà Nội, để tôi cũng phải nay ra chơi, mai ra chơi với nó đấy! Đã đi ở mà còn không biết phận... Chơi với bởi!

Môi bà lại chiệp chiệp và xì ra...

*

Cái dĩ vừa trông thấy bà, mừng rồi rít. Nó cười rồi nó khóc chẳng biết vì sao cả. Nhưng đôi mắt khoằm khoằm của bà phó Thụ giội nước vào lòng nó. Nó tự nhiên ngượng ngịu. Nó không dám xoắn xuýt bà nó nữa. Nó cúi đầu, khẽ hỏi:

- Bà đi đâu đấy?

- Bà đến xin bà phó một bữa cơm ăn đây! Bà đói lắm.

Câu nói rất thật thà ấy, bà lão dùng giọng đùa mà nói. Như thế người ta gọi là nửa đùa nửa thật. Một cách lấp liếm cái ý định của mình bằng cách nói toạc nó ra. Cái dĩ bế em, dắt bà ra đầu chái, để không bị ai nhìn nữa...

- Bà lên làm gì thế?

- Đã bảo là lên kiểm cơm ăn mà lại!

Cái dĩ không tin thế. Nhưng nó cũng không hỏi nữa. Nó nhìn bà một lúc...

- Da bà xấu quá! Sao bà gầy thế?

- Chỉ đói đấy thôi, cháu ạ. Chẳng sao hết.

- Lớp này bà ở cho nhà ai?

- Chẳng ở với nhà ai.

- Thế lại đi buôn à?

- Vốn đâu mà đi buôn? Với lại có vốn cũng không đi được. Người nhọc lắm.

- Thế thì lấy gì làm ăn?

- Chỉ nhịn thôi chứ lấy gì mà ăn!

Bà cháu mới kịp trao đổi với nhau từng ấy câu thì bà phó đã the thé hỏi:

- Nó bế em đi đâu rồi?

Ấy là dấu hiệu bà sắp gọi. Cái dĩ vợi đặt em xuống đất, bảo:

- Bà giữ nó hộ con một tí.

Nó cởi dải yếm lấy ra một cái túi rút con con. Trong túi róc rách mấy đồng trinh. Nó rút ra, đếm lấy ba xu dúi cho bà...

- Con biểu bà để bà ăn bánh đúc. Bà về đi!

Tiếng bà phó giục:

- Cái dĩ đi đâu rồi? Dem em về đây, rồi quét nhà, dọn cơm.

- Vâng.

Nó tất tưởi bế em chạy về. Bà lão hãi chó, lẻo đẻo đi theo cháu. Bà phó trông thấy mà lộn ruột. Bà sa sả:

- Bà đừng theo đít nó thế. Bà cứ ngồi một chỗ rồi mà ăn cơm. Khiếp thật thôi!

- Vợ ông!...

Bà lão "vâng" thành một tiếng rên. Bà vào nhà, ngồi xón vén vào một xó, ngay xuống đất. Bà phó cất lấy con. Cái dĩ lựt cụt chạy xuống nhà dưới. Một lát sau, tiếng đĩa bát bắt đầu lạch cạch... Bà phó bảo:

- Bà xuống dưới này mà ăn cơm.

Bà bế con ra. Bà lão theo sau. Tiếng khung cửi đã ngừng. Mấy cô dệt cửi đều là con gái hoặc con nuôi bà phó Thụ, đang tới tập, cô xới cơm, cô bỏ rau, cô sẻ mằm, chung quanh cái mâm gỗ đặt ngay trên mặt đất. Cả nhà quây quần vào, chỉ ngồi có một mâm. Bà lão chẳng đợi ai phải bảo, ngồi ngay xuống cạnh cháu, tay run run so đĩa. Trông bà so đĩa mà ngứa mắt! Bà phó muốn giật xoẹt lấy, làm thật nhanh cho đỡ bực. Nhưng bà nhịn được. Bà chỉ chép miệng và lừ đôi mắt, tỏ ý khó chịu. Cái dĩ hiểu nên chỉ nhìn xuống đất. Nó giận bà nó lắm. Nó đã bảo bà nó về đi mà bà nó không chịu về...

Bà phó chẳng nói nửa lời, bê lấy bát cơm ăn. Mặt bà vẫn hằm hằm. Lũ con gái, con nuôi, con ở, biết hiệu, vội vàng cùng làm theo. Chậm một tí, bà chửi cho phải biết! Có khi bà hắt cả bát cơm vào mặt. Bà lão nhìn vòng quanh một lượt, rồi cũng cất bát cơm lên.

- Mời bà phó...

Nhưng bà vừa mới há mồm ra thì bà phó đã cau mặt quát:

- Thôi, bà ăn đi! Đừng mời!

Bà lão vội vàng ăn ngay. Nhưng họ ăn nhanh quá. Mọi người đều lặng lẽ, cầm cúi, mãi một. Đôi đũa này lên lại có đôi khác xuống. Liên tiếp luôn như vậy. Cứ tằm tấp tằm tấp. Tay bà lão lơ lơ, không biết lợi dụng lúc nào để gấp rau vào bát mắm. Lập cập quá, bà đánh rơi cả mắm ra ngoài bát. Bà phó lại cạ mặt, gắt:

- Sẻ riêng cho bà ấy một cái bát, để ra cạnh mâm cho bà ấy.

Một cô vội làm ngay. Từ đấy, bà lão dễ xoay sở hơn một chút. Nhưng bà mới ăn chưa hết hai lượt cơm thì bà phó đã quăng bát đũa xuống đất. Chỉ một thoáng sau, mọi người khác cũng thôi. Họ thôi gần đều một lượt. In như bà mẹ ra hiệu cho họ vậy. Thật ra thì lẽ mỗi người chỉ được ăn có ba vục cơm thôi. Mà phải ăn nhanh để còn làm. Nhưng bà lão nhà nghèo, đã quen sống vô tổ chức, làm gì hiểu trong những nhà thừa thóc, thừa tiền, lại có sự hạn chế miệng ăn như vậy? Bà đoán rằng họ khảnh ăn. No đồn, đói góp. Người đói mãi, vợ được một bữa, tất bằng nào cũng chưa thấm tháp. Những người no mãi, người ta có cần ăn nhiều lắm đâu. Vậy thì bà cứ ăn đi. Ăn đến kỳ no. Đã ăn rình thì ăn ít cũng là ăn. Đằng nào cũng mang tiếng rồi thì đại gì mà chịu đói? Bà ăn nửa thật. Cái dĩ ngượng quá, duỗi cổ ra, trợn mắt, nuốt vội nốt mấy miếng cơm còn lại như một con gà con nuốt nhái. Rồi nó buông bát đũa. Bà bảo cháu:

- Ăn nữa đi con ạ. Nồi còn cơm đấy. Đưa bát bà xới cho.

Nó chưa kịp trả lời thì bà phó đã mắng át đi:

- Mặc nó! Nó không ăn nữa! Bà ăn bằng nào cho đủ thì cứ ăn!

À! Bây giờ thì bà lão hiểu. Người ta đứng lên tất cả rồi. Chỉ còn mình bà lão ngồi ăn với bà phó. Thụ ngồi lại để lờm với nguyệt. Nhưng bà lão còn thấy đói. Còn cơm mà thôi ăn thì tiếc. Vả đã đi ăn chực thì còn danh giá gì mà làm khách. Bà cứ ăn như không biết gì. Đến khi bà đã tạm no, thì cơm

vừa hết. Chỉ còn một ít bám dưới đáy và chung quanh nôi. Bà vẫn tiếc. Bà kéo cái nôi vào lòng, nhìn, và bảo con bé cháu:

- Còn có mấy hột để nó khô đi mất. Tao vét cho mày ăn nốt đi kéo hoài, đi nhé?

- Khô mặc kệ nó! Bà có ăn được hết thì ăn đi... Đừng bảo nó. Nó không ăn vào đâu được nữa. Ăn cho nó nứt bụng ra thì ăn làm gì?

Bà phó vội gắt gỏng bảo thế. Ủ, thì bà ăn nốt vậy! Bà cạo cái nôi sồn sột. Bà trộn mắm. Bà rấm nốt. Ái chà! Bây giờ thì bà đã no. Bà bỗng nhiên nhận ra rằng bà no quá. Bụng bà từng tức. Bà nói thắt lưng ra một chút cho dễ thở. Bà tựa lưng vào vách để thở cho thoải thích. Mồ hôi bà toát ra đầm đìa. Bà nhọc lắm. Ruột gan bà xộn xạo. Bà muốn lăn kênh ra nghỉ, nhưng sợ người ta cười, cố gượng. Ôi chao! Già yếu thì khổ thật. Đói cũng khổ mà no cũng khổ. Chưa ăn thì người rời rã. Ăn rồi thì có phần còn nhọc hơn là chưa ăn. Ôi chao!...

*

Xế chiều hôm ấy, bà lão mới ra về được. Bà bảo về muộn cho đỡ nắng. Thật ra thì bà tức bụng, không đi nổi. Mà bà uống nhiều nước quá. Uống bằng nào cũng không đã khát. Bà chỉ càng thêm tức bụng. Đêm hôm ấy, bà lăn lóc rất lâu không ngủ được. Bà vằn cái bụng, bà quay vào lại quay ra. Bụng bà réo ong óc như một cái lọ nước. Nó thẳng căng. Bà thở ì ạch. Vào khoảng nửa đêm, bà thấy hơi đau bụng. Cơn đau cứ rõ thêm, cứ tăng dần. Chỉ một lúc sau, bà đã thấy đau quặn quéo, đau cuống cuống. Rồi bà thổ. Rồi bà tả. Ôi chao! Ăn thật không bỏ mửa. Bà tối tăm mặt mũi. Đến khi bệnh tả dứt thì bà lại sinh chứng đi lị. Ruột bà đau quặn quại. Ăn một tí vào cũng đau không chịu được. Luôn nửa tháng trời như vậy. Rồi bà chết. Bà phó Thụ nghe tin ấy, bảo: "Bà chết no" và bà dùng ngay cái chết ấy làm một bài học dạy lũ con gái, con nuôi:

- Chúng mày xem đây. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn tộ vào!...

Tiểu thuyết thứ Bảy

1943

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Đợi Chờ

Liều cẩn thận đưa Huyền vào tận giường trong, giúp cho nó nằm xuống cạnh em bé và đặt cái quạt vào tận tay cho nó. Chị lại trở ra giường ngoài. Quân, đứa con trai lên năm tuổi, nằm dạng chân tay, ngủ mệt, đầu hơi ngoẹo đi một chút, mặt nghiêng ra phía cửa. Chị đi vòng về phía đầu giường, ngồi ghé xuống cạnh đầu con, đặt bàn tay lên trán nó. Trán và tóc Quân ướt đầm mồ hôi. Chị vừa lăm bầm chửi yêu con, vừa lau mồ hôi và quạt cho con. Chị quạt cho con như vậy một lúc lâu, vừa quạt vừa nghĩ vẩn vơ. Những phút được ngồi bên cạnh đứa con này hay đứa con kia, bao giờ chị cũng muốn kéo dài ra không biết chán. Nhưng chị ngáp. Gió hiu hiu lọt qua những kẽ màn, trải hơi mát lan nhẹ nhẹ trên da thịt. Tuy cả ngày hôm nay, chị mới chỉ cuốc được vên vên vài luống đất, nhưng lực chạy Tây ba bốn lần cũng đủ mệt nhoài rồi. Chị muốn ngả lưng một tí, nhưng rồi chống lại ý muốn ấy, bởi vì biết trước rằng bây giờ mà đặt mình xuống một lúc, thế nào cũng ngủ say như chết. Chị chưa thể ngủ. Tiện sáng trăng, chị muốn cuốc xong mảnh vườn trước cửa, vì ban ngày vừa làm vừa ngay ngáy lo Tây đến, không làm được mấy. Mà không cố làm thì lấy tiền đâu mà thuê người? Lấy gì mà nuôi con?

Chị tần ngần vuốt tóc Quân một lúc rồi quả quyết đứng lên, vươn vai ngáp và ra sân. Trăng lồng lộng. Trăng dài bao la trên những khu vườn bằng phẳng như liền cả với nhau. Bóng chuối ngổn ngang. Những tàu chuối rười rượi ánh trăng khê đu đưa uể oải. Ánh sáng và không khí bên ngoài làm chị tỉnh táo và khỏe khoắn. Chị nhanh nhẹn đi lại chỗ cái cuốc dựa vào cây na cầm lại chỗ vườn đang cuốc dở, bắt đầu chăm chú cuốc. Những nhát cuốc đều đặn vang những tiếng "sụt" gọn và ngon xốt. Những tiếng cuốc khác đáp lại ở bên

vườn hàng xóm, như những tiếng vang. Lặng nghe còn những tiếng khác xa hơn. Thì ra ở chung quanh người ta cũng đang cuốc vườn đêm. Cả làng chẳng ai chịu thua ai. Ai cũng cố lợi dụng tuần trăng để làm bù vào thì giờ phải chạy Tây, bù cả cho những người vì việc nước mà đi vắng. Chị mỉm cười, nghĩ đến một lúc này ai cũng nói: "Tăng gia sản xuất"... Sản xuất! Sản xuất! Những tiếng cuốc xa tới tấp như vọng lại những tiếng trong lòng chị. Đêm tĩnh mịch. Những tiếng cuốc mỗi lúc một rõ thêm. Trăng từ từ lên cao.

*

Trăng đã lên cao lắm. Đêm về khuya càng vắng lặng. Người ta nghe rõ cả tiếng rì rào của lá tre. Tiếng cuốc thưa dần. Nó tắt ở vườn này rồi lại tắt ở vườn kia. Giấc ngủ lan dần, trái rộng dần và đè nặng trĩu xóm làng, tịch mịch. Vài tiếng cuốc lẻ tẻ còn sót lại. Liễu đã ngáp mấy lần. Cái cuốc bắt đầu loạc choạc. Nhưng vẫn còn tiếng cuốc ở vườn bên cạnh. Liễu nhất định chưa chịu đi nghỉ. Người ta không có con thơ, ban ngày có thể làm cho tận đến lúc chắc chắn là có Tây đến mới cần chạy trốn. Liễu những ba đứa con, cùng bé cả. Chị phải chạy sớm hơn mọi người. Công việc ban ngày chẳng được bao nhiêu, chị phải cố kéo lại bằng cách làm khuya hơn người khác. "Rồi ban ngày ngủ", chị tự nhủ như vậy. Tiếng cuốc ở vườn bên tắt nốt. Tay Liễu rã rời thêm. Mỗi lần cất cái cuốc lên, chị phải vận động cả người. Người chị cũng đã thành một cái gì nặng trĩu, chị phải lấy sức ra mà lay động. Giấc ngủ đè nặng trên mi mắt chị. Bóng tối lẫn vào trong đầu chị. Tiếng cuốc rời rạc của chị vang lên khó nhọc và cô độc quá. Không còn gì vây bọc chị, nâng đỡ và kích thích. Một mình sao người ta yếu đuối và buồn nản thế.

Trăng đã đứng đỉnh đầu. Những bụi chuối, bụi tre như ngủ gục trên cái bóng của chúng đã thu gọn lại. Liễu thở hổn hển, xách cái cuốc về. Ngồi ghé xuống đầu hè nghỉ một lúc cho ráo mồ hôi, rồi chị lấy quần áo đi ra sân tắm. Nước làm cho chị nhẹ nhõm khoan khoái lại.

Về đến sân, chị nghe thấy tiếng người hát nho nhỏ từ ngoài ngõ đưa vào.

Chiều về trên cánh đồng xanh

Có nàng gánh lúa cho anh ra đi diệt thù

Từ ngày chinh chiến mùa thu

Chị nhận ngay ra là Nhàn. Nhàn hay hát những câu ấy quá đến nỗi Liễu chỉ nghe mà cũng thuộc. Tiếng hát êm êm ngân trong đêm khuya và trong lòng Liễu. Nhàn thấy Liễu cười trần đứng ở sân, ngạc nhiên hỏi:

- Chị chưa đi ngủ kia à?

- Chưa, vừa cuốc vườn xong.

- Hoan hô phụ nữ tăng gia sản xuất.

Cô con gái đang tuổi ngỗ ngáo, reo lên to quá.

Liễu ra hiệu tay, ngăn lại:

- Khẽ mồm chứ. Cô ả! Để cho con người ta ngủ.

Nhàn chợt nhớ ra:

- Chết thật! Tôi vô ý quá. Cháu nó chịu ngủ với chị nó, hờ chị?

- Cũng phải chịu chứ. Thời kháng chiến này mà không thế thì chết đói...
Bây giờ mới tan học kia à?

- Tan lâu rồi. Nhưng em còn đi khai hội nên đến giờ mới về.

- Bàn gì mà khuya thế.

- Định chương trình thi đua ái quốc.

Nhàn nhìn kỹ Liễu, nắm lấy cổ tay chị:

- Bà chị tôi lớp này đen mà gầy lắm. Trông già sọm hẳn đi, khéo ông anh tôi về không nhận nữa thì nguy đấy.

Liễu cười:

- Tôi ba con rồi, chả sợ. Những cô chưa có chồng mới lo.

Nhàn then đu đưa tay Liễu:

- Em cũng chả lo!

Liễu nhìn Nhàn âu yếu. Nhàn là vợ chưa cưới của em trai Liễu. Chính Liễu mới manh. Sắp cưới nhau thì súng nổ. Đường vào du kích rồi vào vệ quốc, đi ra mặt trận suốt từ hồi ấy...

Nhàn hỏi:

- Anh có thư về không chị?

- Nhà tôi đi xa không bao giờ viết thư về.

Nhàn nhìn Liễu như ái ngại, rồi buột miệng:

- Anh gan quá.

Liễu mỉm cười. Chị biết Nhàn cũng hiểu lắm chồng chị, Kiện, chồng Liễu được mọi người mến phục, nhưng ai cũng hơi phàn nàn anh hững hờ với vợ con. Người ta cho rằng anh ở tỉnh thành lâu, thích con gái tân thời, chê vợ vì vợ quê mùa. Thật ra thì không ai yêu vợ con bằng Kiện.

Đời làm vợ của Liễu khổ cực rất nhiều, nhưng chị vẫn coi mình sung sướng hơn người vì được chồng quý mến. Chưa bao giờ Kiện nói nặng Liễu

nửa lời.

Còn Liễu, Liễu chẳng được hiểu rõ lắm những công việc của chồng, nhưng chị yêu tính nết và phục tữ cách của chồng, chị tin chồng, nên chồng làm việc gì chị cũng cho là phải. Chị yêu những cái chồng yêu và ghét những cái chồng ghét. Chị không bao giờ đòi hỏi chồng điều gì, mà cũng không bao giờ ngăn cản chồng điều gì cả.

Súng nổ được độ một tuần, Kiện ở tỉnh về. Trái hẳn lại với mọi lần, anh trốn lủi tất cả các anh em đồng chí ở làng. Sợ họ biết anh về mà kéo đến tìm anh. Anh bảo Liễu: "Tôi muốn dành cho chúng mình vài ngày hoàn toàn riêng của chúng mình". Kiện sắp đi xa. Anh biết rằng kháng chiến sẽ rất gian nan. Có thể rằng giặc sẽ tràn đến làng. Giặc sẽ phá làng. Liễu sẽ phải đem con đi tản cư xa. Rồi vườn ruộng, không quen buôn bán, trong tay không có một đồng vốn liếng, một thân đàn bà với ba đứa con thơ, rồi Liễu sẽ ra sao? Anh trông trước thấy tất cả nỗi đau đớn khổ cực, nguy nan đang chờ vợ con anh. Nhưng đoàn thể gọi anh đi. Đoàn thể đó là một cái gì rất thiêng liêng đối với anh. Anh sống chết với nó. Không bao giờ anh từ chối nó một điều gì. Nước nhà đang cần đến những bàn tay, những hy sinh.

Hy sinh không phải là không đau đớn. Đêm hôm ấy, sau khi ba đứa con ngủ cả rồi, Kiện và Liễu nằm sát đầu nhau trên một gối, thức gần hết cả đêm để chẳng nói gì nhiều lắm. Liễu đã nhận thấy cả lòng yêu tha thiết của chồng đối với mình, đêm từ biệt ấy. Chị vừa sung sướng vừa buồn rĩ rượi. Tiếng súng từ đằng xa vọng lại lúc mau lúc thưa. Nằm sát bên chồng nghe tiếng súng, chị thấy cùng với hơi nóng của chồng thấm sang người chị, một cảm giác êm đềm và ảo não. Ôi! Chao! Hạnh phúc có thể rất dễ dàng. Nhưng bàn tay tàn nhẫn của những kẻ lòng tham không đáy đã chụp xuống những cuộc đời và đã gây ra tủi nhục, đau đớn, chia lìa, chết chóc! Chưa bao giờ Liễu hiểu rõ như lúc này, câu nói hằn học của chồng vẫn nói với chị xưa: "Chưa đuổi cổ được thằng Tây ra khỏi đất này, thì hãy khoan nói đến hạnh phúc."

Đời người dân mình chỉ là đời con chó".

Kiện rầu rầu bảo Liễu: "Lấy tôi, mình thật khổ. Những lúc điêu đứng nguy nan nhất, những lúc mình cần đến sự giúp đỡ của tôi nhiều nhất thì tôi lại để mặc mình bơ vơ với lũ con thơ. Mình có giận tôi không?". Liễu không nói gì, chỉ âu yếm vuốt tóc chồng. Và Kiện cười buồn, bảo tiếp: "Kháng chiến thành công, nếu còn sống về làng này tìm nhau nhé?". Liễu hé trông thấy cả một cảnh chia lìa tan tác. Chị lạnh người. Chị muốn khóc òa lên, nhưng cố nghĩ rằng không khóc. Kiện nhẹ nhàng nắm bàn tay chị, như những ngày mới cưới. Họ gục mặt vào nhau mà ngủ.

Hôm sau Kiện ra đi. Anh tránh nhìn các con. Liễu biết rằng anh sợ khóc. Liễu cũng không khóc. Chị tươi cười, chế giễu chồng: "Bộ áo rét của anh tã lã rồi. Mặc vào, trông già hắc đi". Nhưng chồng đi được một lúc thì chị xua lũ con đi chơi, ngồi khóc. Nhớ lại phút giây chia ly ấy, Liễu ghen ngào.

Nhàn càng tưởng chị uất ức vì chồng, an ủi:

- Thôi, bây giờ chịu khổ, bao giờ độc lập tha hồ mà sung sướng. Độc lập thì anh ấy làm to lắm.

Liều lắc đầu:

- Cũng chẳng làm gì mà to. Độc lập rồi, vợ chồng lại gặp nhau làm ăn dễ dàng hơn, con cái được học hành. Tôi chỉ mong ước thế thôi, nhà tôi không ưa danh vị, chỉ thích sống xuềnh xoàng. Tôi cũng thế.

- Độc lập rồi, anh lại về làng làm việc vậy. Có anh đứng ra, kiến thiết tha hồ chóng.

Liều và Nhàn cùng nhớ lại những buổi tối sáng trăng xưa anh chị em tụ tập cả ở cái sân này nói chuyện. Kiện phác những việc sẽ làm: "Xây một cái cống ở chỗ giáp làng Sơn, cứu được non một trăm mẫu ruộng, mỗi năm lợi

cho làng được hàng chục vạn đồng. Không cờ bạc, khao vọng, ma chay phí phạm, lại chịu khó làm ăn hợp lý, lợi dụng từ cái đầm cái ao, chỗ thả cá, chỗ thả sen giống nhàn khắp vệ đường, khuếch trương việc giống bông kéo sợi, mấy lúc làng mình khá? Chỉ ba năm. Nhất định tất cả những đường làng này đều lát gạch. Trường học phải làm thêm hai cái nữa. Chúng mình phải có câu lạc bộ thư viện ra hồn. Phòng thông tin phải có máy vô tuyến điện... Hợp tác xã của chúng mình lúc ấy to lắm nhé".

Nhàn chép miệng:

- Mẹ cha thằng Tây! Chúng nó chỉ muốn bóp cổ chúng mình cho chúng mình không sao ngóc đầu lên được. Nhưng ai người ta chịu nó.

Như trả lời vào đúng câu của Nhàn, tiếng súng và lựu đạn bỗng nổ ran. Nhàn reo lên:

- Đã bảo mà! Chắc lại du kích làng ta. Các anh ấy bây giờ đánh khá lắm rồi.

Liều bảo:

- Cố đánh làm sao cho tan hãn vị trí của nó đi, để chúng mình đỡ phải chạy, làm được nhiều hơn nữa.

- Rồi nó cũng phải đi. Thấy các anh ấy nói lúc này ta chú ý diệt các đồn lẻ của Tây, giai đoạn thứ hai rồi, chị ạ.

Tuy chẳng hiểu rõ thế nào là giai đoạn thứ hai, Liều cũng mừng. Ta đã đi được một đoạn đường rồi. Liều thấy cuộc chiến đấu của nước nhà gần thắng lợi hơn một bước.

- Khổ thật, nhưng rồi cũng quen đi, Nhàn ạ. Sáng sớm mai lại chạy. Đêm nay mà nó chết mấy chục thằng, thế nào sáng mai cũng lên đấy khủng bố. Lại

đến đốt mấy cái nhà nữa là cùng thôi chứ gì! Bây giờ đốt, người ta ít cần... Đi ngủ chứ, cô?

- Vâng, đi ngủ để mai dậy sớm. Chị nhớ đánh thức em nhé. Ít lâu nay, đồ đồn ra, hay ngủ mệt.

Nhàn chỉ còn có bà ngoại già ngót tám mươi đi tản cư hẵn không về. Mình Nhàn ở nhà trông coi vườn đất. Đêm nào Nhàn cũng sang ngủ nhà Liễu, vừa để cho có bạn, vừa để giúp đỡ Liễu những khi cần chạy. Hai người vào nhà. Trăng chênh chếch ngả bóng trên nửa ngoài mấy cái giường. Liễu trông thấy Huyền, đưa con gái lớn ngủ gục mặt vào em, khẽ kêu lên:

- Con đi! Sao nó lại gục mặt vào con tôi thế này? Bức chết thôi!

Nhàn cũng chạy lại xem, khẽ cười hi hí:

- Để tôi ẵm nó ra giường này cho.

Nhàn luồn tay xuống bên dưới gáy và đùi Huyền nhấc nó lên đem ra giường giữa.

- Ôi chà! Cháu tôi nặng quá! Bao giờ có chồng cho cô ăn trầu?

Liễu cười, mắng yêu Nhàn:

- Rõ chán! Cô hãy hỏi thân cô ấy!

Chị gục vào hôn con, má chạm vào cái áo sơ mi rách của chồng. Cái áo lụa mềm nhũn, mát rượi da tay Liễu. Từ khi chồng đi vắng, chiếc áo sơ mi cũ ấy không đêm nào rời Liễu.

Chị nhắm hai mắt lại, nựng con:

- Thương con tôi quá! Con tôi phải ngủ với nó từ chập tối đến giờ. Mẹ bỏ

đi mất. Mẹ hư quá! Bố thằng Tây làm khổ con!

Chị ôm chặt thằng bé vào sát ngực. Hình ảnh Kiện tươi cười hiện ra... Ngày thắng lợi! Ngày độc lập! Chị như trông thấy một thằng bé lon xon chạy ra đón bố! Và Kiện reo lên: "A ha! Con tôi đã nhớn thế này rồi kia!".

Những hình ảnh đẹp đẽ ấy chập chờn trong đầu chị, đi vào giấc mơ.

1948

Rút từ Đôi mắt

ĐÔI MẮT

Nam Cao
www.dtv-ebook.com

Trần Cừ

Người đội trưởng da ngăm ngăm đen ấy, có đôi mắt sắc và nụ cười rất yêu đời. Anh dễ cười đùa. Cũng như anh dễ giơ tay xin nhận lấy những nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm một cách tự nhiên, giản dị. Anh thường bảo:

"Khó đến đâu, người cộng sản cũng tin rằng mình làm được. Và làm cho kỳ được".

Mỗi lần trao nhiệm vụ cho anh, cấp trên rất vững tâm. Anh tin chắc ở đơn vị của anh, anh tin chắc ở chính anh. Những phương tiện cho anh có thể đến mức nào, anh biết, anh không đòi hỏi quá.

Ở hội nghị phổ biến kế hoạch đánh Đông Khê đi ra, một người bạn vỗ vai anh, khẽ bảo:

- Phen này gay lắm đấy. Chắc chắn là phải hy sinh lớn. Tao sợ mày nghèo mất.

Cừ cười:

- Nghèo thì nghèo, cần gì? Chúng mình không sợ chết vì nhiệm vụ. Chỉ sợ không làm tròn nhiệm vụ.

Một chút băn khoăn thoáng qua đôi mắt sắc. Anh lường biết tất cả những khó khăn của trận này. Công sự địch tăng cường. Lực lượng địch tăng cường.

So với trận Đông Khê trước, khó gấp trăm, mà cũng do trận Đông Khê

trước, địch phòng bị ngày đêm, không xao lãng một phút nào. Chúng cố giữ đến cùng. Ta nhất định phải diệt cho bằng được, không có quyền được rút...

Nhưng mắt Cừ trong trẻo, bình tĩnh lại ngay. Anh ngẩng mặt, nhìn xa, miệng nở cười...

- Tớ có nghèo, cũng nhất định nghèo ở trong đồn, không chịu nghèo ở vòng ngoài. Nghèo cũng phải làm xong nhiệm vụ rồi mới nghèo.

Chiều 15, trước khi từ bàn đạp ra trận địa, Cừ nói trước đội tiêm đao:

- ... Nếu không xong nhiệm vụ tôi quyết không còn làm đội trưởng tiêm đao, mà các anh cũng không xứng đáng là đội viên đội tiêm đao nữa.

Đoàn xung kích đi bố trí. Tập công kiên luôn mấy tháng nay rồi. Anh nào cũng mong được đi đánh thật một trận để xem kỹ thuật của mình đã tiến đến mức nào. Lúc thử đã đến đây! Mỗi người thấy náo nức trong lòng, nhưng đồng thời cũng thấy một chút gì như hồi hộp nữa. Trận đầu... Trận quy mô lớn đầu tiên từ khi vào bộ đội đến nay... Phải tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch mới thôi... Nếu không giải quyết nhanh được, có thể trận đánh sẽ kéo dài, sẽ thêm nhiều cái khó khăn... Địch có thể tiếp viện rất nhanh. Chúng nó sẽ nhảy dù ngay trên lưng mình. Chắc chắn là máy bay của chúng sẽ quần khỏe lắm, bắn và trút bom dữ lắm... Ta đã có những cách đối phó sẵn sàng. Nhưng vẫn có thể có nhiều cái mới không thể lường trước được. Phải đánh rồi mới biết... Những vùng trán dầu dãi nặng trĩu những dự tính, những lo toan. Những bộ mặt sém nắng lăm lăm. Những con người đi vào cuộc chiến đấu suy nghĩ rất nhiều, dùng đến sức óc rất nhiều. Họ không sợ chết, nhưng không coi cuộc chiến đấu là một trò đùa. Một viên đạn còn phải tính, sao lại có thể đi đến cuộc vật lộn gay go với giặc như đi dự một trò chơi ngồ ngộ?...

Chiếm lĩnh trận địa xong, họ lập tức đào công sự. Pháo binh chưa tới kịp. Cứ một lát lại có điện thoại của ban chỉ huy gọi, hỏi. Ông T. chạy lên chạy

xuống râu tua tủa mọc ra thêm. Chốc chốc ông lại xem giờ. Điện thoại của ban chỉ huy hỏi dồn thêm...

- Alô! Alô. Pháo binh đã tới chưa?... Đến đâu rồi?...Sao thế?...

Liên lạc này đi rồi liên lạc khác tới. Đường xóc quá, khó đi quá. Có anh giập chân rồi. Anh em bắt cả máu vai. Họ vẫn cố đi, cố tới kịp giờ. Nhưng cố gắng thế nào mỗi giờ cũng chỉ đi được bốn năm trăm thước...

Ông T. bực bội:

- Tính sát giờ quá! Không căn cứ tỉ mỉ vào tình hình, từng quãng đường chỗ khó, chỗ bằng, chỗ dốc, chỗ núi đá, chỗ núi đất, chỗ đường to, đường nhỏ thế nào. Chỉ căn cứ vào những con số ở bản đồ. Nguy hại thật!...

Ông vò đầu, vò tai, khổ sở. Cũng may mà liên lạc về báo: một toán sắp tới rồi. Ông T. nhẹ hẫng người. Anh em xung kích đào công sự đã xong. Mấy bát cháo loãng lúc chiều hết veo rồi. Người mệt. Bụng đói meo. Nhưng nghe tin pháo binh đã tới, họ mừng. Họ biết anh em pháo binh đi chặt vật như vậy, đến nơi thế nào cũng mệt nhoài. Họ bảo nhau, một số đi đào công sự, dọn chỗ sẵn để khi anh em pháo binh đến, chỉ việc đặt súng xong rồi nghỉ cho lại sức. Các cán bộ xung kích cũng đi tìm chỗ đặt súng sẵn cho những khẩu đến sau, đỡ cho các cán bộ pháo binh, trong khi các cán bộ pháo binh còn bận chỉ huy toán trước...

Kế hoạch đổi. Mặc dầu ở mạn Bắc, ta đã nổ súng, mạn Nam vẫn chưa thể đánh vào sáng ngày 16. Một ngày chờ đợi, sốt ruột và xót ruột. Hỏa lực địch dồn cả lên mạn Bắc. Chừng hơn một giờ sau, có tiếng động cơ. Tàu bay địch lượn rất lâu, trút liên thanh. Nhảy dù chăng? Có giỏi thì cứ nhảy dù đi! Có những người đang đợi. Nhưng cả ngày hôm ấy không có nhảy dù. Chỉ thấy thả bom và bắn.

Năm giờ chiều, lệnh tiến. Một giờ, tất cả các vị trí trao cho phải chiếm, đều chiếm xong tất cả. Điện thoại cho biết: Phía Bắc đồn to, ta chiếm được rồi. Quân ta đang tung hoành ở trong đồn. Lệnh cho tiến vào nhà thương và đồn to. Nhưng tiến vào, thấy địch ở phía Nam đồn vẫn bắn rất hăng. Tìm địch không ra. Chúng nó chui hết cả vào các lô cốt, các hầm. Chỉ huy xung kích báo cáo tình hình lên. Yêu cầu cho pháo binh bắn vào phía Nam đồn. Xung kích vừa tiến vào vừa liên lạc bằng dây nói với pháo binh...

- Alô! Hụt rồi. Chính hỏa lại đi. Lên mười thước nữa... Alô! Chệch về bên phải mất năm thước... Alô!... Xa quá, lùi lại năm thước nhé...

Nhờ vậy pháo binh bắn rất hay. Nhưng gần sáng, địch phản công. Nhờ có công sự kiên cố và ngoắt ngoéo, chúng chưa bị diệt bao nhiêu. Trời sáng, chúng trông rõ ta hơn. Chúng hy vọng có tiếp viện, có máy bay... Tình thế không có lợi cho ta. Lệnh cho tạm rút ra ngoài, vây chặt đồn...

Đoàn trưởng Huyền bước lại gần một người đang ngồi tì tay lên má:

- Ai đấy?

Trần Cừ ngoảnh mặt lại. Huyền thấy một đôi mắt đỏ hoe, mòng mòng nước. Anh cau mặt:

- Hừ! Trần Cừ đấy à? Anh khóc chắc...

Cừ ngược đôi mắt sắc nhưng lúc ấy rơm rớm nước mắt nhìn Huyền. Huyền cười gằn:

- Cán bộ gì mà xoàng thế?

Từ ngày Cừ vào bộ đội, chưa ai bảo Cừ là xoàng cả. Anh đã vào sinh ra tử rất nhiều, ngay đêm vừa qua, anh đã xông xáo rất ghê. Đạn như mưa. Những lúc quyết liệt nhất, anh vẫn xông lên trước, dẫn đầu đơn vị... Cừ ghen ngào

không nói được. Nhưng đôi mắt cương quyết của anh trả lời người Đoàn trưởng. Huyền hơi dịu giọng:

- Đánh nhau thì phải có thương vong. Anh đã biết trước được trận này có thể phải hy sinh lớn. Chịu hy sinh lớn để làm xong nhiệm vụ. Sẽ ảnh hưởng đến toàn chiến dịch. Càng không sợ hy sinh, càng làm giảm bớt số hy sinh. Anh hiểu cả đấy. Cán bộ không bình tĩnh, quyết tâm, giữ làm sao được tinh thần đội viên? Ủy mị thì lạ thật!...

Cừ không ủy mị. Anh kiểm lại trận đánh đêm qua. Xung kích rất gan dạ. Trợ chiến tinh táo, đi rất sát, yểm hộ cho xung kích tiến. Có những anh kề súng máy vào tận lỗ châu mai, bắn. Bắn hết đạn, anh chưa kịp rút ra, thì đã bị địch bắn lại, trúng anh. Anh đổ xuống. Anh khác tiến lên ngay, người đến sau kề ngay súng lên xác người vừa tử trận, để lia vào địch. Rồi mìn. Rồi lựu đạn. Địch đến không còn ngóc được đầu lên. Lắm lúc tưởng như địch chết hết cả rồi. Nhưng chúng vẫn còn! Thế có uất người không? Chúng rút xuống hầm. Ta chỉ xông xáo ở trên. Không biết sục xuống hầm. Không biết chặn chúng lại, chặt chúng ra từng khúc, bao vây chúng, tiêu diệt hẳn từng bộ phận, không cho chúng rút. Lỗi đánh của ta hỏng, nên có anh dừng mà chưa làm xong nhiệm vụ... Cừ bực lắm...

Cừ thấy như mình có lỗi. Tại sao không nghĩ ra điều ấy ngay lúc vào vị trí? Muốn giải quyết được chiến trường phải tiêu diệt sinh lực địch. Tiêu diệt sinh lực địch là điều chính cốt. Có lẽ ngay các đơn vị bạn cũng quên điều ấy! Báo cáo không đầy đủ. Chỉ nói đã chiếm được đồn mà không nói đến số địch chết bao nhiêu, bị bắt bao nhiêu. Vì thế mà ban chỉ huy không nắm rõ được tình hình. Mãi đến sáng, thấy hỏa lực địch còn mạnh, mới có lệnh tạm rút. Thiệt hại nhiều chính vào lúc rút lui.

Cừ thấy thương các bạn chiến đấu của mình. Trông những cái cẳng rời mặt trận... Những chị dân công mắt đỏ hoe, vừa gạt nước mắt vừa đi... Nghĩ đến những đồng chí bị thương không kịp công còn nằm lại trong đồn... Các

đồng chí rút về, mặt hạm hực lăm lì... Làm sao không uất được? Nhưng uất nhất là chưa làm xong nhiệm vụ. Mà đáng lẽ có thể xong ngay đêm qua rồi!...

Cừ muốn nói ra tất cả những điều ấy với Huyền. Nhưng Huyền bảo Cừ hãy theo anh đi, đi gặp các anh kia. Các cán bộ họp, rút kinh nghiệm với nhau, rồi phổ biến kinh nghiệm cho các đội viên.

Một điều khiến họ băn khoăn: đơn vị đã bị tổn thương. Rất có thể ban chỉ huy sẽ cho họ rút về làm hậu bị, điều đơn vị khác lên thay. Tất cả các cán bộ nhìn Huyền, nhưng Huyền ngẩng mặt lên cương quyết:

- Không! Chúng mình sẽ đề nghị với ban chỉ huy đừng thay thế. Đơn vị đánh xung kích đêm qua rất có tinh thần, chỉ vì ta đánh phô lần đầu, chưa có kinh nghiệm, nên chưa làm xong nhiệm vụ. Qua đêm đầu, có kinh nghiệm rồi, lại thuộc địa hình địa vật hơn. Nó đang muốn trả thù. Cứ bổ sung cho nó, rồi cho nó trả thù, làm xong nhiệm vụ của nó chưa làm xong đêm trước. Không nên thay thế.

Mọi người đều phấn khởi. Cừ vui vẻ lại gần đội viên tiêm đao:

- Chúng ta sẽ làm xong nhiệm vụ nội đêm nay. Nhiệm vụ chưa xong, nhất định chúng ta không chịu ra khỏi đồn.

Những bộ mặt tươi lên. Những con mắt lóe ánh sáng...

Ba giờ chiều, lệnh của ban chỉ huy cho chuẩn bị, năm giờ rưỡi, từ chỗ nghỉ tiến lên. Có kinh nghiệm đêm trước rồi, nên họ tiến bình tĩnh, chắc chắn, vừa tiến vừa quan sát tình hình. Chín giờ mở đột phá khẩu tiến vào. Sau một giờ kịch chiến, một bộ phận chiếm xong nhà phú Thiện. Đồng thời bộ phận kia cũng chiếm xong trường học, tiến ra nhà cũ, thấy đơn vị bạn đã ở đó rồi. Nhiệm vụ xong! Nhưng lệnh của ban chỉ huy lại trao thêm: đánh vào phía Tây Nam đồn to, hợp sức với đơn vị bạn đã đánh vào mạn Bắc. Trần Cừ xông

lên:

- Các anh em! Báo thù cho các đồng chí của chúng ta!

Một chú liên lạc chạy trước anh, tay chú cầm lựu đạn lăm lăm. Chú rướn mãi người lên, chực "cả cái" vào một lỗ châu mai. Nhưng chú thấp quá, không với tới. Trần Cừ bước lên, bảo:

- Chú đưa anh!

Tiếng lựu đạn nổ vang. Nhưng đồng thời một băng đạn súng máy lia trúng Trần Cừ. Cừ lao đảo hô:

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

Anh gục xuống, lấp một lỗ châu mai...

- Anh Cừ!...

Mấy đội viên xông xộc tiến lên. Liên thanh, lựu đạn, mìn. Khói bốc mù. Gạch đá lung tung lên. Những bóng người thoăn thoắt xông vào đám khói...

- Đánh sập hầm xuống! Chặn chúng nó lại...

Đột nhiên, Thân, một anh tiểu đội trưởng bị thương nằm ở gần đấy từ đêm qua, bỗng vùng lên:

- Thích quá! Cho tôi đánh với, các anh ơi!...

Và trước một lô cốt khác, Xuân Minh ôm bụng. Anh vừa trúng đạn. Anh đã hơi lão đảo, nhưng vẫn chỉ huy, đôn đốc anh em. Một tiếng nổ vang trời. Lô cốt bị phá tung. Đội phó Minh thét anh em:

- Đánh vào lô cốt thứ hai đi!

Anh chực ngã. Một đội viên vội đỡ anh...

- Để tôi công anh ra.

Minh đẩy anh đội viên ra:

- Tiến lên đi!

Và thấy anh đội viên do dự, anh hơi gắt:

- Mặc kệ tôi! Tôi còn đi được.

Anh một mình lùi về mặt sau...

Đoàn trưởng Huyền đang cầm ống điện thoại, liên lạc với đoàn phó ở mặt trận:

- Alô! Bằng! Alô! Bằng! Bằng đâu?

Trận đánh đang xô xát. Súng đang âm ầm. Những tia lửa phún phụt, chi chít, liên hồi. Thình thoảng một tiếng nổ to chớp lập lòe... Tiếng đoàn trưởng lạc hần giọng đi:

- Alô! Bằng! Alô! Bằng!...

Mãi mới có trả lời, Huyền mừng rỡ, nói như reo:

- À, Bằng đấy à? Thế nào? Giữ liên lạc với Huyền luôn luôn nhé! Alô!

Huyền lắng tai nghe. Anh bỗng sửng sốt:

- Cái gì? Alô!... Trần Cừ? Trần Cừ bị rồi à?

Anh nghe thêm một tí nữa rồi phũ phàng buông mạnh ống điện thoại xuống, ngấn mặt ra. Anh nuốt nghẹn. Chính anh cũng khóc. Nhưng chỉ trong

một phút, anh lại vồ lấy máy:

- Alô! Bằng...! Có thể về thay cho mình lên một lúc không?... Không được à? Ủ? Thế nào? Định bắn rất lắm à?... Không sao cả. Cứ tiến lên! Phải giải quyết xong nội đêm nay. Bằng nghe không? Nội đêm nay. Giải quyết cho xong nội đêm nay. Giải quyết cho bằng được... Đạn à? Có rồi đấy! Anh em văn phòng, cũng xung phong đi tải đạn với dân công đấy. Quyết tâm đấy nhé! Giải quyết xong nội đêm nay. Không lùi một bước. Lệnh của ban chỉ huy như vậy... Được rồi, Bằng đi đi! Báo thù cho Trần Cừ!...

Ở đầu kia đây, đoàn phó Bằng trao máy cho người khác chuyển theo anh. Anh xông lên, hét lớn:

- Báo thù cho Trần Cừ! Tiến lên!

Hết đêm hôm ấy, địch chúi ở dưới hầm phải ra hàng. Đông Khê giải phóng.

1950

Rút từ tập Truyện Biên giới